

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BÙI VĂN KHIẾT (Tổng Chủ biên)
CAO VĂN GIÁP – ĐỖ THỊ HƯƠNG BƯỞI (Đồng Chủ biên)
VŨ THỊ HOA – PHẠM THỊ KIỀU OANH – NGÔ THỊ THU HIỀN – BÙI THỊ HƯƠNG MƠ
HÀ THỊ VÂN ANH – HOÀNG THỊ THUYẾT – NGUYỄN THỊ THÁI HÀ – VŨ BIÊN CƯƠNG
NGUYỄN THUYẾT DƯƠNG – HÀ DIỆU HƯƠNG – HOÀNG THỊ MINH
NGUYỄN THUYẾT DƯƠNG – TRẦN CÔNG HƯNG – PHAN THỊ XUÂN
NGUYỄN THỊ THÔNG HOA – VŨ VĂN PHÓ – TRẦN ĐỨC HÙNG
NGUYỄN VĂN PHONG – PHẠM VĨNH THUẬN – VŨ THỊ LAN HƯƠNG
NGUYỄN TIÊN TIẾN – BÙI THỊ NGỌC LAN – HOÀNG THỊ HUYỀN

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
Tỉnh **NINH BÌNH**



BẢN MẪU

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH BÌNH – LỚP 11

Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình
Sở Giáo dục và Đào tạo

LỜI NÓI ĐẦU

Ninh Bình là vùng đất địa linh nhân kiệt, từ lâu đã giữ vị trí quan trọng trong tiến trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Trên mảnh đất Cố đô giàu truyền thống ấy, những giá trị về lịch sử, văn hoá, con người, thiên nhiên và tinh thần lao động sáng tạo luôn được bồi đắp qua nhiều thế hệ, tạo nên nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững hôm nay và mai sau.

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình – Lớp 11 được biên soạn nhằm góp phần thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; đồng thời giúp học sinh hiểu sâu sắc hơn về quê hương mình, từ đó bồi dưỡng tình yêu quê hương, niềm tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm công dân và khát vọng cống hiến.

Cuốn tài liệu gồm 6 chủ đề tiêu biểu, phản ánh tương đối toàn diện diện mạo lịch sử, văn hoá, kinh tế và xã hội của tỉnh Ninh Bình:

- Danh nhân tỉnh Ninh Bình
- Kinh tế tỉnh Ninh
- Thơ hiện đại tỉnh Ninh Bình
- Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo ở tỉnh Ninh Bình
- Xây dựng các sản phẩm văn hoá nhằm phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Ninh Bình
- Thể thao tỉnh Ninh Bình – sức mạnh truyền thống và hội nhập

Trong quá trình biên soạn, nhóm tác giả đã kế thừa các nguồn tư liệu chính thống, cập nhật thông tin mới, đồng thời chú trọng tính sư phạm, tính thực tiễn và khả năng vận dụng trong dạy học. Tài liệu được thiết kế theo hướng mở, linh hoạt, tạo điều kiện để giáo viên chủ động tổ chức các hoạt động học tập phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

Hi vọng rằng *Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Ninh Bình – Lớp 11* sẽ là công cụ hữu ích của giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học; góp phần lan toả tình yêu quê hương, hun đúc ý chí vươn lên, trách nhiệm với cộng đồng và khát vọng xây dựng Ninh Bình ngày càng giàu đẹp, văn minh.

BAN BIÊN SOẠN

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU.....	3
Chủ đề 1. DANH NHÂN TỈNH NINH BÌNH.....	5
Chủ đề 2. KINH TẾ TỈNH NINH BÌNH.....	25
Bài 1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH NINH BÌNH.....	25
Bài 2. THỰC HÀNH VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT NGÀNH KINH TẾ CỦA ĐỊA PHƯƠNG.....	43
Chủ đề 3. THƠ HIỆN ĐẠI TỈNH NINH BÌNH.....	44
Bài 1. NGỌI CA HẠT LÚA.....	44
Bài 2. CUỐI RẼ ĐẦU CÀNH.....	48
Bài 3. TÌNH LÚA.....	51
Đọc mở rộng: BÃI BỒI.....	54
Chủ đề 4. KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở TỈNH NINH BÌNH	56
Chủ đề 5. XÂY DỰNG CÁC SẢN PHẨM VĂN HOÁ NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH	66
Chủ đề 6. THỂ THAO NINH BÌNH – SỨC MẠNH TRUYỀN THỐNG VÀ HỘI NHẬP.....	79
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	90
TÀI LIỆU THAM KHẢO	91
BẢN QUYỀN/NGUỒN HÌNH ẢNH.....	93
NGUỒN BẢNG SỐ LIỆU	95

Chủ đề 1

DANH NHÂN TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được khái niệm, vai trò của danh nhân trong lịch sử phát triển của tỉnh Ninh Bình.
- Trình bày được tiểu sử, sự nghiệp và những đóng góp nổi bật của các danh nhân tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
- Thực hiện được một dự án/sản phẩm học tập về một danh nhân tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình.
- Rút ra được bài học cho bản thân từ cuộc đời, sự nghiệp và những đóng góp của các danh nhân tiêu biểu.

A. MỞ ĐẦU

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao; nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên.”

(Thân Nhân Trung, trích *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất*, niên hiệu Đại Bảo thứ ba trong Bia tiến sĩ tại Văn Miếu – Quốc Tử Giám; Theo bản dịch của Viện Sử học, *Văn bia Hà Nội*, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978)

Lời khẳng định của Thân Nhân Trung đã nhấn mạnh vai trò to lớn của người tài đối với sự hưng thịnh của đất nước. Trong dòng chảy lịch sử dân tộc, tỉnh Ninh Bình là vùng đất giàu truyền thống văn hiến, nơi sinh ra và gắn liền với nhiều danh nhân tiêu biểu có đóng góp quan trọng cho quê hương và Tổ quốc.

Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về một số danh nhân tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình.



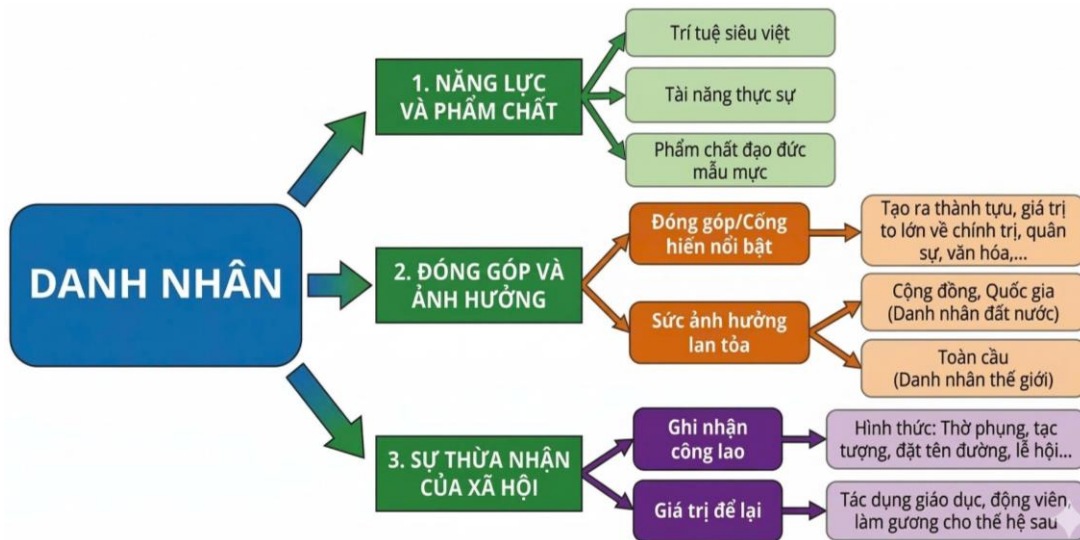
Hình 1.1. Tượng vua Đinh Tiên Hoàng tại Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, thuộc khu Di tích Cố đô Hoa Lư (phường Tây Hoa Lư)

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Khái quát về danh nhân tỉnh Ninh Bình

1.1. Khái niệm danh nhân

Danh nhân là những người kiệt xuất, có tài năng và nhân cách lớn, đã có những cống hiến đặc biệt xuất sắc cho sự phát triển của cộng đồng, dân tộc hoặc nhân loại trong các lĩnh vực cụ thể như chính trị, quân sự, văn hoá,... Tên tuổi và sự nghiệp của họ có sức ảnh hưởng sâu rộng, được lịch sử ghi nhận và hậu thế tôn vinh, kính trọng.



Hình 1.2. Sơ đồ các yếu tố hội tụ của một danh nhân

Em có biết?

Tính đến cuối năm 2025, Việt Nam có 8 danh nhân được UNESCO vinh danh và kỉ niệm năm sinh/ năm mất, khẳng định tầm vóc trí tuệ và văn hoá dân tộc. Các danh nhân bao gồm: Nguyễn Trãi (1980), Hồ Chí Minh (1990), Nguyễn Du (2015), Chu Văn An (2019), Nguyễn Đình Chiểu (2021), Hồ Xuân Hương (2021), Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (2023) và Lê Quý Đôn (2025).

Theo em, khi nào một nhân vật lịch sử được gọi là danh nhân?

1.2. Tổng quan về danh nhân tỉnh Ninh Bình

Tỉnh Ninh Bình nằm ở phía Nam đồng bằng châu thổ sông Hồng, là cửa ngõ kết nối vùng Bắc Bộ với vùng Bắc Trung Bộ, đồng thời là vị trí gắn kết vùng núi Tây Bắc với dải duyên hải Bắc Bộ. Với vị thế địa chiến lược này, Ninh Bình vừa có vai trò quan trọng trong bảo đảm an ninh, ổn định chính trị, vừa là địa bàn hội tụ và giao thoa của các dòng chảy kinh tế, văn hoá, xã hội xuyên suốt trong tiến trình lịch sử dân tộc.

Vùng đất địa linh nhân kiệt, giàu truyền thống khoa bảng này là nơi sinh ra của những con người tài hoa, kiệt xuất và có đóng góp không nhỏ cho lịch sử xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước trên nhiều lĩnh vực.

Căn cứ vào lĩnh vực đóng góp, danh nhân tỉnh Ninh Bình có thể được chia thành ba nhóm vai trò chính sau đây:

Bảng 1.1. Vai trò và một số danh nhân tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình

Lĩnh vực	Vai trò	Danh nhân tiêu biểu
Chính trị	Đứng đầu các vương triều, chính quyền hoặc giữ các vị trí trọng yếu; đề ra đường lối, chính sách định hướng phát triển cho quê hương, đất nước.	Đình Tiên Hoàng, Lưu Cơ, Trịnh Tú, Lê Đại Hành, Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trương Công Giai, Phạm Thận Duật, Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Nguyễn Cơ Thạch,...
Quân sự	Vai trò tiên phong trong việc tập hợp lực lượng, chỉ huy các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và bảo vệ chủ quyền dân tộc.	Đình Bộ Lĩnh, Đinh Liễn, Đinh Điền, Nguyễn Bặc, Lê Hoàn, Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Lê Văn Mai, Trần Tử Bình, Mai Chí Thọ, Nguyễn Hữu An,...
Văn hoá	Phát triển văn hoá, giáo dục, sáng lập các trường phái tư tưởng, tôn giáo, đạt thành tựu cao trong khoa cử và sáng tạo nghệ thuật, làm phong phú đời sống tinh thần của dân tộc.	Nguyễn Minh Không, Nguyễn Hiền, Trương Hán Siêu, Lương Thế Vinh, Vũ Duy Thanh, Vũ Phạm Khải, Nguyễn Khuyến, Trần Bích San, Tú Xương (Trần Tế Xương), Lương Khánh Thiện, Nam Cao (Trần Hữu Tri), Nguyễn Bính, Nguyễn Hồng,...

Em có biết?

Trần Nhân Tông (1258 – 1308) là một vị vua anh minh, đồng thời là nhà văn hoá lớn và thiền sư lỗi lạc trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Trong thời gian trị vì (1278 – 1293), nhà vua chăm lo phát triển đất nước giàu mạnh và trực tiếp lãnh đạo, tổ chức thắng lợi hai lần kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược (các năm 1285 và 1287 – 1288). Sau khi nhường ngôi, ông xuất gia sáng lập Thiền phái Trúc Lâm – một dòng thiền mang đậm bản sắc Việt – được nhân dân tôn xưng là Phật hoàng.



Hình 1.3. Tượng đức Vua – Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn tại chùa Phổ Minh (phường Nam Định)

Em có biết?

Phạm Thận Duật (1825 – 1885) là một biểu tượng của trí tuệ, khí tiết và tinh thần yêu nước Việt Nam ở cuối thế kỉ XIX. Trên ba mươi năm làm quan đạt đến Nhất phẩm triều đình, Phạm Thận Duật có nhiều đóng góp về trị thủy, cứu đói, dẹp loạn và đề xuất nhiều giải pháp bảo vệ đất nước trước họa ngoại xâm. Ông còn là nhà văn hoá uyên bác, là tổng kiểm duyệt bộ “Khâm định Việt sử thông giám cương mục” (bộ chính sử lớn nhất thời Nguyễn), tác giả “Hung Hoá kí lược” (công trình địa phương chí có nhiều giá trị về vùng Tây Bắc). Năm 1885, Phạm Thận Duật tham gia phong trào Cần Vương, phò vua Hàm Nghi, khởi thảo Chiếu Cần Vương, bị bắt và hi sinh anh dũng trên hành trình thực dân Pháp đưa ông đi đày ở Ta-hi-ti.



Hình 1.4. Chân dung Phạm Thận Duật

Em có biết?

Lương Khánh Thiện (1903 – 1941) là một nhà cách mạng kiên trung, đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Bí thư Xứ uỷ Bắc Kỳ, Bí thư Thành uỷ Hà Nội, Bí thư Liên tỉnh B, Phụ trách Thành uỷ Hải Phòng. Tại Ninh Bình, ông tích cực hoạt động trong phong trào công nhân Nhà máy Sợi Nam Định và tuyên truyền, tạo tiền đề thành lập chi bộ Đảng đầu tiên tại Phủ Lý. Ngày 01/9/1941, do không mua chuộc được Lương Khánh Thiện, thực dân Pháp đã xử bắn ông. Đồng chí đã anh dũng hi sinh để giữ trọn lòng thủy chung, sắt son với Đảng, với dân tộc.



Hình 1.5. Tượng Lương Khánh Thiện tại Nhà lưu niệm (phường Phủ Lý)

Trải qua các thời kì của lịch sử dân tộc, danh nhân của tỉnh Ninh Bình đã có những đóng góp to lớn và toàn diện trên nhiều lĩnh vực, từ chính trị, quân sự đến văn hoá, giáo dục,... qua đó góp phần quan trọng vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc. Ngày nay, danh nhân Ninh Bình là những tấm gương sáng giúp các thế hệ trẻ noi gương, có ý chí học tập và vươn lên để đóng góp xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

1. Kể tên một số danh nhân của tỉnh Ninh Bình mà em biết.
2. Nêu những nét chính về vai trò của danh nhân trong lịch sử phát triển của tỉnh Ninh Bình. Lấy ví dụ cụ thể.

2. Danh nhân tiêu biểu tỉnh Ninh Bình

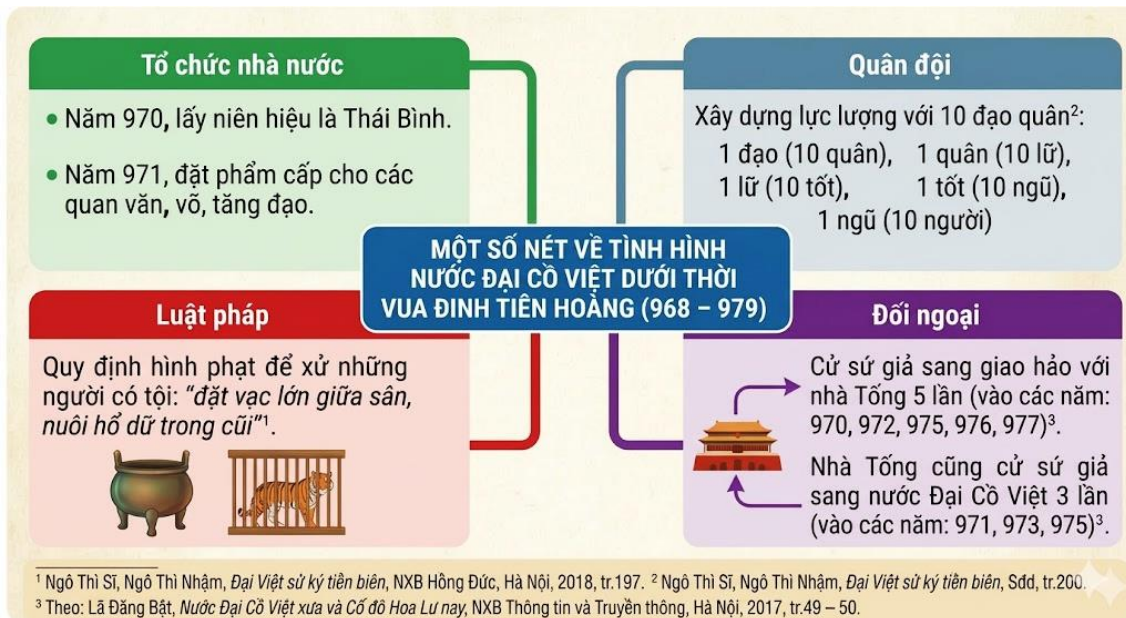
2.1. Danh nhân chính trị tiêu biểu tỉnh Ninh Bình

a) Đinh Bộ Lĩnh (924 – 979)

Đinh Bộ Lĩnh, sinh năm Giáp Thân (924) ở động Hoa Lư, châu Đại Hoàng (nay thuộc xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình), là con trai của Đinh Công Trứ – Thứ sử Hoan Châu (nay thuộc Nghệ An), mẹ là Đàm thị.

Năm 944, Ngô Quyền qua đời, triều Ngô suy yếu, đất nước lâm vào tình trạng phân tán, cát cứ, còn gọi là “cục diện 12 sứ quân”. Cuối năm 967, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp yên được các sứ quân, chấm dứt tình trạng loạn lạc, thống nhất đất nước.

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư. Trong 12 năm trị vì (968 – 979), vua Đinh Tiên Hoàng đã góp phần đặt nền móng cho nền độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc; mở đường xây dựng một bộ máy nhà nước phong kiến trung ương tập quyền thống nhất từ trung ương tới địa phương ở nước ta.



Hình 1.6. Sơ đồ một số nét về tình hình nước Đại Cồ Việt dưới thời vua Đinh Tiên Hoàng (968 – 979)

Về kinh tế, “Thái Bình hưng bảo” là đồng tiền đầu tiên của Việt Nam ra đời năm 970, chứng tỏ nhà nước Đại Cồ Việt dưới thời Đinh đã có nền kinh tế khá phát triển ở trong nước và đã có sự giao thương với nước ngoài.



Hình 1.7. Tiền Thái Bình hưng bảo thời nhà Đinh

Về văn hoá – nghệ thuật: Tương truyền, kinh đô Hoa Lư được coi là đất tổ của nghệ thuật sân khấu chèo và người sáng lập ra nghệ thuật này là bà Phạm Thị Trân – một vũ ca tài ba trong cung, đã được vua Đinh Tiên Hoàng phong chức “Ưu bà”. Sau này, bà được suy tôn là “Bà tổ nghề hát chèo” Việt Nam.

Sự củng cố của nền độc lập, tự chủ và sự phát triển của kinh tế, văn hoá nước ta dưới thời Đinh đã góp phần giúp cho đời sống của nhân dân được ổn định.

Tháng 10 năm Kỷ Mão (979), vua Đinh Tiên Hoàng qua đời, hưởng thọ 56 tuổi. Nhà vua được táng ở sơn lăng Trường Yên (núi Mã Yên).



Hình 1.8. Lăng vua Đinh Tiên Hoàng trên núi Mã Yên (phường Tây Hoa Lư)

Em có biết?

Cuộc đời và sự nghiệp của vua Đinh Tiên Hoàng được đánh giá: “Vua dũng lược hơn đời, quét sạch bọn hùng trưởng, mở rộng bờ cõi, nối tiếp quốc thống họ Ngô (tức Ngô Quyền)”.

Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh, em hãy trình bày công lao của vua Đinh Tiên Hoàng đối với lịch sử dân tộc.

b) Lê Hoàn (941 – 1005)

Lê Hoàn vị vua đầu tiên sáng lập ra triều Tiền Lê, đặt tên hiệu Thiên Phúc, Quốc hiệu Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư, tiếp nối sự nghiệp của nhà Đinh.



Hình 1.9. Tượng vua Lê Đại Hành tại Đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng, thuộc Khu Di tích Cố đô Hoa Lư (phường Tây Hoa Lư)



Hình 1.10. Đền Lăng (xã Liêm Hà) – dấu tích quê nội Lê Hoàn

Em có biết?

Lê Hoàn sinh năm 941, quê ngoại ở Ái Châu, Thanh Hoá, quê Tổ (quê nội) ở làng Bảo Thái (nay là xã Liêm Hà, tỉnh Ninh Bình). Bố mẹ mất sớm, Lê Hoàn làm con nuôi quan Án sát Lê Đột (Thanh Hoá), được theo thầy học văn chương, tinh thông võ nghệ. Sau khi cha nuôi mất, ông trở về quê nội dạy võ nghệ. Ông phò tá Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân, góp công lập ra nhà Đinh. Lê Hoàn được phong tước Thập đạo tướng quân.

Vua Đinh Bộ Lĩnh bị ám sát, nhà Tống sang xâm lược (năm 981), Thái Hậu Dương Vân Nga trao áo bào mời Lê Hoàn lên ngôi vua, lập ra triều Tiền Lê.

Vua Lê Hoàn phá Tống bình Chiêm, dẹp nội phản đã ổn định cương giới lãnh thổ đất nước từ phía nam.

Em có biết?

Năm 981, vua Lê Hoàn tổ chức kháng chiến chống Tống thắng lợi với trận đánh lớn ở Bạch Đằng, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Người Tống gọi Lê Hoàn là “người phụ sơn đảo hải” – tức người vác núi lật biển.

Năm 982, sớm nhìn ra mối nguy hại từ phía Nam, vua Lê Hoàn cho đóng thuyền lớn thân chinh vượt biển chinh phạt Chăm-pa – mở đầu cuộc Nam tiến để rửa nỗi nhục phiên di bắt sứ thần, thực hiện đường lối mang tính chiến lược: dập tắt hoàn toàn ý đồ xâm lược nước ta của Chăm-pa, từ đó lập lại quan hệ hoà hiếu giữa hai nước.

Về đối nội: Vua Lê Hoàn đã xây dựng bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền. Năm 1002, vua Lê Hoàn đổi mười đạo thành cấp lộ phủ, châu, huyện, chuyển bộ máy quản lí nhà nước bằng quân sự sang quản lí dân sự. Nhà Tiền Lê đặt ra luật lệnh tạo bước chuyển sang cai trị bằng pháp trị.

Về đối ngoại: Vua Lê Hoàn chủ động thiết lập quan hệ bang giao với nhà Tống. Nhà Tiền Lê thực hiện chính sách đối ngoại mềm dẻo, linh hoạt đối với nhà Tống vừa giữ hoà hiếu, vừa kiên quyết bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia. Với vương quốc Chăm-pa, vua Lê Hoàn duy trì quan hệ bang giao nhưng sẵn sàng dùng sức mạnh quân sự khi cần thiết.

Chính sách đối ngoại của vua Lê Hoàn đã góp phần củng cố vị thế Đại Cồ Việt, đồng thời đặt nền tảng cho truyền thống ngoại giao độc lập, tự chủ của các triều đại Đại Việt sau này.

Về kinh tế: Trong nông nghiệp, vua Lê Hoàn là người đầu tiên cho đào sông, kênh mương với mục đích ban đầu “dẫn thủy nhập điền”, tiến hành cày ruộng tịch điền (năm 987), mang giống lúa Chiêm có nguồn gốc từ Chiêm Thành về trồng ở Hà Nam cũ (nay là tỉnh Ninh Bình).

Thủ công nghiệp: Từ các nghệ nhân làm trống Chăm-pa, vua Lê Hoàn dần dần cho hình thành, phát triển nghề làm trống da, đưa đến sự ra đời làng nghề nổi tiếng – làng trống Đọi Tam.

Thương nghiệp: Vua Lê Hoàn cho đúc đồng tiền *Thiên Phú trấn bảo* để giao thương. Thương nhân người Việt từng có mặt tại Ăng co (Cam-pu-chia) để buôn bán hàng hoá.

Về giao thông: Vua Lê Hoàn đã cho mở hai con đường thuỷ bộ quan trọng ở vùng biên giới biên cương phía nam để bảo vệ đất nước, phát triển kinh tế và phục vụ cả mục tiêu quân sự.

Em có biết?

Từ năm 983, Lê Hoàn đã sai người đào kênh từ Đông Cổ, Thanh Hoá đến Bàn Hoà sát Nghệ An. Sau này, đoạn kênh đào này nối với các con sông tự nhiên từ Thanh Hoá đến Hà Tĩnh. Hệ thống các sông đào của nhà Tiền Lê có vai trò quan trọng trong giao thông đường thuỷ, đôi khi phục vụ cả mục tiêu quân sự tránh bão biển.

Năm 992, theo lệnh vua Lê Hoàn, phụ quốc Ngô Tử An đã huy động 3 vạn người mở tuyến bộ đường bộ đầu tiên giáp biển từ cửa Sốt (Hà Tĩnh) đến Châu Địa Lý (Quảng Bình), sau này trở thành "con đường thiên lý" Bắc – Nam ven biển.

Về văn hoá, tư tưởng: vua Lê Hoàn chủ trương dựa vào Phật giáo làm bệ đỡ cho nhà nước, làm nền tảng cho dân chúng.

Vua Lê Hoàn là người khai mở nhiều điển tích văn hoá như lễ hội tịch điền, lễ hội đua thuyền,... Ông là người mở đầu cho quá trình giao lưu và tiếp nhận một số yếu tố văn hoá Chăm-pa vào đời sống văn hoá Đại Cồ Việt, trở thành thành tố văn hoá dân tộc, góp phần làm phong phú văn hoá dân tộc.

Tháng 3/1005, vua Lê Hoàn mất ở điện Thường Xuân (Hoa Lư) thọ 65 tuổi, làm vua được 24 năm, được truy phong là Lê Đại Hành, sau đó tên Lê Đại Hành trở thành Miếu hiệu của ngài. Mộ táng của vua Lê Đại Hành được đặt tại chân núi Mã Yên (Thường Châu, Ninh Bình).

Với công hiến lớn lao cho dân tộc, vua Lê Hoàn được suy tôn là một trong mười bốn vị anh hùng dân tộc tiêu biểu của Việt Nam theo quyết định phong tặng ngày 21/6/2013 Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Tại sao nói Lê Hoàn – vị Hoàng đế với nhiều sự "bắt đầu" đã trở thành "hậu đĩ vi thường" tức là thành thường lệ sau này của dân tộc?

c) Trường Chinh (1907 – 1988)

Tổng Bí thư Trường Chinh (1907 – 1988) là một trong những nhà lãnh đạo tiêu biểu của cách mạng Việt Nam, đồng thời là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước. Khi mới 18 tuổi, Trường Chinh đã tham gia phong trào yêu nước và sau đó gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Qua quá trình nghiên cứu



Hình 1.11. Chân dung Tổng Bí thư Trường Chinh (1907-1988)

tác phẩm *Đường Kách mệnh* của Nguyễn Ái Quốc và tiếp thu chủ nghĩa Mác – Lênin, ông đã chuyển biến từ một thanh niên yêu nước trở thành một chiến sĩ cộng sản kiên định, dấn thân vào con đường hoạt động cách mạng với nhiều đóng góp quan trọng.

Tháng 11/1940, trên cương vị Tổng Bí thư lâm thời của Đảng Cộng sản Đông Dương, ông tích cực củng cố và khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng, đồng thời cử cán bộ sang Quảng Tây để đón Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Từ tháng 5/1941, khi chính thức đảm nhận cương vị Tổng Bí thư, Trường Chinh cùng Trung ương Đảng đã đưa ra nhiều quyết định quan trọng, góp phần tạo bước chuyển biến mạnh mẽ cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Ông là người chủ trì Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, đồng thời được Đại hội Quốc dân ở Tân Trào giao nhiệm vụ phụ trách Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc.

Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, ông cùng tập thể Bộ Chính trị trực tiếp lãnh đạo, đề ra nhiều chủ trương và quyết sách chiến lược quan trọng, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời kì xây dựng đất nước, Trường Chinh được ghi nhận là người có vai trò quan trọng trong việc khởi xướng và thúc đẩy công cuộc Đổi mới. Ông sớm nhận thức rõ tình hình thực tiễn của đất nước, nắm bắt xu thế phát triển của thời đại và khẳng định đổi mới là yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của dân tộc. Từ đó, ông đã chủ động đề xuất với Bộ Chính trị chủ trương đổi mới toàn diện đất nước tại Đại hội VI của Đảng (năm 1986). Những đóng góp của Trường Chinh, đặc biệt trong việc đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đã góp phần quan trọng vào sự hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Đại hội VI trở thành dấu mốc quan trọng, mở ra bước ngoặt trong nhận thức lí luận và thực tiễn của cách mạng Việt Nam.

Em có biết?

Tổng Bí thư Trường Chinh tên thật là Đặng Xuân Khu. Ông được sinh ra ở làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng (tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc tỉnh Ninh Bình). Ông đã viết nhiều tác phẩm như “Chính sách mới của Đảng”, “Kháng chiến nhất định thắng lợi”, “Bàn về cách mạng Việt Nam”. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1941 – 1956, 1986); Phó Thủ tướng Chính phủ (1958); Đại biểu Quốc hội các khoá II, III, IV, V, VI, VII, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ khoá II đến khoá VI,...

Dựa vào kiến thức bài học, em hãy làm rõ những đóng góp của Trường Chinh đối với cách mạng giải phóng dân tộc, kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ. Vì sao Trường Chinh được gọi là “Tổng Bí thư của Đổi mới”?

2.2. Danh nhân quân sự tiêu biểu tỉnh Ninh Bình

a) Trần Quốc Tuấn (1228 – 1300)

Trần Quốc Tuấn (Hưng Đạo Đại vương) là danh nhân quân sự lỗi lạc, một trong những vị tướng tiêu biểu nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Ông có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp lãnh đạo quân dân nhà Trần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược ở thế kỉ XIII.



Hình 1.12. Tượng đài Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn tại Quảng trường 3-2 (phường Nam Định)

Em có biết?

Trần Quốc Tuấn (1228 – 1300) sinh tại thôn Tức Mặc, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định (nay thuộc phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình) trong một gia đình quý tộc họ Trần. Ông là con của Trần Liễu (anh ruột của vua Trần Thái Tông – vị vua đầu tiên của nhà Trần). Từ nhỏ, Trần Quốc Tuấn đã nổi tiếng thông minh, đọc rộng hiểu nhiều, có tài cả văn lẫn võ.

Cuối thế kỉ XIII, trước nguy cơ xâm lược của đế quốc Mông – Nguyên, một thế lực quân sự mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ, Trần Quốc Tuấn được triều đình tin tưởng giao nhiều trọng trách quan trọng. Trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân Mông Cổ năm 1258, ông tham gia chỉ huy quân đội trấn giữ vùng biên giới phía Bắc, góp phần bảo vệ đất nước.

Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1287 – 1288), Trần Quốc Tuấn được phong làm Quốc công Tiết chế, thống lĩnh toàn bộ quân đội nhà Trần. Ông đã cùng triều đình đề ra những chủ trương, chiến lược đúng đắn, như tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng, thực hiện kế sách “vườn không nhà trống”, tổ chức phản công khi có thời cơ. Dưới sự chỉ huy của ông, quân dân Đại Việt đã giành nhiều thắng lợi vang dội tại các trận Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết và đặc biệt là chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, đập tan hoàn toàn ý đồ xâm lược của quân Nguyên, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

Không chỉ là một vị tướng tài ba, Trần Quốc Tuấn còn để lại nhiều tư tưởng quân sự sâu sắc, thể hiện qua các tác phẩm như *Hịch tướng sĩ*, *Binh thư yếu lược*, với những quan điểm như lấy ít địch nhiều, tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, xây dựng quân đội đoàn kết, tinh nhuệ. Những tư tưởng quân sự này đã góp phần làm phong phú kho tàng nghệ thuật quân sự truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Ông còn là tấm gương sáng về lòng trung thành với đất nước, tinh thần yêu thương binh sĩ, trọng dụng người tài và luôn đặt lợi ích dân tộc lên trên hết. Chính nhờ tài năng và đức độ đó, ông đã quy tụ được sức mạnh đoàn kết của toàn dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Năm 1289, Trần Quốc Tuấn được phong tước Đại vương. Ông tiếp tục sống ở Vạn Kiếp (nay thuộc phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Phòng) cho đến khi qua đời vào năm 1300. Triều đình phong tặng ông là Thái sư Thượng phụ Thượng quốc công Nhân Vũ Hưng Đạo Đại vương. Nhân dân tôn vinh ông là “Đức Thánh Trần” và lập đền thờ ông ở nhiều nơi. Với tài năng và công lao to lớn, Trần Quốc Tuấn được lịch sử ghi nhận là một trong những vị anh hùng dân tộc và nhà quân sự vĩ đại nhất của Việt Nam.



Hình 1.13. Đền Cố Trạch (thuộc Khu di tích Đền Trần, phường Nam Định) – nơi thờ Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn

Em có biết?

Trần Quốc Tuấn có những câu nói nổi tiếng như: “Bệ hạ chém đầu tôi trước rồi hãy hàng” (trả lời vua Trần Thánh Tông khi vua vờ bảo ông trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược năm 1285: “Thế giặc như vậy, ta phải hàng thôi”); “Khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy” (trả lời vua Trần Anh Tông khi nhà vua đến thăm lúc ông bị ốm nặng).

1. Trần Quốc Tuấn có vị trí, vai trò như thế nào trong ba lần kháng chiến chống quân Mông – Nguyên xâm lược?
2. Việc nhân dân tôn vinh Trần Quốc Tuấn là Đức Thánh Trần, lập đền thờ ông ở tỉnh Ninh Bình và nhiều địa phương khác cho thấy điều gì?

b) Trần Tử Bình (1907 – 1967)

Trần Tử Bình – chiến sĩ cộng sản công giáo mang quân hàm Thiếu tướng, mang hàm Đại sứ.

Em có biết?

Trần Tử Bình tên thật là Phạm Văn Phú, là con một gia đình công giáo nghèo ở thôn Đồng Chuối, xã Tiêu Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nay là xã Bình Sơn, tỉnh Ninh Bình)..

Thuở nhỏ, Phạm Văn Phú thông minh, ham học, nên sớm biết chữ Latinh, sớm tiếp xúc được với sách Tân thư, được học ở Trường dòng Hoàng Nguyên. Do khởi xướng và tham gia phong trào để tang nhà chí sĩ yêu nước Phan Châu Trinh, ông bị đuổi khỏi Trường dòng Hoàng Nguyên. Không thể trở về quê, ông xin vào nhà xứ Vĩnh Trì, Ý Yên, Nam Định (nay là xã Yên Đồng, tỉnh Ninh Bình) làm thầy dạy kinh thánh nhưng vẫn nung nấu tìm một con đường đi riêng cho mình. Ông được giới thiệu gặp gỡ Tổng Văn Trân.



Hình 1.14. Trần Tử Bình (1907 – 1967)

Được giác ngộ bởi Tổng Văn Trân, năm 1927, ông đã kí hợp đồng vào Nam Bộ làm phu đồn điền Cao su Phú Riềng, tham gia phong trào vô sản hoá tại đồn điền sao su Phú Riềng, thiết lập nghiệp đoàn cao su Phú Riềng (1928).

Tại Phú Riềng, ông được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Tháng 10/1929, ông là đảng viên Đông Dương Cộng sản đảng, Bí thư Chi bộ Cao su Phú Riềng. Năm 1930, Trần Tử Bình đã lãnh đạo cuộc đấu tranh đòi quyền sống của 5 000 công nhân Phú Riềng, làm nên phong trào “Phú Riềng đỏ” trong lịch sử. Do lãnh đạo phong trào Phú Riềng đỏ nên Trần Tử Bình bị kết án tù khổ sai 10 năm bị đày ra Côn Đảo.

Năm 1936, ông được thả về đất liền nhưng bị quản thúc tại quê nhà. Ông làm thầy kí tiêm ở xã Bình Lục và vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng bí mật. Ông lần lượt giữ các chức vụ khác nhau như Bí thư Chi bộ, Bí thư Huyện uỷ Bình Lục, Bí thư Tỉnh uỷ Hà Nam (cũ), Uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ,... trực tiếp phụ trách khu uỷ: khu C, khu D.

Cuối năm 1943, ông bị bắt, bị giam tại các nhà tù Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, rồi bị chính quyền Pháp chuyển đến nhà tù Hoả Lò, Hà Nội.

Tháng 3/1945, lợi dụng tình hình phát xít Nhật đảo chính Pháp, Trần Tử Bình cùng với các tù chính trị đã tổ chức thành công cuộc vượt ngục nổi tiếng trong lịch sử theo đường cống ngầm sân trại J, giải thoát được gần 100 tù chính trị trở về hoạt động cách mạng.

Ngày 19/8/1945, với tư cách Uỷ viên Thường vụ Xứ uỷ Bắc Kỳ, cán bộ cốt cán của Uỷ ban khởi nghĩa, ông đã trực tiếp tham gia lãnh đạo Tổng khởi nghĩa tháng Tám tại Hà Nội và một số tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Trần Tử Bình là một trong những vị tướng đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, được bổ nhiệm nhiều chức vụ cao trong quân đội và nhà nước. Năm 1948, ông được phong hàm Thiếu tướng, Chính uỷ trường Lục quân tại Trung Quốc (1949), Tổng thanh tra quân đội kiêm Phó tổng Thanh tra Chính phủ (1956) tham gia củng cố vào trong sạch hoá chính quyền hậu kháng chiến. Cùng thời gian đó, ông được bổ nhiệm làm Công tố viên Toà án quân sự tối cao tham gia xét xử vụ án tham nhũng lớn Trần Dụ Châu (1950).

Năm 1959, ông chuyển sang công tác tại Bộ Ngoại giao, được bổ nhiệm làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tại Trung Quốc kiêm Đại sứ tại Mông Cổ. Ông được bầu làm Trưởng đoàn ngoại giao Bắc Kinh. Ông khéo léo, mềm dẻo nên vận động được cả Liên Xô, Trung Quốc tiếp tục ủng hộ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong bối cảnh khi đó mâu thuẫn Xô – Trung căng thẳng.

Năm 1960, ông là đại biểu dự Đại hội đảng III, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Ông là Đại biểu quốc hội khoá II và khoá III của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trong chuyến về nước công tác, Trần Tử Bình ốm và mất vào mùng 3 Tết năm 1967.

Thiếu tướng Trần Tử Bình đã đi qua những trang sử rực rỡ, đầy thử thách của dân tộc. Ông là người công giáo cộng sản “gan vàng dạ sắt”, suốt đời chiến đấu vì lí tưởng cách mạng, một biểu tượng sáng ngời cho ý chí, lòng trung kiên và tình yêu Tổ quốc. Tên tuổi của ông không chỉ gắn với những trận đánh lịch sử, những quyết sách dũng cảm mà còn gắn với giá trị tinh thần bền vững: trung thực, giản dị, liêm chính, hết lòng vì dân.

Em có biết?

Trần Tử Bình – chiến sĩ cộng sản công giáo – được ghi nhận và tôn vinh bởi những phần thưởng cao quý: Huân chương Quân công hạng Ba, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất và được truy tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 1967), Huân chương Hồ Chí Minh (năm 2001), Huân chương Sao Vàng (năm 2008).

Tên ông được đặt cho tuyến đường ở Cầu Giấy, Hà Nội năm 2008 và tuyến đường ở Phủ Lý.

Tại sao Trần Tử Bình được mệnh danh là vị tướng “gan vàng dạ sắt”?

c) Nguyễn Hữu An (1926 – 1995)

Nguyễn Hữu An sinh ngày 09/10/1926, tại phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Ông tham gia và trưởng thành trong quân đội từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Trưởng thành qua các trận chiến ở Mặt trận Cao – Lạng những năm 1947 – 1948, đến Chiến dịch Biên giới năm 1950, ông là Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 251 – chủ công của Trung đoàn 174 chỉ huy tấn công và tiêu diệt đồn Đông Khê, mở đầu cho thắng lợi của chiến dịch.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, Trung đoàn 174 dưới sự chỉ huy của Nguyễn Hữu An đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm đồi A1, mở đường cho quân ta tiến công vào sở chỉ huy địch, kết thúc thắng lợi chiến dịch.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc nước ta được giải phóng, cả dân tộc dồn sức cho miền Nam trực tiếp đánh Mỹ xâm lược. Năm 1964, Nguyễn Hữu An làm Sư đoàn trưởng Sư đoàn 325 vào chiến đấu ở chiến trường Tây Nguyên và Khu V. Trên cương vị Tư lệnh phó, ông đã cùng Bộ Tư lệnh Mặt trận B3 mở Chiến dịch Plei Me – trận đọ sức quyết liệt với quân đội Mỹ. Thắng lợi của chiến dịch với trận Ia Đrăng (năm 1965) đã mang đến niềm tin, quyết tâm thắng Mỹ cho quân dân cả nước.

Trong chiến dịch Đường 9 – Nam Lào (1971), Chiến dịch Cánh Đồng Chum (cuối năm 1971 – đầu năm 1972), Sư đoàn 308 – đơn vị cơ động chủ lực do Nguyễn Hữu An làm Tư lệnh – đã giáng cho quân đội Mỹ và tay sai những đòn nặng nề, làm thất bại một bước quan trọng chiến lược Việt Nam hoá chiến tranh của địch.

Sau khi giải phóng Huế – Đà Nẵng và các tỉnh dọc Duyên hải miền Trung, Quân đoàn 2 do Nguyễn Hữu An trực tiếp chỉ huy đã hành quân thần tốc tiến vào giải phóng thành phố Sài Gòn, tham gia tiếp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của chính quyền Việt Nam Cộng hoà tại Dinh Độc Lập.



Hình 1.15. Thượng tướng Nguyễn Hữu An



Hình 1.16. Tướng Nguyễn Hữu An giao nhiệm vụ cho đơn vị tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, Xuân 1975

Trong cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc: Từ tháng 12/1977 đến năm 1979, Nguyễn Hữu An là chỉ huy Quân đoàn 2 tham gia chiến dịch phản công ở biên giới Tây Nam Việt Nam chống quân Khmer Đỏ. Từ năm 1984, trên cương vị Phó Tư lệnh – Tham mưu trưởng và quyền Tư lệnh Quân khu 2, Nguyễn Hữu An lại có mặt trên tuyến biên giới phía Bắc, chỉ huy cuộc chiến đấu bảo vệ biên cương.

Như vậy, trải qua hơn 50 năm chiến đấu, Nguyễn Hữu An đã có những cống hiến to lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện nghĩa vụ đối với quốc tế.

Em có biết?

Với những đóng góp to lớn, năm 1986, Nguyễn Hữu An đã được phong quân hàm Thượng tướng. Ông cũng được trao tặng nhiều huân chương cao quý như: Huân chương Độc lập hạng Nhất; Huân chương Quân công hạng Nhất; Huân chương Quân công giải phóng hạng Ba; Huân chương Chiến công hạng Nhất, hạng Nhì... và truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân (năm 2014).

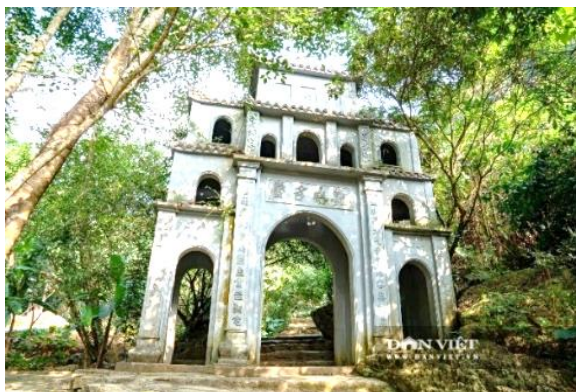
Dựa vào kiến thức bài học, hãy giải thích tại sao Đại tướng Võ Nguyên Giáp gọi Nguyễn Hữu An là “vị tướng trận mạc”?

2.3. Danh nhân văn hoá tiêu biểu tỉnh Ninh Bình

a) Nguyễn Minh Không (1065 – 1141)

Tên tự của Nguyễn Minh Không trước khi xuất gia là Nguyễn Chí Thành, ông quê ở làng Đàm Xá, phủ Trường Yên (nay thuộc xã Đại Hoàng, tỉnh Ninh Bình). Ông là vị cao tăng có uy tín lớn trong Phật giáo thời Lý, được nhà vua phong là Quốc sư, là vị thiền sư sáng lập nhiều ngôi chùa ở Việt Nam, được tôn vinh là ông tổ nghề đúc đồng và cũng là ông tổ nghề Đông y Việt Nam.

Nguyễn Minh Không là người học cao, biết rộng và rất thông hiểu đạo Phật. Ông đã sáng lập và trụ trì nhiều ngôi chùa như: chùa Viên Quang, chùa Bái Đính, chùa Am Tiên, chùa Tống Xá (Ninh Bình); chùa Quỳnh Lâm (Quảng Ninh),...



Hình 1.17. Tam quan chùa Bái Đính cổ (phường Tây Hoa Lư) – ngôi chùa do Thiền sư Nguyễn Minh Không sáng lập

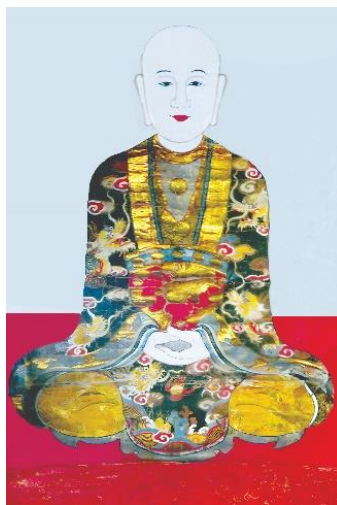
Các làng nghề đúc đồng ở Tống Xá, Vạn Điểm (xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình); Ngũ Xã (phường Ba Đình, thành phố Hà Nội); Trà Đông (xã Thiệu Trung, tỉnh Thanh Hoá); Lộng Thượng (xã Đại Đồng, tỉnh Hưng Yên),... đều tôn thờ Nguyễn Minh Không là ông tổ nghề đúc đồng. Khi trụ trì ở chùa Quỳnh Lâm, Nguyễn Minh Không đã cho đúc một pho tượng Di Lặc bằng đồng, được coi là một trong “An Nam tứ đại khí” (bốn vật quốc bảo, bốn công trình nghệ thuật bằng đồng thời Lý – Trần) của Việt Nam.

Không chỉ giỏi về Phật pháp, Nguyễn Minh Không còn rất giỏi nghề y. Ông đã đi nhiều nơi để tìm cây thuốc, cho ương trồng nhiều vườn thuốc để chữa bệnh cứu người. Khu vực núi Bái Đính (phường Tây Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) là một nơi mà ông đã phát hiện và trồng nhiều loại thuốc quý.

Em có biết?

Các sách sử như “Đại Việt sử kí toàn thư”, “Đại Nam nhất thống chí” đều có ghi sự việc năm Bình Thìn (1136), Nguyễn Minh Không đã chữa được “bệnh lạ” cho vua Lý Thần Tông: “Vua bệnh nặng, chữa thuốc không khỏi. Nhà sư Minh Không chữa khỏi, phong là Quốc sư” (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử kí toàn thư, Tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012, tr.317) (có nghĩa là bậc thầy về đạo Phật trong nước). Từ đó, ông được gọi là Lý Quốc Sư (Quốc sư được ban quốc tính, tức ho vua).

Thiền sư Nguyễn Minh Không có nhiều công lao trong đời sống chính trị, tư tưởng, văn hoá của nước Đại Việt thời Lý. Cuộc đời của ông gắn với nhiều truyền thuyết, huyền thoại dân gian thể hiện tài năng siêu phàm của một vị Thánh (Đức Thánh Nguyễn), là đại diện của văn hoá Lý – Trần vốn lấy đạo Phật làm quốc giáo.



Hình 1.18. Tranh lụa vẽ thiền sư Nguyễn Minh Không tại đền Thánh Nguyễn (xã Đại Hoàng)

Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh, em hãy:

1. Nêu hiểu biết của bản thân về câu ca trong dân gian: “Đại Hữu sinh vương, Diềm Dương/ Diềm Giang sinh thánh”.
2. Nêu những đóng góp của thiền sư Nguyễn Minh Không đối với nhà nước Đại Việt thời Lý.

b) Lương Thế Vinh (1441 – 1496)

Lương Thế Vinh (1441 – 1496), dân gian quen gọi là Trạng Lường, là một danh nhân văn hoá tiêu biểu dưới triều Lê sơ. Ông sinh ra tại làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, trấn Sơn Nam (nay thuộc thôn Cao Phương, xã Thành Lợi, tỉnh Ninh Bình). Ngay từ nhỏ, Lương Thế Vinh đã nổi tiếng thông minh, nhanh nhẹn và ham học. Ông được nhân dân gọi là “Thần đồng làng Hương” vì có trí nhớ tốt, khả năng suy luận sắc bén và tinh thần say mê học tập. Không chỉ chăm chỉ đọc sách, ông còn thể hiện sự sáng tạo và linh hoạt trong các hoạt động thường ngày.

Năm 1463, dưới triều vua Lê Thánh Tông, Lương Thế Vinh đỗ Trạng nguyên và được bổ nhiệm làm quan tại Hàn lâm viện và dần thăng đến chức Hàn lâm Thị thư trưởng Hàn lâm Viện sự. Trên cương vị của mình, ông đã tham gia nhiều công việc quan trọng của triều đình, trong đó có việc soạn thảo văn thư ngoại giao với nhà Minh, góp phần vào việc duy trì quan hệ hoà hiếu giữa hai quốc gia. Đồng thời, ông cùng các danh thần như Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận tham gia xây dựng và hoàn thiện hệ thống lễ nhạc của triều đình, góp phần phát triển đời sống văn hoá thời Lê sơ.

Lương Thế Vinh là người có kiến thức uyên bác trên nhiều lĩnh vực như toán học, văn học, âm nhạc và Phật học, nhưng nổi bật nhất là những đóng góp trong lĩnh vực toán học. Ông là tác giả cuốn *Đại thành toán pháp*, được xem là cuốn sách giáo khoa toán học đầu tiên của Việt Nam. Ngoài ra, ông còn được coi là người cải tiến và phổ biến bàn tính gậy cho người Việt, giúp việc tính toán trở nên thuận tiện và hiệu quả hơn. Những đóng góp của ông đã đặt nền tảng quan trọng cho sự phát triển của toán học nước ta.

Em có biết?

Trạng nguyên Lương Thế Vinh là người đã thấy rõ vai trò quan trọng của toán học trong cuộc sống nên ông rất chú trọng đến việc dạy toán, học toán, khác hẳn với xu thế đương thời chỉ tập trung vào văn chương, thơ phú. Tương truyền lúc còn đi học, trong một bài văn nói về chí hướng của mình, ông đã xác định “Thần cơ diệu toán vạn niên sư” (Tính toán giỏi sẽ là thầy của muôn đời).

Lương Thế Vinh còn có nhiều đóng góp trong lĩnh vực văn học và văn hoá dân gian. Ông sáng tác nhiều tác phẩm bằng chữ Nôm, trong đó có tác phẩm *Thập giới Cô hồn Quốc Ngữ văn*, thể hiện tư tưởng nhân văn sâu sắc và tinh thần hướng thiện. Ông cũng quan tâm nghiên cứu các loại hình nghệ thuật dân gian, đặc biệt là hát chèo, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

Không chỉ là một học giả uyên bác, ông còn là người có phẩm chất đạo đức cao đẹp, sống giản dị, trung thực, gần gũi với nhân dân và có tinh thần thẳng thắn. Ông thường dùng lời lẽ khéo léo, sâu sắc để góp ý, khuyên răn vua và quan lại.

Sau khi Lương Thế Vinh qua đời năm 1496, vua Lê Thánh Tông có bài thơ đánh giá rất cao tài năng của ông, trong đó có hai câu thơ:

*Khuất ngón tay than tài cái thế
Lấy ai làm trạng nước Nam ta!*

Nhân dân quê hương tôn kính ông là bậc hiền tài và lập đền thờ để tưởng nhớ công lao. Sau khi mất, Trạng nguyên Lương Thế Vinh được phong làm phúc thần của làng Cao Hương.



Hình 1.19. Đền thờ Trạng nguyên Lương Thế Vinh tại thôn Cao Hương, xã Thành Lợi

1. Vì sao Lương Thế Vinh được mệnh danh là “Thần đồng làng Hương”?
2. Lương Thế Vinh đã có những cống hiến gì cho sự phát triển văn hoá dân tộc?

c) Nguyễn Khuyến (1835 – 1909)

Nguyễn Khuyến (1835 – 1909) là một trong những nhà thơ lớn của văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XIX. Nguyễn Khuyến tên khai sinh là Nguyễn Văn Thắng, hiệu là Quế Sơn, tự Miến Chi. Ông sinh ra ở quê ngoại làng Ngòi, xã Yên Trung, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (nay là xã Tân Minh, tỉnh Ninh Bình). Ông lớn lên và sống chủ yếu ở quê nội làng Vị Hạ, xã Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam (nay là xã Bình An, tỉnh Ninh Bình). Nguyễn Khuyến xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo, có truyền thống hiếu học, khoa bảng. Từ nhỏ, Nguyễn Khuyến nổi tiếng thông minh, ham học và sớm bộc lộ tài năng văn chương. Năm 1864, ông đỗ đầu kì thi Hương, đến khoa thi năm 1871, Nguyễn Khuyến (37 tuổi) liên tiếp đỗ đầu thi Hội, thi Đình, được vua Tự Đức ban cờ biều và 2 chữ Tam Nguyên.

Ông đỗ đạt làm quan dưới triều Nguyễn, nhưng ông chỉ làm quan gần mười năm. Sau khi triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước đầu hàng Pháp (1884), Nguyễn Khuyến đã từ quan về ở ẩn để giữ khí tiết của một nho sĩ yêu nước, thương dân.

Đầu tiên, ông được bổ làm ở Sứ quán trong triều; năm 1873, ra làm Đốc học Thanh Hoá, rồi thăng nhanh lên Án sát tỉnh Thanh. Năm 1882, quân Pháp đánh chiếm

Bắc Kỳ lần thứ hai. Rồi vua Tự Đức mất (ngày 19/7/1883), đến tháng 8/1883 thực dân Pháp ép triều Nguyễn kí hiệp ước Hác-măng đặt ách thống trị lên cả ba kì. Nguyễn Khuyến được cử làm Phó sứ sang Mãn Thanh. Ông ra Bắc, nhưng chuyến đi sứ ấy đã bị bãi. Ông lấy cớ đau yếu, xin tạm về quê dưỡng bệnh. Tháng 12/1883, triều Nguyễn cử ông làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên, song ông không chịu nhận chức mà chính thức cáo quan về nghỉ khi chưa đầy năm mươi tuổi. Chức vị cao nhất của Nguyễn Khuyến là Bộ chánh Quảng Ngãi.



Hình 1.20. Lễ xướng danh kì thi Hội năm 1871.

Nguyễn Khuyến là người có tài năng, cốt cách thanh cao, không màng danh lợi, có tấm lòng yêu nước, thương dân, từng bày tỏ thái độ kiên quyết, không hợp tác với chính quyền thực dân Pháp, phần lớn cuộc đời là dạy học và sống thanh bạch ở quê nhà.

Với Tam Nguyên Yên Đổ Nguyễn Khuyến, lòng yêu nước được thể hiện trong những sáng tác của ông. Nguyễn Khuyến có khoảng hơn 800 tác phẩm ở nhiều thể loại như thơ, câu đối, văn viết bằng chữ Hán và chữ Nôm, phần lớn là thơ, đều làm trong thời gian cáo quan về ở ẩn.

Các tuyển tập tác phẩm của ông có quy mô nhất phải kể đến: *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, *Nguyễn Khuyến – tác phẩm* đều do các nhà nghiên cứu hiện đại biên soạn. Ông là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất viết về cuộc sống ở nông thôn Bắc Bộ nước ta giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX. Ông được mệnh danh là “nhà thơ của dân tình và làng cảnh” Việt Nam. Bộ ba bài thơ thu nổi tiếng: *Thu điếu*, *Thu ẩm*, *Thu vịnh* được xem là đỉnh cao của thơ ca trung đại Việt Nam về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình gửi gắm nỗi buồn sâu kín, thâm lặng của nhà thơ trước thời cuộc.

Không chỉ viết về thiên nhiên, Nguyễn Khuyến còn có nhiều bài thơ trào phúng, châm biếm sắc sảo nhằm phê phán xã hội thực dân nửa phong kiến đương thời. Tiếng cười trong thơ ông vừa hóm hỉnh, vừa thâm trầm, thể hiện thái độ phản kháng kín đáo nhưng quyết liệt của một nhà nho yêu nước. Ngôn ngữ thơ Nguyễn Khuyến giản dị, giàu tính dân gian, giàu sức gợi, góp phần làm cho thơ Nôm đạt đến độ tinh luyện và gần gũi với đời sống nhân dân. Sự nghiệp thơ văn của Nguyễn Khuyến để lại dấu ấn sâu đậm trong nền văn học dân tộc.

Với những đóng góp to lớn trong cuộc đời và sự nghiệp của ông, Nguyễn Khuyến là bậc túc nho tài năng, một tấm gương sáng về nhân cách, lòng yêu nước, là một danh nhân văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.

Em có biết?

Năm 1909, Nguyễn Khuyến mất, thọ 75 tuổi. Trước khi mất, ông có để lại bài “Di chúc” nguyên văn chữ Hán, tác giả tự dịch hai câu thơ cuối như muốn trăng trời với đời sau: Nguyễn Khuyến chưa bao giờ dính líu đến thực dân Pháp.

“Đề vào mấy chữ trong bia,

Rằng: Quan nhà Nguyễn cáo về đã lâu”.

Để tưởng nhớ đến danh nhân Nguyễn Khuyến, nhiều địa phương trên cả nước và trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã lấy tên ông đặt tên cho một số con đường, trường học, xây dựng tượng đài, từ đường Nguyễn Khuyến,...



Hình 1.21. Tượng đài Nguyễn Khuyến tại Trường THPT A Bình Lục

Nguyễn Khuyến đã có những cống hiến như thế nào cho sự phát triển văn hoá dân tộc?

C. LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thông tin về một số danh nhân tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình theo mẫu sau:

STT	Tên danh nhân	Quê quán	Sống trong thời kì lịch sử	Công lao, vai trò
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
3	?	?	?	?
...	?	?	?	?

2. Lựa chọn một danh nhân tiêu biểu (về chính trị, quân sự, văn hoá) của tỉnh Ninh Bình để báo cáo trước lớp (có thể trình bày bằng nhiều hình thức khác nhau như: trình chiếu, đồ hoạ, video, đóng kịch,...).

D. VẬN DỤNG

Lựa chọn một trong hai nhiệm vụ sau đây:

1. Trên cơ sở đánh giá những đóng góp chung của các danh nhân tỉnh Ninh Bình trong lịch sử, hãy cho biết người dân Ninh Bình đã kế thừa những phẩm chất tốt đẹp nào của các danh nhân trong giai đoạn xây dựng quê hương, đất nước hiện nay?
2. Lập hồ sơ về một danh nhân tỉnh Ninh Bình dưới dạng poster hoặc infographic, trong đó bao gồm: tiểu sử văn tắt, tài năng, cống hiến, bài học rút ra từ sự nghiệp và những đóng góp của danh nhân.

Chủ đề 2

KINH TẾ TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Ninh Bình.
- Phân tích được tiềm năng, cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế tỉnh Ninh Bình.
- Nêu được định hướng và giải pháp phát triển kinh tế bền vững của địa phương.
- Sử dụng được bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê,... để nhận xét được sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế tỉnh Ninh Bình.
- Viết được báo cáo hoặc thực hiện dự án học tập về một ngành kinh tế, đề xuất giải pháp phát triển hoặc quảng bá sản phẩm của địa phương.

Bài 1. PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH NINH BÌNH

A. MỞ ĐẦU

Tỉnh Ninh Bình hiện nay, được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba tỉnh Hà Nam, Nam Định và Ninh Bình theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Cùng với sự phát triển kinh tế của cả nước, kinh tế tỉnh Ninh Bình có sự chuyển dịch và từng bước phát triển mạnh mẽ. Vậy sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Ninh Bình diễn ra như thế nào?

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.1. Khái quát

Quy mô tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) không ngừng gia tăng, năm 2025 đạt hơn 342,8 nghìn tỉ đồng (theo giá hiện hành); GRDP bình quân đầu người đạt 89,2 triệu đồng/năm, gấp gần 1,5 lần so với năm 2021.

Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 – 2025 của tỉnh Ninh Bình đạt 8,2 %/năm, cao hơn mức bình quân chung của cả nước (6,53 %) và cao hơn cả mức bình quân của vùng Đồng bằng sông Hồng (8,12 %). Tính riêng năm 2025, tốc độ tăng GRDP theo giá so sánh 2010 đứng thứ 3/34 tỉnh thành, đạt 10,65 %.

Bảng 2.1. Quy mô và tốc độ tăng GRDP của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

Chỉ số	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
Quy mô GRDP (tỉ đồng)	219 552	245 941	266 829	301 558	342 811
Tốc độ tăng GRDP (%)	6,44	8,54	5,98	9,49	10,65

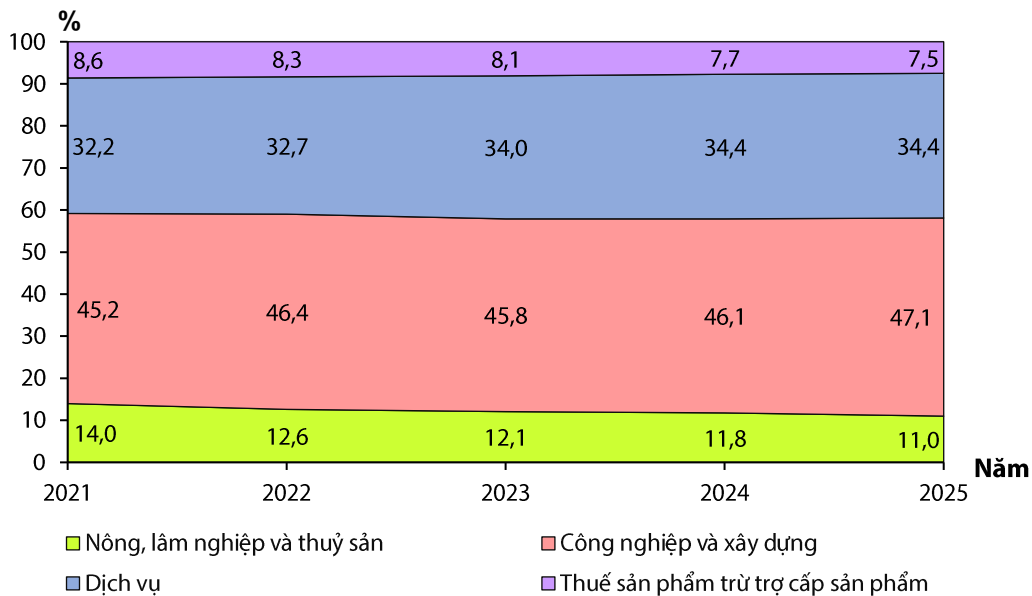
Ninh Bình đã khẳng định vai trò là một cực tăng trưởng công nghiệp – dịch vụ mới của vùng Đồng bằng sông Hồng, với tốc độ mở rộng quy mô kinh tế nhanh, đóng góp ngày càng lớn vào tổng GDP cả nước và vùng, tạo nền tảng cho giai đoạn 2026 – 2030 hướng tới quy mô trên 500 nghìn tỉ đồng.

Dựa vào thông tin mục 1.1 và bảng 2.1, hãy trình bày sự phát triển kinh tế của tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2021 – 2025.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành

Cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Ninh Bình đang chuyển dịch theo hướng tích cực: giảm tỉ trọng nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ. Công nghiệp trở thành động lực chính trong tăng trưởng kinh tế. Xu hướng này phù hợp với định hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh và vùng Đồng bằng sông Hồng.



Hình 2.1. Cơ cấu GRDP của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

Em có biết?

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 ước đạt 75,2 nghìn tỉ đồng, đứng thứ 7/34 tỉnh, thành phố về thu ngân sách. Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2021 – 2025 đạt 665 654 tỉ đồng, góp phần đưa nhiều dự án có vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh được khởi công, hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Trong nội bộ mỗi nhóm ngành đang chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỉ trọng các ngành có hiệu quả kinh tế và hàm lượng khoa học – công nghệ cao; giảm tỉ trọng của các ngành có hiệu quả kinh tế thấp, sử dụng nhiều tài nguyên và lao động, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Đối với nhóm ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ loại cây có giá trị thấp sang loại cây có giá trị cao hoặc nuôi trồng thủy sản mang lại hiệu quả rõ rệt.

Cơ cấu ngành công nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng nhóm ngành khai khoáng, tăng tỉ trọng của nhóm ngành chế biến chế tạo. Xu hướng này phù hợp với chiến lược phát triển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế tri thức của nước ta.

Nhóm ngành dịch vụ phát triển theo hướng tích cực, trong đó một số ngành dịch vụ có đóng góp quan trọng cho nền kinh tế như: ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác; ngành vận tải và kho bãi; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống.

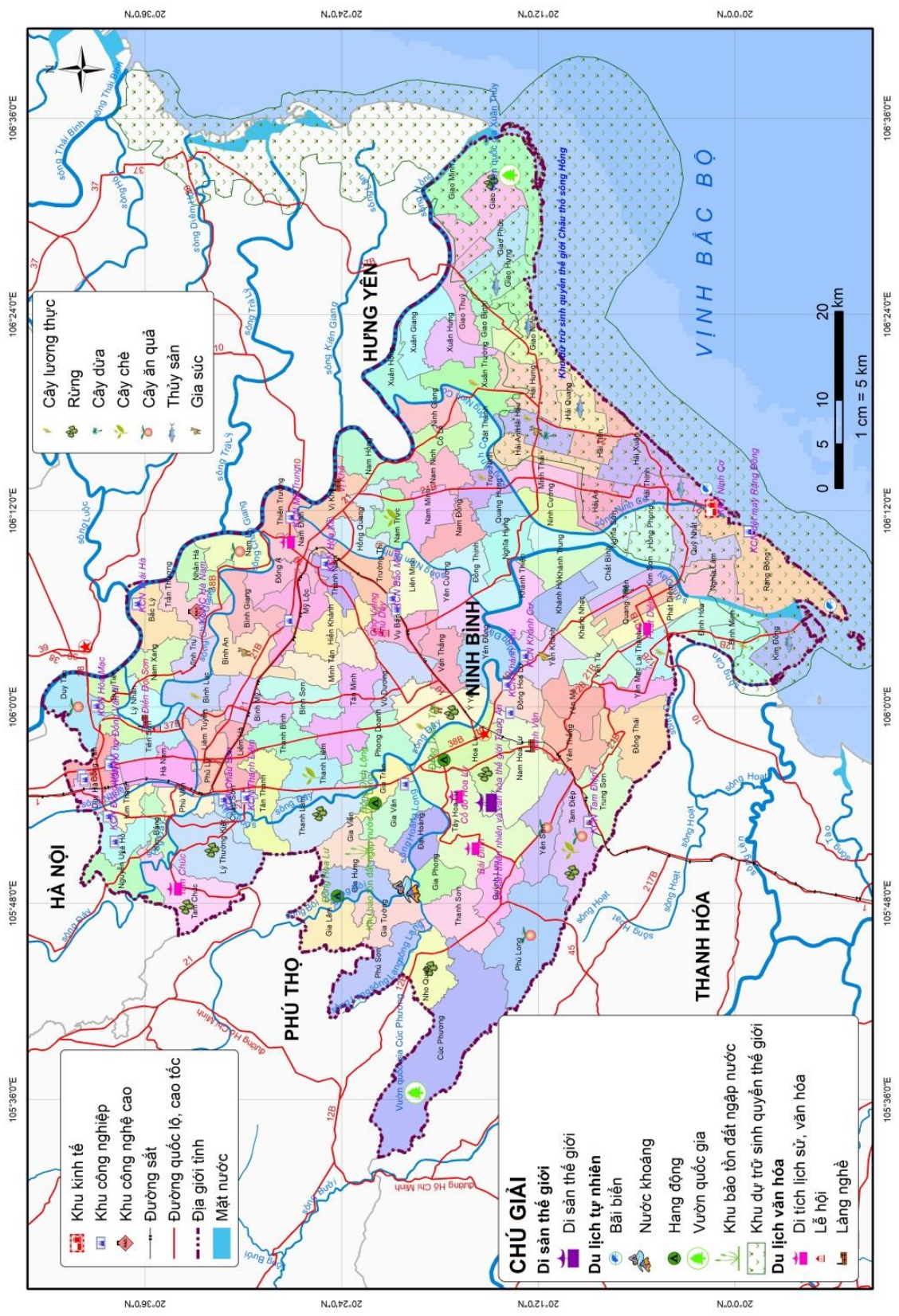
b) Chuyển dịch theo thành phần kinh tế

Cơ cấu thành phần kinh tế cũng có sự thay đổi mạnh mẽ. Kinh tế tư nhân được đẩy mạnh phát triển, không hạn chế về quy mô và phân bố sản xuất. Các doanh nghiệp nhà nước đã được tổ chức, sắp xếp lại, thay đổi hình thức quản lí theo hướng bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả hơn.

c) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ

Tiềm năng thế mạnh của tỉnh được khai thác hiệu quả, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật và công nghệ tiên tiến vào sản xuất gắn với phát triển và mở rộng thị trường đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng hình thành các tiểu vùng kinh tế, vùng động lực phát triển kinh tế, khu kinh tế, vùng chuyên canh, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao.

Dựa vào thông tin mục 1.2 và hình 2.1, hãy trình bày sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Ninh Bình.



Hình 2.2. Bản đồ kinh tế chung tỉnh Ninh Bình

2. Các ngành kinh tế

2.1. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là ngành kinh tế truyền thống và có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế tỉnh Ninh Bình.

a) Tiềm năng phát triển

Ninh Bình có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản. Với phần lớn diện tích là đất phù sa, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, nguồn nước phong phú, sinh vật đa dạng, vị trí giáp biển, Ninh Bình thuận lợi để sản xuất lương thực thực phẩm, đặc biệt là trồng lúa. Khu vực đồi núi ở một số xã phía tây có đất feralit thuận lợi để trồng cây công nghiệp, cây ăn quả. Mùa đông với 2 đến 3 tháng lạnh dưới 18°C đã tạo thế mạnh để phát triển các loại rau vụ đông mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Nguồn lao động của tỉnh dồi dào, có nhiều kinh nghiệm và trình độ giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, dễ dàng tiếp cận và ứng dụng khoa học – kỹ thuật. Thị trường nội tỉnh và các tỉnh lân cận lớn, thị trường xuất khẩu mở rộng cùng với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng ngày càng được nâng cấp góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh.

Nhiều chính sách đột phá trong nông nghiệp như phát triển nền nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, an toàn, tuần hoàn, đa giá trị với việc ứng dụng công nghệ cao và phát triển nông nghiệp số đã giúp tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích.

Dựa vào thông tin mục 2.1.a, hãy phân tích tiềm năng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Ninh Bình?

b) Hiện trạng phát triển

Năm 2025, ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản đóng góp 11,0 % GRDP (theo giá hiện hành) và thu hút 17,0 % tổng số lao động có việc làm toàn tỉnh.

** Nông nghiệp*

Nông nghiệp là ngành chủ đạo, chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Ninh Bình. Nông nghiệp gồm hai hoạt động chính là trồng trọt và chăn nuôi.

– Trồng trọt

Trồng trọt có cơ cấu cây trồng khá đa dạng. Bên cạnh cây trồng chủ đạo là cây lúa, Ninh Bình còn trồng các loại cây ăn quả, cây rau đậu, hoa, cây công nghiệp, cây cảnh, cây dược liệu,...

Sản lượng lương thực có hạt toàn tỉnh năm 2025 đạt gần 1,7 triệu tấn, sản lượng lúa đạt trên 1,6 triệu tấn (chiếm trên 96,6 % diện tích và 95,8 % sản lượng lương thực có hạt của toàn tỉnh). Lúa được trồng chủ yếu vào vụ đông xuân và vụ mùa

ở khắp các địa phương, đặc biệt là xã Hải Hưng, xã Hải Tiến, xã Lai Thành,... Diện tích lúa có xu hướng giảm và năng suất lúa có xu hướng tăng trong những năm gần đây. Năng suất lúa năm 2025 đạt 61,8 tạ/ha.

Bảng 2.2. Diện tích gieo trồng lúa và sản lượng lúa của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Diện tích (nghìn ha)	276,2	272,8	269,8	267,8	262,6
Sản lượng (nghìn tấn)	1 694,7	1 677,6	1 664,2	1 615,4	1 622,1

Dựa vào hình 2.2, bảng 2.2, hãy:

- Nhận xét sự phân bố cây lúa của tỉnh Ninh Bình.
- Nhận xét sự thay đổi diện tích gieo trồng lúa và sản lượng lúa của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025.

Các loại cây công nghiệp hàng năm điển hình của Ninh Bình là lạc, mía, đậu tương. Cây công nghiệp hàng năm được trồng nhiều ở các xã Nho Quan, xã Yên Mô, xã Bình Lục, xã Vĩnh Trụ, xã Hải Hậu,...

Bảng 2.3. Sản lượng một số cây công nghiệp hàng năm của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

(Đơn vị: nghìn tấn)

Cây trồng \ Năm	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
Lạc	29,9	30,0	29,5	29,0	27,6
Mía	34,6	27,7	25,0	27,1	24,5
Đậu tương	4,1	3,3	2,8	2,6	2,6

Dựa vào bảng 2.3, hãy nhận xét sự thay đổi sản lượng một số cây công nghiệp hàng năm của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025.

Cây công nghiệp lâu năm quan trọng nhất của tỉnh Ninh Bình là cây chè. Chè được trồng nhiều ở phường Tam Điệp, phường Yên Sơn, xã Thanh Liêm, xã Nam Trực.

Diện tích cây rau, đậu ổn định ở mức khoảng 33 nghìn ha/năm, sản lượng đạt 590 – 625 nghìn tấn/năm. Một số cây ăn quả tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình là dứa, chuối, na, nhãn. Dứa được trồng chủ yếu ở phường Tam Điệp, xã Nho Quan; chuối ngự nổi tiếng ở xã Nam Lý.



Hình 2.3. Trồng ớt công nghệ cao tại xã Vĩnh Trụ

Toàn tỉnh Ninh Bình đã hình thành một số vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hoá theo hướng an toàn, công nghệ cao và bền vững; tăng cường sử dụng giống cây trồng chất lượng cao, đẩy mạnh áp dụng sản xuất theo quy trình VietGAP. Các vùng chuyên canh trọng điểm bao gồm vùng sản xuất lúa hàng hoá ở xã Bình Lục, xã Yên Khánh, xã Hải Hậu,... vùng trồng cây ăn quả ở phường Tam Điệp, vùng trồng rau an toàn và chăn nuôi tập trung được triển khai ở nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh.

– Chăn nuôi

Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi có xu hướng tăng, năm 2025 đạt gần 14,8 nghìn tỉ đồng. Tuy nhiên, giai đoạn 2021 – 2025 ngành chăn nuôi gặp nhiều khó khăn như giá thức ăn chăn nuôi tăng ở mức cao, dịch bệnh trên đàn vật nuôi diễn biến phức tạp, đặc biệt là dịch tả lợn châu Phi.

Tổng đàn và sản lượng thịt các loại gia súc, gia cầm tăng trưởng khá nhanh đảm bảo nguồn cung cho thị trường. Các vật nuôi chính là lợn, gia cầm, trâu, bò. Trong đó chăn nuôi lợn là chủ lực, các địa phương có đàn lợn lớn là xã Bình An, xã Ý Yên, xã Hải Hậu, xã Yên Khánh,...

Bảng 2.4. Số lượng một số loại gia súc và gia cầm của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

(Đơn vị: nghìn con)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Sản phẩm					
Trâu	24,3	24,5	24,4	24,0	23,9
Bò	95,1	96,0	95,7	96,4	96,6
Lợn	1 277,5	1 235,8	1 229,0	1 269,0	1 292,5
Gia cầm	24 393,0	25 020,6	25 518,9	26 485,1	27 728,4

Dựa vào hình 2.2, bảng 2.4, hãy:

- Nhận xét sự phân bố một số vật nuôi chính của tỉnh Ninh Bình.
- Nhận xét sự thay đổi số lượng một số loại gia súc và gia cầm của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025.

Những năm gần đây, xu hướng phát triển các vật nuôi khác như dê, đà điểu, chồn hương, nhím, thỏ, ba ba,... để đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường.

Chăn nuôi chuyển dần từ hình thức nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, hình thành vùng chăn nuôi xa đô thị, xa khu đông dân cư nhằm giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường; ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi; tăng khả năng phòng trừ dịch bệnh, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 802 trang trại chăn nuôi.

Ngành chăn nuôi của tỉnh đang chú trọng xây dựng, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, cung ứng sản phẩm an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc. Nhiều chuỗi sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi được đầu tư về cơ sở vật chất, áp dụng công nghệ 4.0 gắn với xây dựng các sản phẩm được chứng nhận OCOP.

Em có biết?

Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tiếp tục được triển khai đồng bộ, rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Tính đến năm 2025, toàn tỉnh có 980 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, trong đó có 03 sản phẩm đạt 5 sao, 153 sản phẩm 4 sao và 824 sản phẩm 3 sao.

*** Lâm nghiệp**

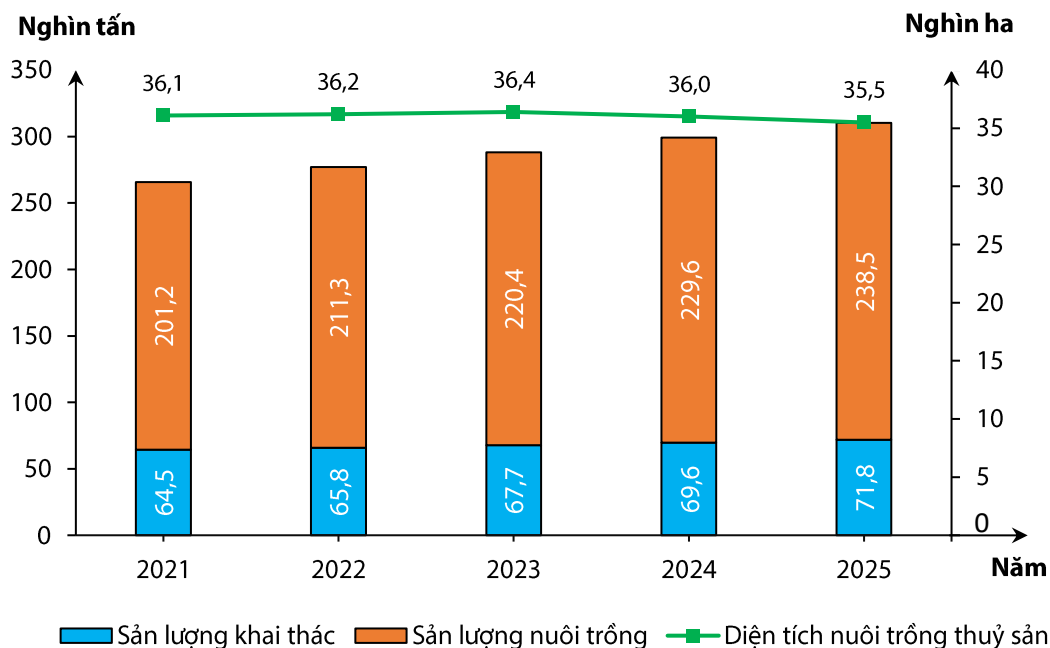
Các hoạt động lâm nghiệp bao gồm: trồng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ và lâm sản, các dịch vụ lâm nghiệp. Sản xuất lâm nghiệp tập trung chủ yếu vào nâng cao chất lượng, giá trị của rừng đáp ứng yêu cầu giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; đảm bảo an ninh quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội. Tỷ lệ che phủ rừng của tỉnh đạt 9,0 % năm 2025.

Năm 2025, toàn tỉnh Ninh Bình có khoảng 36,6 nghìn ha rừng, trong đó có gần 27,5 nghìn ha diện tích rừng tự nhiên và hơn 9,1 nghìn ha rừng trồng. Diện tích rừng trồng mới tập trung và trồng cây phân tán không ngừng tăng qua các năm, giai đoạn 2021 – 2025 đạt khoảng 1 378 ha. Rừng trồng mới tập trung chủ yếu là rừng sản xuất sau khi khai thác được trồng lại, phân bố nhiều ở xã Giao Minh, xã Nho Quan, phường Tam Điệp,...

Sản lượng gỗ và lâm sản khai thác trên địa bàn tỉnh không lớn, chủ yếu được khai thác từ diện tích cây phân tán.

** Thủy sản*

Tổng sản lượng thủy sản, sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng của tỉnh Ninh Bình tăng khá mạnh. Nuôi trồng chiếm ưu thế và ngày càng tăng tỉ trọng trong cơ cấu sản lượng ngành thủy sản. Năm 2025, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt hơn 76,8 % tổng sản lượng thủy sản toàn tỉnh.



Hình 2.4. Biểu đồ diện tích và sản lượng thủy sản của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

Dựa vào hình 2.4, hãy nhận xét sự thay đổi diện tích và sản lượng thủy sản của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025.

Hoạt động nuôi trồng phân bố ở các vùng nước mặn, nước lợ và nước ngọt. Phát triển hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh với các loại thủy sản có nhiều thế mạnh, là đặc sản mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người nuôi như tôm thẻ, tôm càng xanh, tôm sú, cá trắm, ốc, ếch,... Năm 2025, toàn tỉnh có 35,5 nghìn ha diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản; có 188 trang trại thủy sản.

Sản lượng thủy sản khai thác tăng, năm 2025 đạt 71,8 nghìn tấn. Khai thác hải sản giảm đầu tàu công suất nhỏ khai thác gần bờ và tăng tàu công suất lớn, nâng cao năng suất tàu thuyền, đẩy mạnh khai thác xa bờ. Các địa phương như xã Giao Phúc, xã Giao Ninh, xã Hải Thịnh, xã Kim Đông,... có sản lượng hải sản khai thác lớn trên địa bàn tỉnh.

Em có biết?

Tính đến năm 2025, tỉnh Ninh Bình có 97/97 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỉ lệ 100%; trong đó có 65/97 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt tỉ lệ 67%, có 04/97 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, đạt tỉ lệ 4,1%.

2.2. Ngành công nghiệp

a) Tiềm năng phát triển

Vị trí địa lí của tỉnh Ninh Bình gần với trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng, giáp biển tạo thuận lợi cho vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm công nghiệp. Tỉnh lại nằm trong vùng động lực phía Bắc thuận lợi thu hút vốn đầu tư, hình thành các khu và cụm công nghiệp.

Tỉnh có một số loại khoáng sản như đá vôi, sét, cao lanh,... cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Nguồn nước dồi dào từ các sông, hồ cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp. Ninh Bình còn có nguồn nguyên liệu tại chỗ dồi dào từ nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản để phát triển ngành công nghiệp sản xuất, chế biến thực phẩm, dược phẩm,...

Tỉnh có dân số đông, lao động dồi dào, có trình độ; thị trường tiêu thụ lớn nên thuận lợi phát triển các ngành cần lao động kỹ thuật cao (điện tử, máy vi tính, dược phẩm,...) và các ngành cần nhiều lao động, thị trường tiêu thụ (dệt may, da giày,...).

Dựa vào thông tin mục 2.2.a, hãy phân tích tiềm năng phát triển ngành công nghiệp của tỉnh Ninh Bình.

b) Hiện trạng phát triển

Hoạt động công nghiệp có vai trò quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân tỉnh Ninh Bình. Công nghiệp chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GRDP, tạo ra các mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp của tỉnh giai đoạn 2021 – 2025 luôn đạt mức cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chung.

Bảng 2.5. Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp giai đoạn 2021 – 2025

(Đơn vị: %)

Năm	2021	2022	2023	2024	2025
Tốc độ	112,0	111,8	111,6	116,1	122,8

– Cơ cấu ngành công nghiệp:

Công nghiệp tỉnh Ninh Bình có cơ cấu ngành đa dạng, bao gồm bốn nhóm ngành: khai khoáng; chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải.

Bên cạnh các ngành công nghiệp truyền thống, thu hút nhiều lao động như dệt may, chế biến lương thực – thực phẩm, Ninh Bình đã bắt đầu xây dựng, phát triển một số ngành công nghiệp hiện đại như công nghiệp hoá chất (sản xuất thuốc, hoá chất và dược liệu), điện tử, máy vi tính, sản xuất phương tiện vận tải.

– Các ngành công nghiệp trọng điểm:

Ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính giai đoạn 2021 – 2025 có mức tăng cao nhất và chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu ngành công nghiệp, với nhiều dự án quy mô lớn, góp phần làm tăng mạnh sản lượng và doanh thu.

Ngành sản xuất, chế biến thực phẩm liên tục tăng trưởng qua các năm do nhu cầu tiêu dùng ổn định. Một số sản phẩm tiêu biểu như thịt lợn, gà tươi, ướp lạnh và chế biến.

Ngành sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng trưởng mạnh qua các năm do có nhiều dự án từ các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) mới cùng với các nhà máy mở rộng dây chuyền 2 nên sản xuất liên tục tăng cao. Một số sản phẩm tiêu biểu là túi siêu thị, bao bì nhựa, linh kiện nhựa,...

Ngành sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim khác ổn định nhờ sự tăng trưởng của các ngành sản xuất xi măng, clinke và sản xuất sản phẩm bê tông các loại. Sau một thời gian hoạt động sản xuất bị suy giảm do các vấn đề toàn cầu, đến nay hầu hết các doanh nghiệp trong ngành đều có sản lượng sản xuất tăng do tác động từ các gói kích thích kinh tế, tăng trưởng đầu tư công cũng như sự phát triển của ngành bất động sản.

Ngành sản xuất phương tiện vận tải khác mà chủ yếu là sản xuất sản phẩm ô tô các loại, sản xuất xe máy.

Ngành sản xuất đồ uống có sản lượng giảm do sự thay đổi về chính sách, sự cạnh tranh của các sản phẩm trong nước và sản phẩm nhập khẩu trên thị trường.

Ngành dệt may, da giày, đồ gỗ chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình thế giới nên tình hình phát triển có sự biến động. Hiện nay mặc dù ngành này đang tăng trưởng trở lại nhưng đơn hàng mới vẫn còn thấp do thị trường tiêu thụ vẫn còn nhiều biến động.

– Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp:

Theo quy hoạch, tỉnh Ninh Bình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 53 khu công nghiệp, năm 2025 có 20 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động với hạ tầng kỹ thuật được đầu tư đồng bộ, đảm bảo hoạt động ổn định. Các khu công nghiệp tập trung nhiều tại phường Đồng Văn, phường Thành Nam, phường Đông Hoa Lu,...

Ngoài ra, toàn tỉnh còn quy hoạch 117 cụm công nghiệp, trong đó có 43 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động; có Khu kinh tế Ninh Cơ và khu công nghệ cao Hà Nam đã được thành lập.

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao tạo thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển công nghiệp của tỉnh Ninh Bình.

Dựa vào thông tin mục b và hình 2.2, bảng 2.5, hãy trình bày sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp của tỉnh Ninh Bình.

2.3. Ngành dịch vụ

a) Tiềm năng phát triển

Tỉnh Ninh Bình có vị trí nằm ở cửa ngõ phía nam vùng Đồng bằng sông Hồng, nằm trên các trục đường bộ, đường sắt, cao tốc Bắc – Nam và tuyến đường ven biển quốc gia, nằm trên nhiều hành lang kinh tế trọng điểm tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nhiều loại hình dịch vụ.

Với dân số đông, chất lượng cuộc sống ngày càng cao cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các ngành kinh tế trong tỉnh nên nhu cầu về dịch vụ cũng ngày càng lớn và đa dạng. Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng của tỉnh đang được quan tâm đầu tư, nâng cấp, các chính sách cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, đẩy mạnh chuyển đổi số,... giúp nâng cao chất lượng, thúc đẩy dịch vụ phát triển mạnh.

Bên cạnh đó, Ninh Bình còn hội tụ hệ thống tài nguyên du lịch rất đa dạng, độc đáo. Có giá trị nhất phải kể đến là Quần thể danh thắng Tràng An đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản Văn hoá và Thiên nhiên Thế giới. Về tài nguyên du lịch tự nhiên, nổi bật có Vườn quốc gia Cúc Phương, Vườn quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long, suối khoáng nóng Kênh Gà, Khu du lịch biển Thịnh Long,... Về tài nguyên du lịch văn hoá – lịch sử, năm 2025 toàn tỉnh có 5 071 di tích trong đó có 10 di tích quốc gia đặc biệt, 264 di tích quốc gia, 823 di tích cấp tỉnh. Ninh Bình còn có 1 di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh là Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt và 17 bảo vật quốc gia. Nơi đây còn diễn ra nhiều lễ hội lớn trong năm như lễ hội đền Trần, lễ hội Tịch Điền, lễ hội Phủ Dầy, lễ hội chợ Viềng,... Những yếu tố trên đã tạo thế mạnh để Ninh Bình phát triển nhiều loại hình du lịch như du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch biển,...

b) Tình hình phát triển và phân bố

Hoạt động dịch vụ của Ninh Bình phát triển toàn diện với nhiều loại hình, trong đó các ngành chính gồm giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch,... Năm 2025, tổng thu nhập của các ngành dịch vụ đạt trong toàn tỉnh đạt 83 502,7 tỉ đồng (theo giá hiện hành), chiếm 34,4 % GRDP của tỉnh. Tốc độ

tăng trưởng của ngành khá cao, bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 8,9 %, đứng thứ 2 sau ngành công nghiệp.

– Giao thông vận tải:

Ninh Bình có mạng lưới giao thông phân bố rộng khắp, gồm nhiều loại hình. Về đường bộ, Ninh Bình có nhiều tuyến giao thông huyết mạch chạy qua như Quốc lộ 1, 10, 12B, 21, 38, đường bộ ven biển,...; các tuyến cao tốc như tuyến Bắc – Nam phía Đông (CT01), tuyến Hưng Yên – Thái Bình (CT16). Nếu tính đến đường xã thì tổng chiều dài hệ thống đường bộ của tỉnh là 7 311 km (năm 2025) với mật độ đường khoảng 1,87 km/km², cao hơn mức trung bình cả nước. Ngoài ra còn có tuyến đường sắt Bắc – Nam đoạn chạy qua tỉnh có chiều dài hơn 102 km với 14 nhà ga rất thuận lợi cho nhu cầu đi lại của người dân và vận chuyển hàng hoá. Đường thủy nội địa là một trong những ưu thế lớn của tỉnh. Toàn tỉnh có 17 tuyến sông với tổng chiều dài là 922 km, các tuyến sông chính như sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ, sông Hoàng Long,... giúp kết nối các địa phương trong tỉnh với các trung tâm kinh tế lớn như Hà Nội, Hải Phòng. Ninh Bình có 2 cảng biển trong quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ là cảng Nam Định và cảng Ninh Bình nhưng trong thời gian qua việc phát triển cảng biển và giao thông vận tải đường biển của tỉnh còn hạn chế.

Hoạt động kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh Ninh Bình cũng có những chuyển biến tích cực về số lượng và chất lượng dịch vụ. Khối lượng hàng hoá và hành khách vận chuyển, doanh thu vận tải kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải đều có xu hướng tăng.

Bảng 2.6. Khối lượng hành khách và hàng hoá vận chuyển, doanh thu vận tải kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

Chỉ tiêu	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
Khối lượng hành khách vận chuyển (triệu lượt người)	36,4	56,8	79,8	91,2	104,9
Khối lượng hàng hoá vận chuyển (triệu tấn)	142,8	186,2	237,7	268,5	339,0
Doanh thu vận tải kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải (nghìn tỉ đồng)	19,9	26,1	33,0	38,1	45,9

Dựa vào thông tin và bảng 2.6, hãy nhận xét sự phát triển ngành giao thông vận tải của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025.

– Bưu chính, viễn thông:

Dịch vụ bưu chính, viễn thông ngày một đa dạng đáp ứng tốt yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, an ninh quốc phòng và đời sống nhân dân.

Hạ tầng, mạng lưới viễn thông của Ninh Bình trong những năm gần đây không ngừng được phát triển, phân bố rộng khắp, băng thông rộng tốc độ cao, hoạt động ổn định. Vùng phủ sóng thông tin di động, hạ tầng in-tơ-nét băng rộng ngày càng được mở rộng đến tận thôn, tổ dân phố trong toàn tỉnh, 100 % dân số đã được phủ sóng 4G.

Năm 2025, tổng số thuê bao điện thoại trên toàn tỉnh đạt 3 363,5 triệu thuê bao. Trong đó, số thuê bao điện thoại di động chiếm tới 99,1 % trong tổng số thuê bao. Số thuê bao in-tơ-nét băng thông rộng có sự tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm, đến năm 2025 đạt 3 754,1 triệu thuê bao.

Bảng 2.7. Số thuê bao điện thoại và internet của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

(Đơn vị: nghìn thuê bao)

Chỉ tiêu	Năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
Số thuê bao điện thoại	3 456,2	3 638,2	3 663,9	3 693,4	3 363,5
Số thuê bao internet	2 625,2	3 119,0	3 390,0	3 574,2	3 754,1

Dựa vào thông tin và bảng 2.7, hãy nhận xét sự phát triển ngành bưu chính, viễn thông của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025.

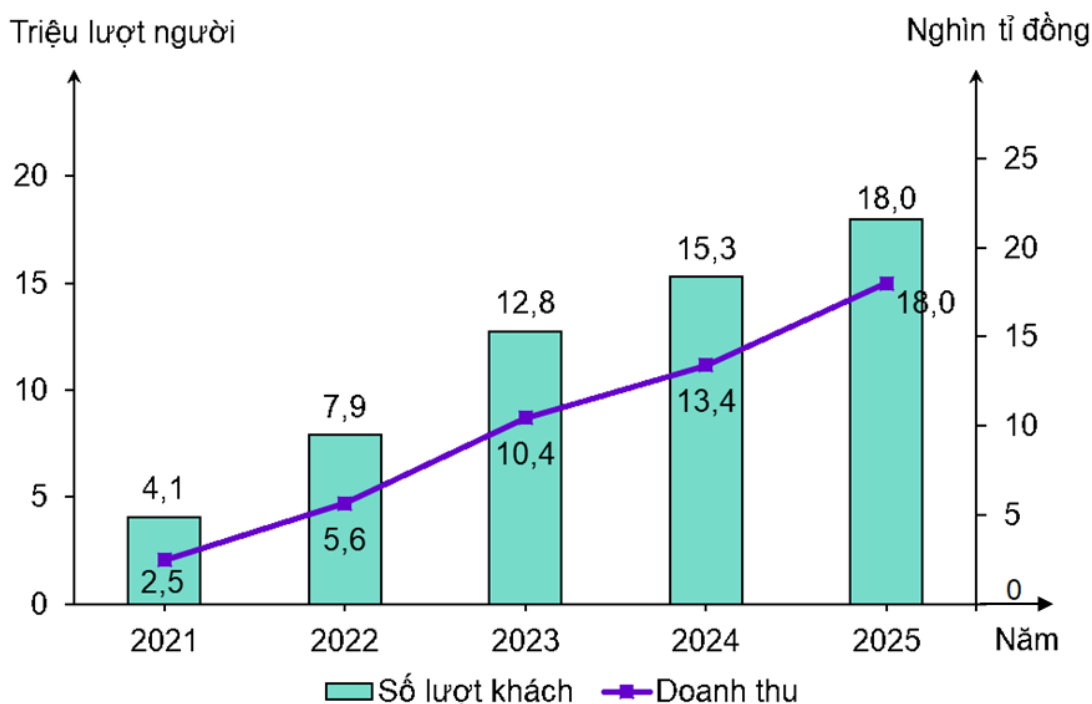
– Thương mại:

Hoạt động buôn bán trên địa bàn tỉnh diễn ra sôi động, hàng hoá phong phú, đa dạng đáp ứng được nhu cầu của người dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng nhanh qua các năm, giai đoạn 2021 – 2025 bình quân mỗi năm tăng 19,6 %, năm 2025 đạt 277,5 nghìn tỉ đồng. Mạng lưới bán hàng phân bố rộng khắp, ngoài hệ thống chợ truyền thống, trong tỉnh đã hình thành các siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng với hình thức bán hàng hiện đại, chất lượng đảm bảo. Năm 2025, Ninh Bình có 6 trung tâm thương mại, 24 siêu thị, 385 chợ và nhiều cửa hàng tiện ích đảm bảo lưu thông hàng hoá, tạo sự kết nối giữa sản xuất và tiêu dùng. Các phường thường có hoạt động buôn bán nhộn nhịp hơn các xã, đặc biệt là phường Nam Định, phường Hoa Lư, phường Phủ Lý.

– Du lịch:

Năm 2025 Ninh Bình có trên 70 khu du lịch, điểm du lịch hấp dẫn, đa dạng về loại hình và phong phú về trải nghiệm. Trong đó có nhiều khu du lịch mang tầm

quốc gia và quốc tế như Quần thể danh thắng Tràng An, Vườn quốc gia Cúc Phương, Quần thể nhà thờ đá Phát Diệm, Đền Trần, Phủ Dầy, Khu du lịch Tam Chúc, Khu du lịch tâm linh núi chùa Bái Đính,... Tỉnh đã từng bước đầu tư khai thác và hình thành các sản phẩm du lịch đặc trưng như du lịch văn hoá – lịch sử – tâm linh; du lịch tham quan thắng cảnh thiên nhiên; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch biển; du lịch vui chơi, giải trí; du lịch cộng đồng,...



Hình 2.5. Số lượt khách và doanh thu du lịch của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025

Dựa vào hình 2.5, hãy nhận xét tình hình phát triển du lịch của tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025.

Lượng du khách đến các điểm tham quan du lịch của tỉnh có sự gia tăng đáng kể qua các năm. Năm 2025, số lượng khách du lịch đến địa bàn tỉnh đạt 18,0 triệu lượt khách, tổng doanh thu hoạt động du lịch đạt 18,0 nghìn tỉ đồng. Kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch được cải thiện đáng kể, cơ bản đáp ứng được nhu cầu của du khách, chất lượng dịch vụ ngày càng được nâng cao. Thương hiệu du lịch Ninh Bình đã và đang từng bước khẳng định vị trí trên bản đồ du lịch trong nước và quốc tế, trở thành một trong 10 điểm đến hàng đầu Việt Nam.

Em có biết?

Du lịch Ninh Bình đã đạt được nhiều giải thưởng có giá trị từ các tổ chức và chuyên trang du lịch quốc tế, nổi bật như: Top 10 trải nghiệm cuốn hút nhất năm 2024; Top 10 điểm đến thân thiện nhất thế giới; Tạp chí quốc tế Forbes xếp hạng Ninh Bình ở vị trí thứ 4 trong “Top 10 kì quan thế giới dành cho những người không thích đám đông”; Quần thể danh thắng Tràng An được Kotler Award bình chọn ở hạng mục “Điểm đến có ảnh hưởng trên thế giới”; Hà Nam “Điểm đến du lịch mới nổi hàng đầu châu Á” và danh hiệu “Giải thưởng thành tựu đặc biệt năm 2024”,...

3. Cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế

3.1. Một số cơ hội phát triển kinh tế

Xu hướng toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đã mở ra cơ hội cho tỉnh Ninh Bình phát huy lợi thế về nguồn lực tự nhiên và kinh tế – xã hội để thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các địa phương trong tỉnh.

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo có bước phát triển mạnh mẽ, tác động sâu rộng và đa chiều, trở thành nhân tố quyết định đến sự phát triển kinh tế của cả nước cũng như tỉnh Ninh Bình.

Ở trong nước, đường lối Đổi mới cùng với các cơ chế chính sách đúng đắn, kịp thời của Đảng và Nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế.

Tỉnh Ninh Bình có vị trí địa lí thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế – xã hội; tài nguyên thiên nhiên và lịch sử – văn hoá phong phú, độc đáo, hấp dẫn có thể phát triển nhiều ngành nghề.

Trong tỉnh, tình hình chính trị, xã hội ổn định; những thành quả phát triển kinh tế – xã hội đạt được trong những năm qua đã tạo ra thế và lực mới. Tỉnh Ninh Bình đã ban hành các chính sách phù hợp với thực tiễn nhằm phát huy nội lực, thu hút ngoại lực thúc đẩy kinh tế phát triển. Môi trường đầu tư được cải thiện; kết cấu hạ tầng xã hội được tăng cường.

Các phong trào thi đua yêu nước tạo hiệu ứng tích cực tới các ngành kinh tế và đời sống xã hội; phát huy được năng lực, trách nhiệm và hiệu quả của người lao động.

Việc sắp xếp địa giới hành chính, tổ chức chính quyền địa phương hai cấp tạo không gian thể chế và kinh tế thuận lợi hơn cho thu hút đầu tư, triển khai các dự án trọng điểm, mở ra không gian phát triển mới.

Dựa vào thông tin mục 3.1, hãy phân tích một số cơ hội để phát triển kinh tế tỉnh Ninh Bình.

3.2. Một số thách thức đối với phát triển kinh tế

Trên thế giới, kinh tế phát triển thiếu ổn định do đại dịch COVID-19; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn; xung đột quân sự, bất ổn chính trị ở một số

khu vực gây ảnh hưởng không nhỏ tới kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Ninh Bình nói riêng.

Xu hướng khu vực hoá, bảo hộ thương mại gia tăng; xu hướng dịch chuyên sản xuất, dòng vốn đầu tư toàn cầu quay ngược trở lại các nước phát triển; chính sách thương mại của các nền kinh tế lớn ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng tăng trưởng và môi trường kinh doanh.

Cơ cấu kinh tế chuyên dịch chưa đáp ứng được mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá của tỉnh. Năng suất lao động và sức cạnh tranh hàng hoá còn thấp, huy động vốn cho phát triển kinh tế còn gặp khó khăn.

Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng, chưa hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp quy mô đủ lớn. Vấn đề ứng dụng khoa học – công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn hạn chế.

Tình trạng biến đổi khí hậu toàn cầu làm gia tăng các loại thiên tai với diễn biến phức tạp, trái quy luật, gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường tự nhiên cũng như các ngành kinh tế.

Dựa vào thông tin mục 3.2, hãy phân tích một số thách thức đối với phát triển kinh tế tỉnh Ninh Bình.

4. Định hướng và giải pháp phát triển kinh tế bền vững

4.1. Định hướng phát triển

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; đột phá phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số, tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng như phát triển công nghiệp, du lịch, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe, phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, phát triển các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới.

Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài; đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ.

Hoàn thiện hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên các công trình giao thông trọng điểm, các dự án kết nối liên vùng, các vùng động lực kinh tế của tỉnh với các tuyến đường quốc gia; quy hoạch, phát triển các đô thị gắn với định hướng phát triển giao thông công cộng và các khu vực giáp với ga đường sắt tốc độ cao, khu kinh tế – khu công nghiệp, khu du lịch,...

Dựa vào thông tin mục 4.1, hãy nêu các định hướng để phát triển kinh tế tỉnh Ninh Bình.

4.2. Giải pháp phát triển kinh tế bền vững

Quy hoạch lại không gian phát triển; huy động, tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng khung; đổi mới tư duy, tầm nhìn phát triển đô thị, phấn đấu đến năm 2030 trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Thúc đẩy phát triển công nghiệp hiện đại, thông minh, xanh hoá, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu với nhiều sản phẩm công nghiệp chủ lực có sức cạnh tranh cao.

Phát triển dịch vụ chất lượng cao, hình thành những sản phẩm du lịch đặc sắc, có thương hiệu gắn với thúc đẩy mô hình kinh doanh mới, đưa du lịch cùng công nghiệp văn hoá, công nghiệp giải trí trở thành cụm ngành kinh tế mũi nhọn.

Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thúc đẩy phát triển nông nghiệp sinh thái đa giá trị.

Xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, đi sâu vào chất lượng phát triển, tính bền vững của tiêu chí đạt được, thúc đẩy quan hệ nông thôn – đô thị hài hoà.

Khuyến khích phát triển, phát huy vai trò của kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Thực hiện hiệu quả đột phá về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Làm tốt công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, thúc đẩy chuyển đổi xanh toàn diện, tích cực bảo vệ và phục hồi môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, tham gia thị trường tín chỉ các-bon.

Dựa vào thông tin mục 4.2, hãy nêu các giải pháp để phát triển kinh tế bền vững của tỉnh Ninh Bình.

C. LUYỆN TẬP

Dựa vào bảng 2.2, hãy:

- Tính năng suất lúa của tỉnh Ninh Bình qua các năm.
- Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích và sản lượng lúa của tỉnh Ninh Bình qua các năm.
- Nhận xét về tình hình sản xuất lúa của tỉnh Ninh Bình qua các năm.

D. VẬN DỤNG

Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy đưa ra một số giải pháp nhằm thúc đẩy kinh tế tỉnh Ninh Bình phát triển.

Bài 2. THỰC HÀNH VIẾT BÁO CÁO VỀ MỘT NGÀNH KINH TẾ CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Nội dung

Viết báo cáo tìm hiểu về một ngành kinh tế của địa phương.

2. Nguồn tư liệu

Một số trang thông tin điện tử có tư liệu về sự phát triển kinh tế của địa phương:

- Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình: <https://ninhbinh.gov.vn/>
- Cục Thống kê tỉnh Ninh Bình: <https://thongkeninhbinh.gov.vn/>
- Trang thông tin điện tử Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình: <https://sonnmt.ninhbinh.gov.vn/>
- Sở Công thương tỉnh Ninh Bình: <https://congthuong.ninhbinh.gov.vn/>
- Sở Du lịch tỉnh Ninh Bình: <https://sodulich.ninhbinh.gov.vn/>
- Tổng cục Thống kê Việt Nam: <https://www.gso.gov.vn/>

3. Gợi ý thực hiện

Báo cáo gồm các nội dung sau:

- Khái quát về địa phương: vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ;
- Ý nghĩa của ngành kinh tế;
- Điều kiện phát triển ngành kinh tế;
- Tình hình phát triển ngành kinh tế;
- Định hướng phát triển ngành kinh tế.

Chủ đề 3

THƠ HIỆN ĐẠI TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được tiểu sử – sự nghiệp của một số tác giả thơ hiện đại tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình.
- Nhận biết và phân tích được các đặc điểm về hình thức nghệ thuật, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo,... của một số tác phẩm thơ hiện đại tiêu biểu tỉnh Ninh Bình.
- Có thái độ trân trọng, yêu mến, tự hào và ý thức trách nhiệm trong việc sưu tầm, bảo tồn và giới thiệu các tác phẩm thơ hiện đại tỉnh Ninh Bình.

Bài 1. NGỌI CA HẠT LÚA

– Nguyễn Đức Mậu –

A. MỞ ĐẦU



Hình 3.1 Hành trình sinh trưởng của cây lúa

Từ những hình ảnh trên, em hãy dùng 3 tính từ để miêu tả quá trình làm ra hạt lúa.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tác giả

Nguyễn Đức Mậu sinh năm 1948 ở xã Nam Điền, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, nay thuộc phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình.

Nguyễn Đức Mậu là một nghệ sĩ tài ba, với các sáng tác thuộc nhiều thể loại trường ca (*Trường ca Sư đoàn*, 1980); truyện ngắn (*Con đường rừng không quên*, 1984); tiểu thuyết (*Tướng và lính*, 1990); tiểu luận, phê bình (*Niềm say mê ban đầu*, 2010) nhưng có lẽ ông thành công nhất ở lĩnh vực thơ ca (*Bầy chim lá màu vàng*, 2004; *Mở bàn tay gặp núi*, 2008). Thơ Nguyễn Đức Mậu chân chất, sâu lắng trong cảm xúc; tài hoa, gợi nhiều ám ảnh trong cách biểu đạt.

Với những đóng góp của mình, Nguyễn Đức Mậu đã được trao tặng nhiều giải thưởng cao quý như: Giải thưởng của Hội đồng văn học lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng-Hội Nhà văn Việt Nam (1993) với tác phẩm *Từ hạ vào thu*; Giải thưởng Văn học ASEAN (2001) với tác phẩm *Cánh rừng nhiều đom đóm bay*; Giải thưởng Bộ Quốc phòng về văn học – nghệ thuật (lần thứ 5) (2004) với tập thơ *Bầy chim lá màu vàng*, Giải thưởng Nhà nước về Văn học, Nghệ thuật, đợt I, 2001.

Từ hạ vào thu là tuyển tập gồm 189 bài thơ ghi lại những kí ức về chiến tranh, được Nguyễn Đức Mậu sáng tác trước năm 1992. Qua tập thơ, người đọc thấy được những suy nghĩ và cảm xúc của ông về mảnh đất quê hương, về con người, về phong cảnh thiên nhiên và cuộc sống đời thường. Mỗi bài thơ trong *Từ hạ vào thu* thể hiện những rung cảm sâu sắc và những xúc cảm nội tâm tinh tế của nhà thơ.

2. Tác phẩm

2.1. Văn bản

- (1) *Chiếc hạt vàng muôn thuở của đồng quê*
Như con thuyền chở tôi qua cơn đói
Với hạt lúa mấy tròn, chín tới
Tôi giống trẻ thơ trước bầu sữa căng đầy
Tôi hoá con chim ngói
Tới mùa màng vỗ cánh về đây.

- (2) *Dạy tôi yêu cái cuốc, cái cày*
Lưỡi mòn vẹt qua mùa vỡ đất
Cái hái, cái liềm xôn xao mùa gặt
Cha tôi cầm lấp lánh vàng trắng.



Hình 3.2. Nhà thơ Nguyễn Đức Mậu

- (3) *Dạy tôi yêu lối ngõ, con đường
 Có vết chân trâu nói về hạt lúa
 Dải đê lớn mở rộng vòng tay cỏ
 Con sông dài chia nhánh phù sa.*
- (4) *Chiếc hạt vàng của sự ám no
 Như lửa ám đời đời truyền lại
 Nằm ở tay cha nên đồng, nên bãi
 Nằm trên tay mẹ nên khói cơm chiều
 Nằm trên tay em nên câu hát dặt dìu
 Nằm ở tay anh hoá tình yêu thực chất
 Bàn tay con người mệnh mông mảnh đất
 Những đường vân dọc ngang
 như dẻ lúa chen dày.*
- (5) *Chiếc hạt vàng bình yên hôm nay
 Đã đi qua những dòng sông hung dữ
 Cây lúa lên đòng trong mùa mưa lũ
 Thân mảnh mai bầy nổi ba chìm
 Cây lúa uốn câu trong kì bão gió
 Tre vắn cành, mây xám, mặt trời đen.*
- (6) *Mùa lúa chín vàng mang nắng sớm
 bùng lên
 Tiếng chim gáy rủ đất trời vào mây
 Tôi đi giữa mùa màng nhiệt đới
 Qua Trung Du tới Đồng Tháp xa vời
 Vẫn chưa hết màu vàng hạt lúa
 Hạt lúa dài theo Đất nước Việt Nam tôi.*

(Trích từ *Từ hạ vào thu*, Nguyễn Đức Mậu,
 NXB Văn học, 2019, tr.338 – 340)

1. Xác định nhân vật trữ tình của văn bản.
2. Ở khổ thơ (1) và (4), hạt lúa đã đem đến những giá trị nào đối với nhân vật trữ tình và đời sống con người? Để thể hiện giá trị đó nhà thơ đã sử dụng hình thức nghệ thuật nào?

3. Hạt lúa trong bài thơ được tác giả gọi bằng hình ảnh nào? Việc lặp lại những hình ảnh đó ở đầu các khổ thơ có tác dụng gì?
4. Ở khổ thơ (2) và (3), nhân vật trữ tình đã học được những bài học nào từ hạt lúa?
5. Em hãy chỉ ra điểm gặp gỡ của hình tượng hạt lúa ở khổ thơ thứ (5) và hạt gạo trong đoạn thơ: “Hạt gạo làng ta/ Có bão tháng bảy/ Có mưa tháng ba/ Giọt mồ hôi sa/ Những trưa tháng sáu” (“Hạt gạo làng ta” – Trần Đăng Khoa)

2.2. Ghi nhớ

– Bài thơ *Ngợi ca hạt lúa* tôn vinh giá trị to lớn của hạt lúa, được ví như *chiếc hạt vàng* mang lại sự no ấm và tình yêu thương, gắn bó mật thiết với cuộc sống của con người từ bàn tay cha, tay mẹ đến tay em, tay anh. Tác phẩm khắc họa sức sống mãnh liệt và sự kiên cường của cây lúa khi phải vượt qua biết bao khắc nghiệt của thiên nhiên để mang lại giá trị cho đời sống con người.

– Về mặt nghệ thuật, bài thơ sử dụng thành công biện pháp lặp hình ảnh “chiếc hạt vàng” ở đầu các khổ thơ kết hợp với giọng điệu ngợi ca, hình ảnh so sánh độc đáo để trải dài vẻ đẹp của hạt lúa dọc theo đất nước Việt Nam.

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. Hình ảnh trung tâm của bài thơ là

- | | |
|--------------------|----------------|
| A. con sông dài. | B. vàng trắng. |
| C. chiếc hạt vàng. | D. nắng sớm. |

Câu 2. Hình ảnh “cái hái cái liềm” trong tay người cha ở khổ thơ (2) được tác giả liên tưởng tới:

- | | |
|----------------|----------------|
| A. Chiếc điều. | B. Con thuyền. |
| C. Vàng trắng. | D. Miếng cau. |

Câu 3. Cụm từ “bảy nổi ba chìm” trong câu thơ “Thân mảnh mai bảy nổi ba chìm” là

- | | |
|---------------|---------------|
| A. điển cố. | B. tục ngữ. |
| C. thành ngữ. | D. điển tích. |

D. VẬN DỤNG

1. Qua việc đọc hiểu bài thơ và sự am hiểu của bản thân về nghề trồng lúa nước, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về thái độ cần có của mỗi người khi được thừa hưởng thành quả lao động của người khác.
2. Ninh Bình là vùng đất có nhiều đồng bằng chiêm trũng và truyền thống nông nghiệp lâu đời. Em hãy thực hiện một bài phỏng vấn ngắn hoặc quay một Vlog (video ngắn) ghi lại cuộc trò chuyện với ông bà, cha mẹ hoặc những người nông dân ở địa phương em về sự vất vả của nghề trồng lúa và giá trị của hạt lúa trong đời sống.

Bài 2. CUỐI RỄ ĐẦU CÀNH

– Bé Kiến Quốc –

A. MỞ ĐẦU

Lắng nghe đoạn điệp khúc của bài hát *Chưa bao giờ mẹ kể* (Châu Đăng Khoa) và chia sẻ suy nghĩ của em về những vất vả, hi sinh thầm lặng của cha mẹ, thầy cô và các thế hệ đi trước đã trải qua để chúng ta có cuộc sống bình yên, tươi đẹp hôm nay.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tác giả

Nhà thơ Bé Kiến Quốc sinh ngày 19/5/1949 tại Nam Định, mất ngày 25/6/2002 tại Hà Nội. Ông nguyên là học sinh khoá 1963 – 1966, trường cấp 3 Lê Hồng Phong, Nam Định, sau này là THPT chuyên Lê Hồng Phong, Nam Định (nay là THPT chuyên Lê Hồng Phong, tỉnh Ninh Bình). Bé Kiến Quốc có năng khiếu thơ văn từ nhỏ. Ông sáng tác thơ khi còn rất trẻ và ghi dấu ấn với giải Nhì cuộc thi thơ của Tuần báo Văn nghệ khi mới 20 tuổi.



Hình 3.3. Nhà thơ Bé Kiến Quốc

Bé Kiến Quốc là một trong những tài năng của thế hệ những nhà thơ trưởng thành từ thời kì chống Mĩ và sớm có ý thức đổi mới thi ca sau chiến tranh. Ông từng là Trưởng ban Thơ, Thư kí toà soạn của Tuần báo Văn Nghệ, Tổng biên tập Báo Người Hà Nội. Năm 2012, ông được truy tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học Nghệ thuật.

Tác phẩm chính: *Những dòng sông* (thơ, in chung, 1979); *Chú ngựa mã sao* (truyện thơ thiếu nhi, 1979); *Dòng suối thần kì* (truyện thơ thiếu nhi, 1984); *Cuối rễ đầu cành* (thơ, 1994); *Mãi mãi ngày đầu tiên* (thơ, 2002); *Đất hứa* (thơ, 2003).

“Luôn hướng về phần sáng của cuộc đời” là điều mà nhà thơ tâm niệm và gửi gắm trong hàng loạt bài thơ: *Tự nhủ*, *Có một người đợi tôi*, *Ngợi ca ngọn lửa*, *Đã nghe chùng xuân tới*, *Hãy nhìn anh như nhìn một dòng sông*,...

2. Tác phẩm

2.1. Văn bản

*Vươn mãi vào bề sâu
Cái rễ non tìm đường cho cây
Qua sỏi đá có khi tớp máu.*



Hình 3.4. Trang bìa tập thơ
“Cuối rễ đầu cành”

*Hướng mãi lên chiều cao
Cái cành non vượt mưa đông nắng hạ
Nảy chiếc lá như người sinh nở.*

*Ai đang ngồi hát trước mùa xuân
Cuộc đời như thể tự nhiên xanh
Chỉ có đất yêu cây thì đất biết
Những cơn đau nơi cuối rễ đầu cành...*

(Bê Kiên Quốc, *Tác phẩm văn học được giải thưởng Nhà nước*,
NXB Hội Nhà văn, 2014, trang 17 – 18)

1. Hãy nêu những đặc điểm của thể thơ tự do thể hiện qua văn bản.
2. Chỉ ra và phân tích những từ ngữ, hình ảnh diễn tả “nỗi đau của rễ” được tác giả miêu tả trong khổ thơ thứ nhất.
3. Nỗi đau nơi đầu cành được tác giả thể hiện trong khổ thơ nào? Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ sau:

*“Cái cành non vượt mưa đông nắng hạ
Nảy chiếc lá như người sinh nở.”*

4. Theo em, thông điệp nghệ thuật mà tác giả gửi gắm trong khổ thơ cuối là gì?
5. Qua văn bản “Cuối rễ đầu cành”, em rút ra được bài học sâu sắc gì cho bản thân?

2. Ghi nhớ

– Bài thơ mượn hình ảnh “cái rễ non” vươn vào bề sâu và “cái cành non” hướng lên chiều cao để truyền tải một triết lí nhân sinh sâu sắc: Đằng sau sự bình yên, tươi đẹp của cuộc đời “tự nhiên xanh” là những gian truân, vất vả và hi sinh thầm lặng không dễ gì nhìn thấy. Trải qua những thấu cảm sâu sắc và tình yêu thương chân thành “đất yêu cây” thì con người mới thấu hiểu được “những cơn đau nơi cuối rễ đầu cành”.

– Tác phẩm sử dụng thể thơ tự do với nhịp điệu linh hoạt, kết hợp cùng các biện pháp tu từ nhân hoá, so sánh độc đáo và hệ thống từ ngữ gợi hình, gợi cảm “tớp máu”, “sinh nở”;...; giọng thơ mang đậm chất suy tư, sâu lắng.

C. LUYỆN TẬP

Câu 1. Thể thơ của văn bản là

- | | |
|-----------------------|----------------------|
| A. lục bát. | B. tự do. |
| C. song thất lục bát. | D. thất ngôn bát cú. |

Câu 2. Biện pháp tu từ xuất hiện trong khổ thơ thứ nhất là

- A. so sánh và nhân hoá. B. nhân hoá và ẩn dụ.
C. ẩn dụ. D. nhân hoá.

Câu 3. Theo em, bài thơ *Cuối rặng đầu cành* thuộc tiêu loại thơ trữ tình nào sau đây?

- A. Trữ tình tâm tình B. Trữ tình thế sự
C. Trữ tình công dân D. Trữ tình phong cảnh

D. VẬN DỤNG

1. Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) nêu suy nghĩ của em về triết lí sống được gợi ra từ văn bản.
2. Thông điệp “Luôn hướng về phần sáng của cuộc đời” của Bé Kiến Quốc rất gần gũi với những nỗ lực vươn lên trong giới trẻ hiện nay. Em hãy làm việc nhóm để chuyển thể bài thơ thành một kịch bản múa đương đại, hoặc một video clip ngắn (Tiktok/ Reels dưới 2 phút). Sản phẩm cần thể hiện rõ sự đối lập giữa những gian truân “qua sỏi đá”, “vượt mưa đông nắng hạ” và thành quả rực rỡ “mùa xuân”, “cuộc đời... xanh.”

Bài 3. TÌNH LÚA

– Nguyễn Xuân Hưởng –

A. MỞ ĐẦU

Lắng nghe ca khúc “Hát về cây lúa hôm nay” (Hoàng Vân) và chia sẻ cảm xúc, suy ngẫm của em.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tác giả

Nguyễn Xuân Hưởng (02/4/1948 – 11/5/2022) quê ở xã Yên Lợi, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; nay thuộc xã Tân Minh, tỉnh Ninh Bình. Ông là Hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Hà Nam, Chủ tịch Câu lạc bộ thơ Hà Nam. Xuất thân từ gia đình trung nông nên từ nhỏ tác giả đã quen thuộc và gắn bó sâu sắc với ruộng đồng quê hương. Năm 1970, ông tốt nghiệp Trường Đại học Nông nghiệp I (niên khoá 1966 – 1970); sau đó công tác tại các tỉnh Hoà Bình, Hà Nam, Nam Định. Ông từng sang Liên Xô nghiên cứu dực liệu cùng đoàn chuyên gia Nga (1977 – 1978).



Hình 3.5. Nhà thơ Nguyễn Xuân Hưởng

Năm 2004, ông nghỉ hưu và chuyển lên thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam sinh sống đến lúc mất. Là cán bộ gương mẫu, có lối sống giản dị, hoà nhã, tình cảm nên ông được mọi người yêu mến.

Ngay từ khi còn học phổ thông, Nguyễn Xuân Hưởng đã có thơ đăng Báo Thiếu niên Tiền phong. Sau này, ông vừa công tác vừa tiếp tục làm thơ. Những tập thơ tiêu biểu của ông gồm: *Nửa bên kia thời gian*, *Mây vắt ngang mùa* (2014), *Xin mùa chậm chậm* (2017),... Tập *Nửa bên kia thời gian* được Giải thưởng Văn học nghệ thuật Nguyễn Khuyến lần thứ VI (2006 – 2010). Thơ ông thường viết về các đề tài quen thuộc như tình yêu, quê hương, đất nước. Đó là tiếng thơ của một tâm hồn lãng mạn, giàu xúc cảm, đắm say, yêu đời, lạc quan, nhiều chiêm nghiệm.

Tình lúa thuộc tập *Mây vắt ngang mùa* (2014). Đã có nhiều nghệ sĩ viết về cây lúa nhưng bài thơ này của Nguyễn Xuân Hưởng vẫn có những vẻ đẹp và đóng góp riêng.

2. Tác phẩm

2.1. Văn bản

*Một đời người bao đời lúa em ơi?
Từ thuở hồng hoang lúa đã xanh rồi
Bao sương nắng bao thăng trầm phận lúa
Mùa nổi mùa hạt mới cứ sinh sôi*

*Người đời sau nói theo ngàn thuở trước
Hạt lúa thuy chung son sắt nuôi người
Người khai mở nền “Văn minh lúa nước”
Cho xứ sở này mãi mãi xanh tươi*

*Chúng mình sinh giữa lúa đồng bát ngát
Giọt sữa đầu đời – sữa lúa quê hương
Lời mẹ ru ấm nồng lời lúa hát
Dù bước ta đi trên mọi nẻo đường*

*Em vẫn hát “... em xinh như cây lúa,...”
Phơi phới màu xuân “lấp ló đầu bờ”
Chấn vẫn ôm đồng phơi màu ngậm sữa
Khắp khởi đón mùa chắc hạt vàng mơ,...*

*Đất nước rộn ràng vui mùa đổi mới
Cây lúa quê mình đậm thắm hồn quê
Đường hạnh phúc tỏa đi bao hướng tới
Tình lúa thiết tha níu gọi ta về.*

(Tuyển tập văn học Hà Nam 1997 – 2018,
Hội Văn học nghệ thuật Hà Nam, NXB Thanh niên, 2019, tr.156)

1. Nêu những dấu hiệu nhận biết thể thơ.
2. Chỉ ra và nhận xét mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ.
3. Phân tích những ý nghĩa của cây lúa đối với đời sống con người. Nghệ thuật miêu tả hình tượng trung tâm của tác phẩm có gì đặc sắc?
4. Nhân vật “em” là ai? Sự xuất hiện của hình ảnh này đã góp phần tạo nên giọng điệu như thế nào cho bài thơ?
5. Theo em, bài thơ có khả năng bồi đắp, nuôi dưỡng được những tình cảm đẹp đẽ nào cho người đọc?

2.2. Ghi nhớ

– Bài thơ ca ngợi; thể hiện lòng biết ơn, niềm tự hào, tin yêu tha thiết với cây lúa, nền văn minh lúa nước, quê hương, đất nước.

– Thể thơ tám chữ với cách ngắt nhịp linh hoạt, gieo vần chân; ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, quen thuộc, gần gũi; giọng điệu tâm tình, tha thiết, nhẹ nhàng; các biện pháp nhân hoá, so sánh,... được sử dụng hiệu quả trong việc diễn tả, làm nổi bật hình ảnh cây lúa cùng tình cảm gắn bó, yêu thương của tác giả.

C. LUYỆN TẬP

1. Phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: “Hạt lúa thủy chung son sắt nuôi người.”
2. Em ấn tượng sâu sắc nhất với câu thơ hoặc hình ảnh nào? Vì sao?
3. Chỉ ra một số điểm tương đồng và khác biệt giữa bài thơ *Tình lúa* (Nguyễn Xuân Hương) và *Ngợi ca hạt lúa* (Nguyễn Đức Mậu).

D. VẬN DỤNG

1. Viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) về một yếu tố làm nên vẻ đẹp cho bài thơ.
2. Theo em, tuổi trẻ ngày nay cần làm gì để thực hiện vai trò, trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy giá trị văn hoá – kinh tế của cây lúa quê mình?

Độc mở rộng: BÃI BÒI

– Trần Lâm Bình –

1. Tác giả

Tác giả Trần Lâm Bình sinh năm 1948, quê ở thôn Bồ Đề, xã Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình; bút danh: Trần Bình, Trần Lâm.

Ông từng là chiến sĩ Giải phóng quân miền Nam, chiến đấu anh dũng, quả cảm và bị thương trên chiến trường. Hoà bình lập lại, bằng sự nỗ lực phấn đấu của bản thân, ông từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình; Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Đào tạo nguồn nhân lực thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Ông hiện là Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam.



Hình 3.6. Tác giả Trần Lâm Bình

Tác phẩm đã xuất bản của ông: *Dấu chân trên đá* (Tập thơ, 2000); *Ngõ nhỏ* (Tập thơ, 2002); *Viết tặng cho mình* (Tập thơ, 2005); *Thơ Ninh Bình ngàn năm trên vách đá* (sưu tầm, tuyển chọn và biên soạn, 2010);...

Ông đã được nhận các giải thưởng cao quý về văn học và nghệ thuật: Giải thưởng Văn học nghệ thuật Trương Hán Siêu của tỉnh Ninh Bình năm 1996 – 2001; giải C Cuộc thi thơ lục bát của Tuần báo *Văn nghệ* năm 2002; giải A Cuộc thi thơ viết về đề tài biên phòng của Tạp chí *Văn nghệ quân đội* năm 2003 – 2004; giải Khuyến khích Cuộc thi thơ của báo *Gia đình và Xã hội* năm 2009,...

2. Văn bản

I

*Tôi lớn lên
Theo nhịp thở bãi bồi
Trước mặt là biển xanh
Sau lưng là xóm bãi
Những giọt phù sa vắt trong lắng lại
Khoác lên bãi bồi
Lốp lốp thời gian
Mùa hạ bãi bồi
Không một tiếng ve ran
Mùa xuân bãi bồi
Không một cánh ong bay tìm mật*

Ngọn gió mờ côi lẫn mùi bùn đất
Chang chang bãi vắng phù sa
Đầu này bãi bồi
Tròn vo bóng cha
Đầu kia bãi bồi
Trái dài bóng mẹ
Cha mẹ tảo tần
Nuôi tôi lớn khôn bằng con còng, con ghe
Vật vờ theo nhịp sóng đưa!
Bùn đất bãi bồi
Lấm láp tuổi thơ
Theo mẹ, theo cha bắt cua, trồng sù
Chờ con nước ròng
Cong queo giấc ngủ
Con mơ ú ớ có ghe, có còng,...

II

Trên vùng nuôi tôm sú hôm nay
Rười rượi trong lòng
Nơi bãi bồi xưa
Mồ hôi mẹ, mồ hôi cha trộn cùng bùn đất
Biển gió chuốt
Nắng chiều dần lên mặt
Tự thẳm sâu nghe nhịp thở bãi bồi!

Bình Minh, tháng 11/2000

(Tuyển tập Văn học Ninh Bình ngàn năm, Sđd, tr.304)

Hướng dẫn đọc mở rộng

1. Nhan đề bài thơ "Bãi bồi" gợi cho em liên tưởng và suy ngẫm gì?
2. Hãy chỉ ra mạch vận động cảm xúc của chủ thể trữ tình qua hai phần của bài thơ. (Mạch cảm xúc được biểu hiện và chuyển biến như thế nào qua các phần của bài thơ?)
3. Ở phần I của bài thơ, quê hương của tác giả được gợi lên qua những hình ảnh nào? Nêu cảm nhận của em về những hình ảnh đó.
4. Cách sử dụng thể thơ tự do mang lại hiệu quả biểu đạt như thế nào cho bài thơ?
5. Theo em, qua bài thơ, nhà thơ muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

Chủ đề 4

KHỞ NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được khái niệm, vai trò của khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Ninh Bình.
- Xác định được các bước cơ bản trong quá trình khởi nghiệp.
- Phân tích được các yếu tố tác động đến quá trình khởi nghiệp.
- Vận dụng được các kiến thức đã học để xây dựng ý tưởng về một dự án khởi nghiệp cụ thể.

A. MỞ ĐẦU

Hoạt động khởi nghiệp đang ngày càng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Ninh Bình.



Hình 4.1. Ngày hội khởi nghiệp và Cuộc thi “Học sinh phổ thông với ý tưởng khởi nghiệp” tỉnh Ninh Bình năm học 2025 – 2026

Em hãy chia sẻ về hoạt động hỗ trợ, giáo dục, tuyên truyền về khởi nghiệp tại địa phương mà em biết.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Một số khái niệm cơ bản

Em có biết?

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2025 – 2030: một trong các khâu đột phá để cập tới xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp. Đó là: đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp; đột phá phát triển khoa học công nghệ và chuyển đổi số, tập trung vào một số lĩnh vực quan trọng như phát triển công nghiệp, du lịch, giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe, phát triển kinh tế tư nhân, xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, phát triển các mô hình, phương thức sản xuất kinh doanh mới.

Khởi sự kinh doanh bắt đầu tạo lập một công việc kinh doanh mới. Đây là bước đi đầu tiên khi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân quyết định hiện thực hoá một ý tưởng để tham gia vào thị trường.

Đổi mới sáng tạo không chỉ là tạo ra cái mới, mà còn là việc ứng dụng các thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ hoặc giải pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế – xã hội tăng năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hoá.

Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là quá trình khởi nghiệp dựa trên ý tưởng sáng tạo, tạo ra sản phẩm hoàn toàn mới; hoặc sản phẩm cũ nhưng có điểm khác biệt nổi trội, ưu việt hơn hẳn những sản phẩm, dịch vụ đã có trên thị trường và có khả năng phát triển nhanh chóng và vượt bậc.

Để một dự án khởi nghiệp thành công, nó cần một môi trường hỗ trợ xung quanh, gọi là “hệ sinh thái”. Hệ sinh thái này bao gồm: Các chủ thể trực tiếp như cá nhân, nhóm cá nhân và các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và Các chủ thể hỗ trợ như chính sách và luật pháp của Nhà nước, cơ sở hạ tầng dành cho khởi nghiệp, vốn và tài chính (như các quỹ đầu tư, ngân hàng), văn hoá khởi nghiệp, các tổ chức cung cấp dịch vụ hỗ trợ (vườn ươm, trung tâm xúc tiến khởi nghiệp,...).

2. Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên quê hương Ninh Bình

2.1. Vai trò của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Thông tin 1:

Từ thời xa xưa, xã Yên Lộc đã có truyền thống làm nghề chiết xuất tinh dầu bạc hà và nhận thấy tinh dầu có nhiều công dụng cho sức khoẻ và có thị trường tiêu thụ tiềm năng. Muốn tiếp tục phát triển nghề của quê hương, anh Trần Văn Quốc, xóm 12, xã Lai Thành, tỉnh Ninh Bình sau khi dành thời gian đi học hỏi, tìm tòi đã tiến hành trồng thử nghiệm cây húng quế tại vườn nhà.

Anh Quốc đã tiếp cận khách hàng qua mọi kênh có thể, từ bạn bè, người thân rồi qua các công ty, đại lý, mang tinh dầu tặng và giới thiệu cho mọi người. Nhờ chất lượng tốt nên sản phẩm tinh dầu được khách hàng ủng hộ và dần có chỗ đứng trên thị trường. Từ sản phẩm tinh dầu húng quế đầu tiên, đến nay cơ sở của anh Quốc đã có 5 loại tinh dầu mang thương hiệu tinh dầu Quốc Thịnh gồm húng quế, mùi già, sả, hương nhu và bạc hà; trong đó nổi bật là tinh dầu mùi già và tinh dầu húng quế. Để sản phẩm tinh dầu có chỗ đứng thì chất lượng là yếu tố hàng đầu. Do đó, các khâu từ chọn đất, trồng được liệu, chăm sóc đến thu hoạch và chế biến đều phải đúng quy trình và đảm bảo an toàn.

Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển của đất nước cũng như của tỉnh Ninh Bình. Trong các năm qua, tỉnh Ninh Bình đã có nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ và thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Các doanh nghiệp/công ty khởi nghiệp đã tạo ra các sản phẩm/dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, mang lại cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

Phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo phát triển mạnh mẽ đã góp phần thay đổi diện mạo nông thôn của tỉnh Ninh Bình: Du lịch – dịch vụ phát triển mạnh mẽ, từng bước trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Công nghiệp tăng trưởng nhanh, bền vững.



Hình 4.2. Những sản phẩm tinh dầu từ các cây dược liệu được sản xuất từ cơ sở của anh Trần Văn Quốc ở xóm 12, xã Lai Thành, tỉnh Ninh Bình

Thông tin 2:

Từ bỏ cơ hội việc làm ổn định tại thành phố sau khi tốt nghiệp đại học, anh Vũ Minh Ngọc, trú tại phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình đã trở về quê hương để xây dựng, phát triển thương hiệu giấm mơ truyền thống của gia đình.

Sau quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và xây dựng kế hoạch cụ thể, anh Ngọc xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là chuẩn hoá quy trình sản xuất giấm. Thời gian đầu, anh dành nhiều thời gian tìm đọc tài liệu khoa học về lên men giấm; tham khảo, kết hợp phương pháp ủ giấm truyền thống của gia đình với kĩ thuật ủ men bia của Đức, một phần phương pháp sản xuất giấm Balsamic của Italy và quy trình làm trà kombucha sử dụng nấm scoby, từ đó xây dựng công thức phù hợp, bảo đảm tính khoa học và ổn định chất lượng sản phẩm. Sau khi hoàn thiện công thức, anh Ngọc đưa sản phẩm đi thẩm định, đánh giá chất lượng; đồng thời xin ý kiến tư vấn của các chuyên gia tại các viện nghiên cứu thực phẩm, trường đại học, nhà máy bia nhằm tiếp tục hoàn thiện quy trình, chuẩn hoá nhãn mác với tên gọi

“Giấm mơ trà xanh Cô Tâm”. Bí quyết giúp giấm mơ trà xanh luôn giữ được hương vị đặc trưng, được nhiều khách hàng tin dùng chính là sự kết hợp giữa nước mơ ngâm đường lâu năm và nước trà xanh theo tỉ lệ phù hợp, ủ lên men hoàn toàn tự nhiên. Thành phẩm có mùi thơm đặc trưng của mơ, vị chua dịu, thanh mát. Ngoài việc sử dụng làm gia vị trong chế biến món ăn hằng ngày, sản phẩm giấm mơ trà xanh đặc biệt tốt cho cơ thể trong việc điều chỉnh lại chức năng tiêu hoá, hỗ trợ giảm cân, điều chỉnh lượng đường trong máu, góp phần hạn chế các bệnh tiểu đường, ung thư,... Với quy trình sản xuất bài bản, tư duy đổi mới và năng động trong phát triển thị trường, sản phẩm giấm mơ trà xanh ngày càng khẳng định chất lượng, chỗ đứng trên thị trường; qua đó góp phần lan toả phong trào khởi nghiệp sáng tạo trong thanh niên, tạo việc làm cho lao động địa phương.

Quy trình sản xuất đã ổn định, chất lượng sản phẩm được khẳng định và có khả năng đáp ứng các đơn hàng lớn, song thương hiệu “giấm mơ trà xanh Cô Tâm” vẫn còn khá mới mẻ đối với người tiêu dùng, việc tiêu thụ sản phẩm thời gian đầu gặp không ít khó khăn. Từ thực tế đó, anh Ngọc chủ động đưa sản phẩm đến các hệ thống cửa hàng thực phẩm sạch trong tỉnh để giới thiệu; tích cực tham gia các hội chợ thương mại trong và ngoài tỉnh nhằm quảng bá, học hỏi kinh nghiệm tiếp thị. Nhờ kiên trì xây dựng thị trường, sản phẩm ngày càng được nhiều khách hàng biết đến, số lượng đơn hàng tăng dần theo thời gian.

Nhận thấy sản xuất nhỏ lẻ khó tạo sức lan toả, anh Ngọc thành lập Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nông sản Cô Tâm nhằm xây dựng, phát triển thương hiệu, hoàn thiện các chỉ dẫn về xuất xứ, nguồn gốc sản phẩm. Bên cạnh các kênh phân phối truyền thống, anh Ngọc chú trọng đổi mới phương thức bán hàng, tận dụng xu hướng tiêu dùng hiện đại. Các sản phẩm của hợp tác xã được xây dựng hình ảnh bài bản, gắn với câu chuyện sản phẩm để tiếp cận người tiêu dùng trên các nền tảng số.



Hình 4.3. Sản phẩm Giấm mơ – trà xanh cô Tâm

Thông tin 3:

Dự án Hợp tác xã “Nông nghiệp hữu cơ và du lịch sinh thái Gió Sông Hồng” (Tổ dân phố Hoàn Dương, phường Duy Tân, tỉnh Ninh Bình) là một mô hình kinh tế tập thể do thanh niên làm chủ, tập trung vào nông nghiệp hữu cơ, du lịch sinh thái và ứng dụng chuyển đổi số để phát triển sản phẩm.

Xu hướng sử dụng của thị trường hiện nay là các sản phẩm hữu cơ, sạch, không hoá chất bảo quản, có nguồn gốc tự nhiên, an toàn với sức khoẻ, thân thiện với môi trường, có thể dễ dàng truy xuất được nguồn gốc sản phẩm. Anh Phạm Văn Thắng đã mạnh dạn tập hợp thêm đoàn viên thanh niên, các doanh nghiệp nhỏ cùng sự hỗ trợ của Tỉnh đoàn, cơ quan tổ chức ở địa phương thành lập Hợp tác xã Nông nghiệp hữu cơ và du lịch sinh thái Gió sông Hồng – tiên thân là Công ty Cổ phần Thực phẩm Mai Chi chuyên sản xuất và chế biến ô mai, bánh mít kẹo, bánh trung thu, nông sản sấy khô và hàng chục sản phẩm truyền thống khác mang đậm bản sắc dân tộc.

Những sản phẩm chính (đạt chứng nhận OCOP) của Hợp tác xã gồm trà đồ đen xanh lòng, trà tía tô, trà diếp cá, các loại ô mai, hoa quả sấy khô,...

Từ đầu năm 2024 đến nay, Hợp tác xã đã đạt được nhiều bước tiến vượt bậc, sản phẩm có mặt tại 33/34 tỉnh thành trên cả nước và đã có sản phẩm được xuất khẩu sang 2 thị trường lớn quốc tế là Mỹ và Nhật.

Tổng doanh số cả trong và ngoài nước năm 2024 đạt 20 tỉ đồng (chưa tính chi phí gốc bỏ ra), giải quyết việc làm cho hơn 40 lao động thường xuyên tại địa phương, chưa tính số lao động mùa vụ tại các bãi nguyên liệu sạch địa phương theo mùa vụ.

Đây là một mô hình tiêu biểu tại Ninh Bình về việc thanh niên tham gia xây dựng kinh tế tập thể, kết hợp nông nghiệp hữu cơ và du lịch, hướng tới phát triển bền vững, được các cấp đoàn thể quan tâm và hỗ trợ; dự án lọt vào chung kết cuộc thi “Dự án khởi nghiệp thanh niên nông thôn” năm 2023; đạt điểm cao nhất khu vực miền Bắc.



Hình 4.4. Dự án “Sản xuất, chế biến nông sản chất lượng cao kết hợp khu du lịch trải nghiệm Gió sông Hồng” của anh Phạm Văn Thắng

Em có biết?

Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 15-KH/TU ngày 28/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình với danh mục các nhiệm vụ nhằm phát triển Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh trong thời gian tới được xem là thuận lợi để tham mưu triển khai đồng bộ các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Ninh Bình giai đoạn 2025 – 2030.

– Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo được xác định là một trong những yếu tố then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình. Trong những năm qua, tỉnh Ninh Bình đã có nhiều chủ trương, chính sách, hoạt động nhằm thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

– Khởi nghiệp giữ vai trò rất lớn trong việc hình thành số lượng các doanh nghiệp của tỉnh Ninh Bình, tạo ra nhiều giá trị về kinh tế – xã hội, nhiều cơ hội việc làm cho người lao động, nhiều sản phẩm có giá trị cho cộng đồng, xã hội và khách hàng.

– Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sẽ giúp tăng tốc độ áp dụng công nghệ mới, khoa học – kỹ thuật vào sản xuất trong các doanh nghiệp của tỉnh Ninh Bình, giúp giảm chi phí sản xuất, tạo ra những sản phẩm mới, thông qua đó giúp các doanh nghiệp của tỉnh Ninh Bình tăng sự cạnh tranh.

– Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo góp phần phát huy tốt vốn tri thức và năng lực trí tuệ của người dân tỉnh Ninh Bình.

2.2. Lĩnh vực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở tỉnh Ninh Bình

Tỉnh Ninh Bình đã phát triển các lĩnh vực khởi nghiệp đa dạng, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong nhiều ngành. Dưới đây là một số lĩnh vực khởi nghiệp đáng chú ý ở tỉnh Ninh Bình:

– Du lịch và công nghiệp văn hoá (*mũi nhọn*): Ninh Bình định hướng trở thành “Đô thị di sản thiên niên kỉ”, vì vậy các ý tưởng khởi nghiệp gắn với di sản luôn được ưu tiên như : Du lịch thông minh: Ứng dụng công nghệ (VR/AR, App du lịch) để trải nghiệm danh thắng Tràng An, Cố đô Hoa Lư; Sản phẩm lưu niệm sáng tạo, Thiết kế quà tặng từ làng nghề truyền thống (đá mã nghệ Ninh Vân, thêu ren Văn Lâm) nhưng có mẫu mã hiện đại, tính ứng dụng cao; Dịch vụ kinh tế ban đêm: Các chương trình biểu diễn thực cảnh, tổ hợp văn hoá – ẩm thực sáng tạo.

– Nông nghiệp sinh thái và công nghệ cao: Chế biến đặc sản (sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng từ dưa Đòng Giao, thịt dê, com cháy, trà hoa vàng Cúc Phương); Nông nghiệp tuần hoàn (Mô hình nuôi trồng không chất thải, ứng dụng IoT để kiểm soát quy trình); Nông nghiệp gắn liền du lịch (Mô hình trang trại trải nghiệm, giáo dục dành cho học sinh).

– Công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp xanh: Công nghiệp hỗ trợ ô tô (Phát triển các linh kiện, giải pháp đổi mới sáng tạo trong lắp ráp ô tô); Vật liệu xây dựng xanh (Nghiên cứu và sản xuất các loại vật liệu thân thiện môi trường thay thế cho vật liệu truyền thống); Năng lượng tái tạo (Các ứng dụng nhỏ về năng lượng mặt trời hoặc giải pháp tiết kiệm năng lượng cho doanh nghiệp)

– Kinh tế số và thương mại điện tử: Chuyển đổi số (các giải pháp quản trị doanh nghiệp, bán hàng trực tuyến cho các hộ kinh doanh cá thể); Logistics thông minh (dịch vụ kho bãi, vận chuyển ứng dụng công nghệ để tối ưu hoá việc phân phối đặc sản Ninh Bình ra toàn quốc và quốc tế).

– Giáo dục và đào tạo: Các startup trong lĩnh vực này tạo ra các nền tảng và ứng dụng công nghệ giáo dục, các khoá học trực tuyến và giải pháp đào tạo để nâng cao chất lượng giáo dục và đáp ứng nhu cầu đa dạng của học sinh và sinh viên.

2.3. Các yếu tố tác động đến quá trình khởi nghiệp

Có nhiều yếu tố tác động đến quá trình khởi nghiệp, trong đó, có hai yếu tố quan trọng nhất là: môi trường khởi nghiệp và người khởi nghiệp.

a) Môi trường khởi nghiệp

Môi trường khởi nghiệp là khung pháp lí và các chính sách của Nhà nước nhằm hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp.

Môi trường khởi nghiệp thuận lợi sẽ thúc đẩy mạnh mẽ phong trào khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo.

Trong những năm qua, tỉnh Ninh Bình đã có nhiều nỗ lực thực hiện cải cách để tạo ra môi trường thông thoáng, từ đó thu hút và kêu gọi đầu tư trong đó tập trung vào các ngành mà tỉnh có lợi thế, đặc biệt là các lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch và thân thiện với môi trường.

Bảng 4.1. Thống kê vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2024 và 2025

Loại hình sử dụng	2024		2025	
	<i>Giá trị sản xuất (tỉ đồng)</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>	<i>Giá trị sản xuất (tỉ đồng)</i>	<i>Tỉ lệ (%)</i>
Vốn khu vực Nhà nước	31 237	22,0	56 257	32,0
Vốn khu vực ngoài Nhà nước	86 045	60,7	93 347	53,1
Vốn khu vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài	24 581	17,3	26 173	14,9
Tổng số	141 863	100,0	175 777	100,0

b) Người khởi nghiệp

Để khởi nghiệp thành công, người khởi nghiệp cần hội tụ các yếu tố như năng lực sáng tạo, sự kiên trì, kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản trị (như kỹ năng nghiên cứu thị trường, quản lý tài chính và quản lý nguồn lực,...).

2.4. Các bước cơ bản trong quá trình khởi nghiệp

Quá trình khởi nghiệp thường bao gồm các bước sau:

Bước 1: Xác định điểm mạnh, điểm yếu của bản thân

Người khởi nghiệp cần xem xét trình độ, kinh nghiệm chuyên môn, khả năng tài chính, mối quan hệ,... của bản thân để xác định điểm mạnh và điểm yếu của bản thân.

Bước 2: Tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp

Người khởi nghiệp sẽ tìm kiếm các ý tưởng khả thi, phù hợp với năng lực của bản thân.

Bước 3: Xây dựng kế hoạch

Việc xây dựng kế hoạch thường trải qua các giai đoạn: xây dựng kế hoạch sơ bộ, điều chỉnh kế hoạch, xây dựng kế hoạch chi tiết. Trong bản dự án chi tiết sẽ cụ thể hoá các vấn đề, nội dung và kế hoạch thực hiện của dự án.

Bước 4: Chuẩn bị nguồn lực để thực hiện

Chuẩn bị về: kiến thức, tài chính, nhân sự, pháp lý, văn phòng, địa điểm, công cụ, thiết bị,...

Bước 5: Triển khai kế hoạch

Thực hiện dự án theo kế hoạch đã xây dựng. Tùy vào tính chất, mức độ của từng kế hoạch mà khi triển khai có thể bắt đầu bằng việc triển khai thử nghiệm, điều chỉnh, sau đó là triển khai chính thức.

Em có biết?

Theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của “Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa”, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo sẽ được hỗ trợ:

- Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.
- Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.
- Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới.
- Hỗ trợ công nghệ.
- Hỗ trợ đào tạo, huấn luyện chuyên sâu.
- Hỗ trợ về thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo.

C. LUYỆN TẬP

- Câu 1.** Dựa trên tài liệu, em hãy nêu định nghĩa về “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Sự khác biệt cơ bản giữa một cửa hàng tạp hoá truyền thống và một doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là gì?
- Câu 2.** Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bao gồm những chủ thể nào? Tại sao chính sách và luật pháp của Nhà nước lại được coi là một phần của hệ sinh thái này?
- Câu 3.** Em hãy kể tên 5 lĩnh vực khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trọng điểm đang được tỉnh Ninh Bình khuyến khích phát triển. Em đã có ý tưởng nào trong các lĩnh vực trên chưa? Tại sao em lại chọn lĩnh vực đó?
- Câu 4.** Phân tích các yếu tố tác động đến quá trình khởi nghiệp tại địa phương. Theo em, giữa “Môi trường khởi nghiệp” và “Người khởi nghiệp”, yếu tố nào đóng vai trò quyết định hơn? Vì sao?
- Câu 5.** Từ bảng số liệu thống kê vốn đầu tư tại Ninh Bình năm 2024 và năm 2025, em có nhận xét gì về xu hướng đầu tư của khu vực ngoài Nhà nước đối với nền kinh tế tỉnh nhà?
- Câu 6.** Trong 5 bước khởi nghiệp, bước nào là quan trọng nhất? Giải thích vì sao?
- Câu 7.** Em hãy chọn một trong các nhân vật khởi nghiệp điển hình trong tài liệu. Sau đó hoàn thành bảng phân tích sau:

STT	Tiêu chí phân tích	Nội dung chi tiết
1	Lĩnh vực khởi nghiệp	Kể tên lĩnh vực khởi nghiệp của một dự án tiêu biểu của họ.
2	Ý tưởng đổi mới sáng tạo	Điểm mới hoặc công nghệ ưu việt mà họ đã áp dụng là gì?
3	Giá trị mang lại	Sản phẩm giải quyết được vấn đề gì cho thị trường hoặc địa phương?
4	Yếu tố thành công	Những năng lực hay phẩm chất nào đã giúp họ vượt qua khó khăn?

D. VẬN DỤNG

Em hãy xây dựng ý tưởng và lập kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh theo khung gợi ý sau:

1. Ý tưởng khởi nghiệp kinh doanh

Sản phẩm, dịch vụ hướng tới khởi nghiệp kinh doanh là gì?

2. Phân khúc khách hàng

Khách hàng hay nhóm khách hàng mà sản phẩm/dịch vụ hướng tới là gì? (sản phẩm/dịch vụ bán cho ai).

3. Giải pháp giá trị

Giá trị mà sản phẩm/dịch vụ đem đến cho khách hàng là gì? (cái tạo ra sự khác biệt khiến cho khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của mình).

4. Kênh truyền thông

Các kênh truyền thông, phân phối để tiếp xúc với khách hàng là gì? (làm thế nào để khách hàng biết tới sản phẩm/dịch vụ của mình).

5. Quan hệ khách hàng

Cách thức để thu hút và giữ chân khách hàng là gì?

6. Dòng doanh thu

Lợi nhuận thu được từ phân khúc khách hàng được thể hiện như thế nào?

7. Nguồn lực chính

Nguồn lực quan trọng nhất để doanh nghiệp tồn tại và phát triển là gì? (tài nguyên, tài chính, nhân lực, nguồn tri thức, nền tảng công nghệ,...).

8. Hoạt động chính

Các hành động để triển khai và duy trì hoạt động kinh doanh là gì?

9. Đối tác chính

Các nhà cung cấp nguồn lực và các đối tác giúp cho công việc kinh doanh được thực hiện tốt và phát triển là gì?

10. Cơ cấu chi phí

Mô tả tất cả các chi phí cần thiết để duy trì và điều hành công việc sản xuất kinh doanh.

Chủ đề 5

XÂY DỰNG CÁC SẢN PHẨM VĂN HOÁ NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được khái niệm văn hoá và vai trò của sản phẩm văn hoá đối với đời sống kinh tế – xã hội.
- Hiểu được mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp xây dựng sản phẩm văn hoá của tỉnh Ninh Bình.
- Xác định được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn và phát triển các sản phẩm văn hoá của địa phương.
- Tìm hiểu và giới thiệu được một số sản phẩm văn hoá của địa phương.
- Thực hành sáng tạo được sản phẩm văn hoá phù hợp với lứa tuổi.

A. MỞ ĐẦU

Bên cạnh những giá trị văn hoá mang tính thống nhất của dân tộc, mỗi địa phương còn hình thành hệ thống biểu hiện văn hoá đặc thù, được phản ánh qua đời sống sinh hoạt của cộng đồng cư dân. Những biểu hiện đó hiện diện trong các hoạt động và không gian văn hoá gắn với lịch sử và truyền thống như lễ hội, tín ngưỡng, làn điệu dân ca, làng nghề truyền thống, di tích và danh thắng,... Các yếu tố này không chỉ thể hiện bản sắc riêng của từng địa phương mà còn có thể được tổ chức, khai thác và phát huy thành các sản phẩm văn hoá đặc trưng, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội.

Em hãy tìm hiểu và giới thiệu một sản phẩm văn hoá của địa phương em?

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Khái niệm văn hoá và vai trò của sản phẩm văn hoá đối với đời sống kinh tế – xã hội

Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, phản ánh bản sắc của mỗi cộng đồng, đồng thời định hướng sự phát triển của con người và xã hội. Trong tiến trình phát triển, các giá trị ấy được sáng tạo, lưu giữ và lan toả thông qua những sản phẩm văn hoá cụ thể. Ngày nay, sản phẩm văn hoá không chỉ mang ý nghĩa tinh thần mà còn gắn chặt với đời sống kinh tế – xã hội, góp phần quảng bá hình ảnh địa phương và thúc đẩy phát triển bền vững. Vì vậy, việc hiểu đúng khái niệm văn hoá và vai trò của sản phẩm văn hoá có ý nghĩa quan trọng đối với mỗi cá nhân và cộng đồng, là cơ sở để xây dựng một quốc gia thịnh vượng nhưng vẫn đậm đà bản sắc.

1.1. Khái niệm văn hoá và sản phẩm văn hoá

a) Khái niệm văn hoá

Theo UNESCO: “Văn hoá là tổng thể sống động các hoạt động và sáng tạo trong quá khứ và trong hiện tại. Qua các thế kỉ, hoạt động sáng tạo ấy đã hình thành nên một hệ thống các giá trị, các truyền thống và thị hiếu – những yếu tố xác định đặc tính riêng của mỗi dân tộc”¹.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá”².

Văn hoá gắn liền với quá trình tồn tại và phát triển của con người và xã hội. Con người thông qua lao động, sáng tạo và sự tương tác với tự nhiên, xã hội cũng như với chính bản thân mình đã hình thành nên những giá trị mang ý nghĩa vật chất và tinh thần, được giữ gìn, kế thừa và phát triển qua nhiều thế hệ, góp phần tạo nên bản sắc riêng của mỗi cộng đồng và dân tộc.

Từ thông tin trên, hãy trả lời câu hỏi:

1. Con người sáng tạo ra các giá trị văn hoá thông qua những hoạt động nào?
2. Qua các quan niệm của UNESCO và Chủ tịch Hồ Chí Minh, văn hoá được hiểu là gì?

Văn hoá là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo và tích lũy trong quá trình lịch sử, được lưu giữ, truyền lại và phát huy trong đời sống xã hội, góp phần hình thành bản sắc của mỗi cộng đồng và dân tộc.

b) Khái niệm sản phẩm văn hoá

Hãy quan sát các hình ảnh sau để trả lời câu hỏi:



Hình 5.1. Kiệu cổ lưu giữ tại đình làng La Xuyên, xã Vũ Dương



Hình 5.2. Hội chợ Viêng

¹ Thập kỉ thế giới phát triển văn hoá, Bộ Văn hoá Thông tin và Thể thao, Hà Nội, 1992, tr.23.

² Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, H., 2011, t.3, tr.458.



Hình 5.3. Khu Tam Cốc



Hình 5.4. Một cảnh quay phim Kong: Skull Island tại Việt Nam

1. Các hình ảnh trên thể hiện những loại sản phẩm văn hoá nào?
2. Theo em, các sản phẩm văn hoá đó có điểm gì chung?

Sản phẩm văn hoá là kết quả của hoạt động sáng tạo của con người, mang giá trị tư tưởng, thẩm mỹ, lịch sử hoặc nhân văn, nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần của cá nhân và cộng đồng. Thông qua các sản phẩm văn hoá, những giá trị văn hoá được lưu giữ, lan toả và phát huy trong đời sống xã hội. Bên cạnh các sản phẩm do con người trực tiếp sáng tạo, các di sản thiên nhiên gắn với lịch sử hình thành, đời sống văn hoá và bản sắc cộng đồng cũng trở thành nguồn tài nguyên văn hoá đặc sắc, góp phần tạo nên các sản phẩm văn hoá – du lịch có giá trị. Nói cách khác, sản phẩm văn hoá không chỉ là một đồ vật hữu hình mà còn là phương tiện truyền tải tư tưởng, lối sống, biểu tượng và các giá trị đạo đức của một xã hội qua các thời kì, được thể hiện thông qua cả thành tựu sáng tạo của con người và không gian di sản thiên nhiên nơi văn hoá được hình thành và phát triển.

Sản phẩm văn hoá là sản phẩm thuộc diện quản lý chuyên ngành văn hoá của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Trích Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 08/2019/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch). Quy định này nhằm xác định phạm vi quản lý nhà nước đối với các sản phẩm văn hoá trong thực tiễn.

Trong đời sống hiện nay, sản phẩm văn hoá rất đa dạng, được chia thành 4 nhóm chính: Sản phẩm văn hoá vật thể, sản phẩm văn hoá phi vật thể, sản phẩm công nghiệp văn hoá, dịch vụ văn hoá.

Trong thực tiễn, các nhóm sản phẩm văn hoá không tồn tại tách biệt mà thường đan xen, bổ trợ cho nhau, cùng tạo nên chuỗi giá trị văn hoá – kinh tế – xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững ở địa phương và trên phạm vi cả nước.

1.2. Vai trò của sản phẩm văn hoá đối với đời sống kinh tế – xã hội

a) Đối với kinh tế

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Thông tin 1:

Tỉnh Ninh Bình hiện có trên 102 500 cơ sở sản xuất nghề và làng nghề. Toàn tỉnh có 171 làng nghề và làng nghề truyền thống được công nhận theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, trong đó gồm 117 làng nghề và 54 làng nghề truyền thống. Bên cạnh đó, tỉnh có 65 Nghề nhân Ưu tú cấp quốc gia và cấp tỉnh, trong đó 13 nghề nhân được phong tặng danh hiệu Nghề nhân Ưu tú cấp quốc gia.

Theo thống kê, lực lượng lao động tại các làng nghề đạt 192 753 người, chiếm khoảng 5 % tổng dân số. Tổng doanh thu hằng năm đạt khoảng 25 393 tỉ đồng, trong đó giá trị xuất khẩu khoảng 1.200 tỉ đồng, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế địa phương và tạo việc làm cho người dân.

Sản phẩm làng nghề khá đa dạng. Hiện có 36 làng nghề tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) với 48 sản phẩm đạt hạng 3 – 4 sao, một số sản phẩm đang được hoàn thiện để hướng tới xếp hạng 5 sao. Nhiều sản phẩm tiêu biểu đã trở thành sản phẩm chủ lực của địa phương, như đồ gỗ mỹ nghệ La Xuyên, thêu Văn Lâm, cói Kim Sơn, bánh đa nem làng Châu, sinh dục Gia Sinh,... góp phần quảng bá hình ảnh và giá trị văn hoá truyền thống của tỉnh.

Thông tin 2:

Anh A là người dân địa phương chuyên sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch. Khi địa phương đẩy mạnh khai thác các giá trị văn hoá truyền thống gắn với phát triển du lịch, các sản phẩm văn hoá do anh A sản xuất được quảng bá rộng rãi, thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước. Nhờ đó, anh A mở rộng quy mô sản xuất, tăng sản lượng tiêu thụ và cải thiện thu nhập. Đồng thời, nhiều lao động tại địa phương cũng có thêm việc làm thông qua các hoạt động sản xuất, dịch vụ và du lịch liên quan.

Từ hai thông tin trên, em hãy cho biết các sản phẩm văn hoá đã tác động như thế nào đến việc làm, thu nhập của người dân địa phương?

Góp phần tạo ra giá trị gia tăng và đóng góp vào GRDP của địa phương thông qua sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hoá như điện ảnh, quảng cáo, du lịch văn hoá, thủ công mỹ nghệ, văn hoá ẩm thực...

Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động địa phương, qua đó góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng bền vững.

Thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, thúc đẩy sự phát triển của các ngành dịch vụ, thương mại và các hoạt động kinh tế liên quan.

Góp phần quảng bá hình ảnh, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm và thương hiệu văn hoá địa phương trong quá trình hội nhập và phát triển.

b) Đối với xã hội

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Thông tin 1:

Tại các xã gần khu du lịch Quần thể danh thắng Tràng An, hằng năm người dân tổ chức lễ hội truyền thống gắn với di sản địa phương. Trước đây, đời sống tinh thần của người dân còn đơn điệu, thanh niên ít quan tâm đến văn hoá truyền thống. Những năm gần đây, địa phương phục dựng lễ hội, tổ chức biểu diễn nghệ thuật dân gian, giới thiệu ẩm thực và các sản phẩm thủ công truyền thống phục vụ du khách. Nhờ đó, người dân có cơ hội giao lưu, gắn kết cộng đồng; thanh thiếu niên hiểu hơn về lịch sử quê hương và tự hào về bản sắc văn hoá. Đồng thời, ý thức giữ gìn môi trường, ứng xử văn minh với du khách được nâng cao, góp phần làm cho đời sống tinh thần của người dân ngày càng phong phú.

Thông tin 2:

Văn hoá – xã hội có nhiều thành tích; các giá trị di sản, văn hoá truyền thống được bảo tồn và phát huy, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ và nâng cao hình ảnh, thương hiệu địa phương, đưa Ninh Bình trở thành điểm đến an toàn, hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước; an sinh xã hội bảo đảm, tỉ lệ hộ nghèo còn dưới 1%; chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục mũi nhọn duy trì kết quả cao, luôn nằm trong tốp đầu toàn quốc; từng bước xây dựng trung tâm y tế chất lượng cao của vùng. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Đối ngoại, hội nhập quốc tế được mở rộng.¹

1. Sản phẩm văn hoá có vai trò như thế nào đối với việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc?
2. Việc tham gia các sản phẩm văn hoá tác động như thế nào đến đời sống tinh thần và ý thức của người dân, đặc biệt là thế hệ trẻ?

Góp phần bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, củng cố sự gắn kết cộng đồng và tăng cường ý thức về giá trị truyền thống.

Nâng cao đời sống tinh thần, trình độ thẩm mỹ và hiểu biết sâu, rộng hơn về lịch sử – văn hoá địa phương cho người dân.

Tác động tích cực đến quá trình hình thành và bồi dưỡng đạo đức, lối sống có văn hoá, ý thức trách nhiệm xã hội của cá nhân, đặc biệt là thế hệ trẻ.

Tạo môi trường giao lưu, hội nhập văn hoá, góp phần mở rộng quan hệ xã hội và nâng cao vị thế của địa phương.

¹ Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

2. Định hướng xây dựng và phát triển sản phẩm văn hoá của tỉnh Ninh Bình

Dựa trên nền tảng kho tàng di sản đồ sộ với hệ thống các giá trị lịch sử – văn hoá phong phú và các danh hiệu quốc tế đã công nhận, tỉnh Ninh Bình đã xác định những bước đi chiến lược mang tính đột phá nhằm nâng tầm giá trị văn hoá địa phương. Định hướng này không chỉ dừng lại ở việc bảo tồn nguyên trạng những giá trị vật thể và phi vật thể, mà còn hướng tới việc “đánh thức” các nguồn lực di sản, chuyển hoá chúng thành những sản phẩm văn hoá có sức sống đương đại. Mục tiêu cốt lõi là biến văn hoá trở thành một nguồn tài sản quý giá, đóng góp trực tiếp vào sự phát triển bền vững và nâng cao vị thế của tỉnh trong bối cảnh hội nhập.

2.1. Mục tiêu phát triển sản phẩm văn hoá của tỉnh Ninh Bình

“Phát huy tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, động lực, tăng tốc bứt phá theo mô hình tăng trưởng mới; phấn đấu đến năm 2030, Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc trung ương, có công nghiệp hiện đại, dịch vụ du lịch chất lượng cao, đô thị xanh gắn với di sản, nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về tốc độ tăng trưởng, thu nhập bình quân đầu người. Xác lập vị thế, vai trò của trung tâm du lịch quốc gia, quốc tế; trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm y tế và chăm sóc sức khỏe; trung tâm công nghiệp công nghệ cao quan trọng của liên vùng và đất nước với trụ cột là cơ khí ô tô, công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử, chế biến, chế tạo, công nghiệp năng lượng, vật liệu xanh. Kết hợp hài hoà giữa bảo tồn di sản văn hoá, bảo vệ môi trường với tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số. Xây dựng tiềm lực quốc phòng địa phương và khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, kinh tế phát triển, xã hội phồn vinh, Nhân dân hạnh phúc, bản sắc văn hoá địa phương được gìn giữ và phát huy”¹.

“... Hỗ trợ chi phí tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, thiết kế sản phẩm làng nghề nhằm đáp ứng thị hiếu và nhu cầu khách du lịch; nâng cao kỹ năng sáng tạo, thiết kế mẫu mã, cải tiến bao bì, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong quảng bá, tiêu thụ sản phẩm làng nghề phục vụ du lịch”².

Từ thông tin trên, hãy trả lời các câu hỏi sau:

1. Ninh Bình định hướng phát triển du lịch gắn với những yếu tố nào?
2. Vì sao tỉnh chú trọng bảo tồn di sản văn hoá và phát triển làng nghề truyền thống?
3. Việc hỗ trợ đào tạo cho nghệ nhân và thợ thủ công có ý nghĩa gì đối với phát triển du lịch?

¹ Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

² Trích Khoản 1, Điều 6, Nghị quyết 44/2025/NQ-HĐND về Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025 – 2030.

Bảo tồn, tôn tạo và giữ gìn, phát huy giá trị các di tích lịch sử – văn hoá và các di sản văn hoá phi vật thể.

Phát triển các sản phẩm du lịch văn hoá theo hướng liên kết không gian di sản, kết nối các điểm đến tiêu biểu trong toàn tỉnh.

Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các làng nghề truyền thống, nâng cao giá trị văn hoá và giá trị kinh tế của sản phẩm làng nghề.

Góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân và quảng bá hình ảnh, vị thế của tỉnh ở trong nước và quốc tế.

2.2. Giải pháp phát triển sản phẩm văn hoá của tỉnh Ninh Bình

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi:

Thông tin 1:

Huy động, tập trung nguồn lực, hoàn thiện hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, ưu tiên các công trình giao thông trọng điểm, các dự án kết nối liên vùng, nhất là hệ thống giao thông kết nối các đô thị Phủ Lý – Hoa Lư – Nam Định, các vùng động lực kinh tế của tỉnh với các tuyến đường quốc gia; quy hoạch, phát triển các đô thị gắn với định hướng phát triển giao thông công cộng (TOD) và các khu vực giáp với ga đường sắt tốc độ cao, khu kinh tế – khu công nghiệp, khu du lịch,...

Thông tin 2:

Phát triển du lịch cùng với công nghiệp văn hoá trở thành cụm ngành kinh tế mũi nhọn; đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực, kinh nghiệm, có khả năng dẫn dắt phát triển. Xây dựng, phát triển sản phẩm dịch vụ chất lượng cao, gia tăng chi tiêu và thời gian lưu trú, đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm văn hoá, di sản, nghỉ dưỡng, thể thao, giải trí, chăm sóc sức khoẻ, mua sắm, ... Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cao năng lực cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường trên quy mô vùng, nhất là giáo dục đại học, y tế, thể thao, công nghiệp văn hoá.

Tỉnh Ninh Bình đang tập trung thực hiện những giải pháp chủ yếu nào để bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá gắn với phát triển kinh tế – du lịch trong giai đoạn hiện nay?

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn, quảng bá và giới thiệu các sản phẩm văn hoá; từng bước số hoá di sản và phát triển các sản phẩm văn hoá trên nền tảng số.

Khuyến khích sáng tạo và phát triển các sản phẩm, quà tặng lưu niệm mang bản sắc địa phương, phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng và du khách.

Tăng cường liên kết giữa lĩnh vực văn hoá và du lịch thông qua việc đầu tư hạ tầng, cải thiện giao thông kết nối các điểm di sản, đẩy mạnh công tác truyền thông và quảng bá.

3. Tìm hiểu và giới thiệu một số sản phẩm văn hoá của tỉnh Ninh Bình

Các sản phẩm văn hoá của tỉnh Ninh Bình hiện nay phản ánh sinh động chiều sâu lịch sử, văn hoá và đời sống tinh thần của vùng đất Cố đô. Từ các di sản văn hoá vật thể, di sản văn hoá phi vật thể đến hệ thống làng nghề truyền thống và những dịch vụ du lịch đặc trưng, mỗi sản phẩm đều mang trong mình dấu ấn của quá trình hình thành và phát triển lâu dài của cộng đồng cư dân địa phương. Những giá trị văn hoá ấy không chỉ được gìn giữ mà còn được khai thác và phát huy phù hợp với nhu cầu của đời sống hiện đại, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần của người dân. Đồng thời, việc phát triển các sản phẩm văn hoá còn tạo ra nguồn lực quan trọng cho kinh tế địa phương, thúc đẩy du lịch, dịch vụ và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế – xã hội bền vững của tỉnh.

Hãy liệt kê các sản phẩm văn hoá của tỉnh Ninh Bình vào bảng dưới đây theo từng loại hình và nêu khái quát lịch sử hình thành, giá trị và ý nghĩa của mỗi sản phẩm.

Sản phẩm văn hoá vật thể	Sản phẩm văn hoá phi vật thể	Sản phẩm công nghiệp văn hoá	Sản phẩm dịch vụ văn hoá
–	–	–	–
–	–	–	–
–	–	–	–
– ...	– ...	– ...	– ...

Sản phẩm văn hoá vật thể: di tích lịch sử – kiến trúc, công trình tôn giáo, làng nghề truyền thống, ẩm thực đặc sản; danh thắng thiên nhiên; hiện vật lịch sử,... Gắn với tiến trình hình thành và phát triển của quốc gia và địa phương như: quần thể danh thắng Tràng An, Cố đô Hoa Lư, nhà thờ đá Phát Diệm; khu di tích Đền Trần, chùa Keo Hành Thiện; chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc, núi Long Đọi Sơn; Làng đá mỹ nghệ Ninh Vân, làng cói Kim Sơn, thủ công mỹ nghệ, làng thêu Văn Lâm, làng chạm khắc gỗ La Xuyên, làng đúc đồng Tống Xá, làng sơn mài Cát Đằng, làng trồng Đọi Tam, làng lụa Nha Xá, làng mây tre đan Ngọc Động; Dê núi, cơm cháy Ninh Bình, gỏi cá nhệch Kim Sơn, nem Yên Mạc, phở bò Nam Định, bánh Xứ Páo Nam Định, bánh nhãn Hải Hậu, cá kho làng Vũ Đại, bánh cuốn Phủ Lý, cây cảnh Vị Khê,...

Sản phẩm văn hoá phi vật thể: là các giá trị văn hoá được bảo tồn và truyền nói chủ yếu bằng trí nhớ cộng đồng, tập quán xã hội, tín ngưỡng cùng các hình thức sinh hoạt truyền thống như lễ hội, dân ca, diễn xướng dân gian và tri thức bản địa như: lễ hội Tràng An, lễ hội Đền Vua Đinh, Vua Lê, lễ hội Đền Trần và lễ khai ấn, tín ngưỡng thờ Mẫu và tục kéo chữ tại Phủ Dầy, hát văn, hát chèo, hát xẩm, lễ hội Tịch Điền, Chợ Viềng, lễ hội hoa cây cảnh Vị Khê,...

Sản phẩm công nghiệp văn hoá: là những sản phẩm sáng tạo dựa trên nguồn cảm hứng văn hoá, được sản xuất và khai thác theo hướng thương mại nhằm phục vụ nhu cầu xã hội. Các sản phẩm này bao gồm phim ảnh, âm nhạc, thiết kế đồ hoạ, thời trang, nhãn hiệu và các sản phẩm nội dung số như phần mềm, quảng cáo, trò chơi điện tử.

Tại tỉnh Ninh Bình, công nghiệp văn hoá được thể hiện qua nhiều lĩnh vực tiêu biểu. Trong lĩnh vực điện ảnh, nhiều bộ phim và chương trình truyền hình được quay tại các danh thắng như Tràng An, Tam Cốc, Vân Long, tiêu biểu như *Kong: Skull Island*, *Tám Cám: Chuyện chưa kể*, *Người phán xử*, *Hương vị tình thân*, góp phần quảng bá hình ảnh du lịch của địa phương. Bên cạnh đó, lĩnh vực âm nhạc và nghệ thuật biểu diễn cũng phát triển với nhiều MV ca nhạc ghi hình tại Tràng An, Hang Múa, Tam Cốc, tiêu biểu như *Lạc trôi*, cùng các chương trình nghệ thuật và festival du lịch thu hút đông đảo du khách.

Bên cạnh đó, du lịch văn hoá cũng tạo ra nhiều sản phẩm trải nghiệm đặc trưng như tham quan Quần thể danh thắng Tràng An, di tích Cố đô Hoa Lư, làng nghề thêu Văn Lâm; thưởng thức nghệ thuật chèo, hát xẩm; tham gia các tour hành hương tại Khu di tích Đền Trần, du lịch tín ngưỡng tại Phủ Dầy gắn với hát văn lễ hội, du lịch tâm linh tại chùa Tam Chúc và trải nghiệm lễ hội Tịch Điền.

Dịch vụ văn hoá: bao gồm các hoạt động như du lịch văn hoá, du lịch di sản và trải nghiệm văn hoá địa phương, nhằm khai thác và phát huy giá trị di sản thông qua các loại hình du lịch văn hoá, tâm linh và du lịch trải nghiệm. Nhiều tuyến du lịch liên kết vùng đã được hình thành, tiêu biểu như tuyến Tràng An – Bái Đính – Tam Chúc – Đền Trần – Phủ Dầy, góp phần kết nối không gian văn hoá và nâng cao sức hấp dẫn du lịch của tỉnh.

Các sản phẩm văn hoá tiêu biểu nêu trên không chỉ mang giá trị di sản mà còn tạo động lực trực tiếp cho phát triển kinh tế địa phương thông qua cơ chế chuyển hoá tài nguyên văn hoá thành nguồn lực thị trường. Trước hết, quần thể Tràng An cùng di tích Cố đô Hoa Lư hình thành trục du lịch di sản có sức hút quốc tế, tạo nguồn thu lớn từ dịch vụ lưu trú, vận chuyển, ẩm thực và việc làm cho cộng đồng dân cư. Các trung tâm tín ngưỡng như Phủ Dầy hay quần thể chùa Tam Chúc thúc đẩy mạnh mẽ ngành du lịch tâm linh – một lĩnh vực kinh tế văn hoá có tốc độ tăng trưởng cao, kéo theo phát triển thương mại, thủ công mỹ nghệ và dịch vụ địa phương. Những làng nghề truyền thống như Làng nghề thêu ren Văn Lâm và Làng nghề đúc đồng Tống Xá góp phần duy trì sinh kế bền vững, gia tăng giá trị sản phẩm thông qua du lịch trải nghiệm và xuất khẩu hàng thủ công. Bên cạnh đó, các sinh hoạt văn hoá cộng đồng như Chợ Viềng hay sản phẩm nghề truyền thống như Trống Đọi Tam tạo nên mạng lưới giao thương mùa vụ và thương hiệu vùng miền, giúp mở rộng thị trường tiêu thụ. Tổng thể, hệ thống sản phẩm văn hoá này đã hình thành mô hình kinh tế dựa trên di sản, trong đó giá trị tinh thần, tri thức dân gian và bản sắc truyền thống được chuyển hoá thành lợi thế cạnh tranh, vừa bảo tồn văn hoá vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững.

4. Trách nhiệm của học sinh trong bảo tồn và phát triển sản phẩm văn hoá địa phương

Quan sát hình ảnh:



Hình 5.5. Học sinh trường THPT chuyên Lê Hồng Phong tham quan, học tập tại khu di tích Đền Trần



Hình 5.6. Học sinh trường THPT Hoa Lư A phỏng vấn du khách tại khu di tích Đền vua Đinh, vua Lê

Trường hợp:

Trong lúc tham quan, một số du khách vô ý vứt rác xuống khu vực bến thuyền Tràng An và có người còn cố gắng khắc tên lên lan can gỗ để lưu niệm. Một vài bạn học sinh trong lớp cũng định chụp ảnh rồi bỏ qua vì nghĩ “không phải việc của mình”. Bạn M – một học sinh trong lớp – đã nhẹ nhàng nhắc du khách không xả rác và giải thích đây là di sản cần được bảo vệ, rồi cùng các bạn thu gom rác bỏ đúng nơi quy định.

Qua việc quan sát hình ảnh và đọc trường hợp ở trên, em hãy cho biết học sinh cần làm gì để góp phần bảo tồn và phát huy giá trị các sản phẩm văn hoá địa phương?

Chủ động tìm hiểu và trân trọng các giá trị văn hoá của địa phương, thông qua học tập, đọc sách, tham quan thực tế và tìm hiểu lịch sử – văn hoá của tỉnh Ninh Bình, từ đó hình thành ý thức tự hào và trách nhiệm gìn giữ di sản.

Tham gia các hoạt động trải nghiệm tại di tích, lễ hội, làng nghề truyền thống với thái độ nghiêm túc, văn minh; qua đó hiểu rõ hơn giá trị của các sản phẩm văn hoá và vai trò của chúng trong đời sống cộng đồng.

Có ý thức giữ gìn môi trường và cảnh quan tại các di tích, điểm du lịch và không gian văn hoá, chấp hành các quy định, ứng xử văn minh, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị lâu dài của các sản phẩm văn hoá.

Tích cực học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ, giao tiếp lịch sự, thân thiện với người nước ngoài nhưng vẫn thể hiện được lòng tự tôn dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước và bản sắc riêng của cộng đồng mình.

Tuyên truyền, giới thiệu các sản phẩm văn hoá địa phương bằng những hình thức phù hợp với lứa tuổi như viết bài, làm video, thuyết trình, chia sẻ trên các nền tảng truyền thông, góp phần lan toả hình ảnh đẹp của quê hương.

Phê phán những hành vi chèo kéo khách, thiếu văn minh – thiếu lịch sự tại các điểm du lịch. Đồng thời lên án, tố cáo những hành vi xâm phạm làm tổn hại, biến dạng giá trị di sản văn hoá địa phương, văn hoá dân tộc.

C. LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với các quan điểm sau? Vì sao?
 - a) Văn hoá là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra.
 - b) Lễ hội Đền Vua Đinh – Vua Lê, lễ hội Đền Trần và lễ hội Khai ấn Đền Trần là văn hoá vật thể.
 - c) Cố đô Hoa Lư, nhà thờ đá Phát Diệm, khu di tích Đền Trần, chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc là sản phẩm văn hoá phi vật thể.
 - d) Điện ảnh thương mại với các bộ phim quay tại Ninh Bình như *Kong: Skull Island* (Tràng An, Tam Cốc, Vân Long) là sản phẩm du lịch văn hoá.
 - e) Việc bảo tồn và phát triển các sản phẩm văn hoá của địa phương là trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ, những người làm du lịch địa phương.
2. Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi:

Năm 2025, ngành du lịch tỉnh Ninh Bình tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm du lịch quan trọng của khu vực và cả nước. Với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh uỷ, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng sự tham gia tích cực của các ngành, các địa phương, doanh nghiệp và cộng đồng, du lịch Ninh Bình đã đạt nhiều kết quả nổi bật, tạo nền tảng cho giai đoạn phát triển mới theo hướng liên kết liên vùng, liên tỉnh và hội nhập quốc gia, quốc tế.

Lượng khách tăng mạnh, doanh thu bứt phá: Trong năm 2025, Ninh Bình đón 18,0 triệu lượt khách du lịch, tổng doanh thu đạt 18,0 nghìn tỉ đồng.

Chuỗi sự kiện và hoạt động quảng bá đặc sắc: Nhiều sự kiện quy mô lớn được tổ chức, tiêu biểu như Tuần Du lịch Ninh Bình 2025 – “Sắc vàng Tam Cốc – Tràng An”, Lễ hội Âm nhạc và Sáng tạo Tràng An (FORESTIVAL), Hội thảo “Đưa công nghiệp văn hoá thành đòn bẩy để du lịch cất cánh”,... Bên cạnh đó, các chương trình hợp tác quảng bá và liên kết phát triển du lịch giữa Ninh Bình với các địa phương trong khu vực cũng được đẩy mạnh.

Tăng cường liên kết vùng, mở rộng không gian phát triển du lịch: Việc mở rộng liên kết giữa các địa phương tạo điều kiện hình thành các tuyến du lịch kết nối nhiều di sản và điểm đến nổi bật như Quần thể danh thắng Tràng An, chùa Bái Đính, chùa Tam Chúc, đền Trần – Phủ Dầy – nhà thờ Bùi Chu, góp phần hình thành “vành đai di sản, văn hoá và tâm linh” đặc sắc của khu vực.

Tỉnh tiếp tục triển khai nhiều giải pháp nhằm đa dạng hoá sản phẩm du lịch, phát huy lợi thế đặc trưng của từng địa phương, đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển du lịch xanh, thông minh, sáng tạo, hướng tới mục tiêu trở thành trung tâm du lịch tầm quốc gia và điểm đến di sản đặc sắc của châu Á.

- a) Trong thông tin trên có đề cập đến những sản phẩm văn hoá nào?

- b) Năm 2025, ngành du lịch Ninh Bình đã đạt được những kết quả nổi bật gì?
- c) Việc liên kết phát triển du lịch liên vùng có ý nghĩa như thế nào đối với việc bảo tồn và phát huy các sản phẩm văn hoá?

D. VẬN DỤNG

1. Nhiệm vụ của học sinh:

Em hãy cùng các bạn trong nhóm đề xuất ý tưởng và sáng tạo các sản phẩm văn hoá bằng nhiều hình thức khác nhau, nhằm góp phần giữ gìn, quảng bá và phát triển văn hoá địa phương em và của tỉnh.

2. Gợi ý tổ chức hoạt động thực hành, vận dụng:

a) Gợi ý 1: Học sinh các nhóm có thể lựa chọn một trong các hình thức sau:

- Tạo mô hình di tích văn hoá.
- Làm sản phẩm thủ công, món ăn truyền thống gắn với đặc trưng địa phương.
- Kể câu chuyện văn hoá địa phương bằng sản phẩm số: đoạn phim (video), đồ họa thông tin (infographic), bản tin âm thanh (podcast),...
- Sáng tác bài thơ, bài hát hoặc đoạn phim giới thiệu văn hoá địa phương.
- Trình bày (đọc thơ, hát) tác phẩm thể hiện bản sắc văn hoá địa phương.
- Xây dựng kế hoạch cho một chuyến tham quan du lịch văn hoá dành cho học sinh.
- Thiết kế sổ tay hoặc bản đồ du lịch của tỉnh Ninh Bình.
- Tái hiện không gian làng nghề truyền thống.
- Giao lưu với nghệ nhân hoặc người làm du lịch.

b) Gợi ý 2: Thực hiện theo nhóm

*** Nhóm 1: thiết kế ý tưởng sản phẩm**

Nhiệm vụ: Lựa chọn một nguồn tài nguyên/sản phẩm văn hoá tiêu biểu của tỉnh Ninh Bình và xây dựng ý tưởng sản phẩm công nghiệp văn hoá nhằm góp phần phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

Yêu cầu cụ thể:

- Xác định rõ nguồn văn hoá được lựa chọn (di sản, lễ hội, làng nghề, danh thắng, nghệ thuật dân gian, sản phẩm,...).
- Đặt tên cho sản phẩm.
- Mô tả nội dung và hình thức sản phẩm (hàng lưu niệm, chuyến tham quan trải nghiệm, chương trình biểu diễn, sản phẩm số,...).
- Xác định đối tượng khách hàng mục tiêu.
- Trình bày cách tổ chức thực hiện (sản xuất, quảng bá, tiêu thụ).

- Phân tích tác động dự kiến đến việc làm, thu nhập và quảng bá hình ảnh địa phương.

Hình thức trình bày: áp phích (poster)/ sơ đồ tư duy/ trang trình chiếu (slide)

Thời gian trình bày: 3 – 5 phút.

*** Nhóm 2: đóng vai “Hội đồng thẩm định”**

- Hội đồng đặt câu hỏi phản biện:

c) Gợi ý 3: Ghi lại hình ảnh hoặc mô tả (nếu không dùng thiết bị có ghi hình) về một sản phẩm văn hoá mà các em gặp trong đời sống hằng ngày.

- Sản phẩm đó thuộc loại hình văn hoá nào?
- Vì sao sản phẩm này cần được bảo tồn?
- Em có thể làm gì để giữ gìn?

e) Gợi ý 4: Khám phá theo nhóm nhỏ 3 – 4 học sinh

- Chọn một sản phẩm văn hoá của Ninh Bình.
- Tìm một câu chuyện gắn với sản phẩm (người làm nghề, truyền thuyết, sự kiện,...).

Chủ đề 6

THỂ THAO NINH BÌNH – SỨC MẠNH TRUYỀN THỐNG VÀ HỘI NHẬP

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết những nét đặc trưng cơ bản về môn thể thao dân tộc và thành tích cao tỉnh Ninh Bình.
- Nêu được những thuận lợi, khó khăn trong việc giữ gìn, phát huy các môn thể thao dân tộc và thành tích cao tỉnh Ninh Bình.
- Hiểu và chỉ ra được những nét đặc trưng tiêu biểu về môn thể thao truyền thống và thành tích cao; truyền thống thượng võ, tinh thần đoàn kết của nhân dân Ninh Bình thể hiện qua các môn thể thao truyền thống và tinh thần thi đấu trong các môn thể thao thành tích cao.
- Thể hiện thái độ trân trọng, yêu mến, tự hào về môn thể thao truyền thống và thành tích cao tỉnh Ninh Bình; tự hào về truyền thống thượng võ, tinh thần đoàn kết của nhân dân.
- Nêu được vai trò của cá nhân trong giữ gìn truyền thống văn hoá, xây dựng đời sống lành mạnh, nâng cao thể chất góp phần xây dựng quê hương giàu mạnh.

A. MỞ ĐẦU

Quan sát hình 6.1, 6.2, 6.3:



Hình 6.1.



Hình 6.2.



Hình 6.3.

Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về các môn thể thao được thể hiện trong Hình 6.1, 6.2 và 6.3.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Môn Đánh Mảng

1.1. Khái quát về môn Đánh Mảng

Đánh Mảng (hay còn gọi là ném mảng) không chỉ là một trò chơi dân gian đơn thuần, mà còn là một “di sản” tinh thần, thể hiện sự khéo léo và tính cộng đồng

đặc sắc của người Mường. Môn Đánh Măng thường được tổ chức vào các dịp lễ hội quan trọng như Lễ hội Khai hạ, Tết Nguyên đán, các ngày vui của bản mường.

Đây là dịp để dân bản giao lưu, thắt chặt tình đoàn kết, rèn luyện sự tập trung cao độ, đôi mắt tinh tường và đôi tay khéo léo. Ngoài ra theo quan niệm của người Mường chơi môn Đánh Măng giúp xua đuổi điều rủi, cầu mong một năm mới may mắn, mùa màng bội thu.

Dụng cụ của môn này khá đơn giản, gần gũi với thiên nhiên:

Hạt Măng: Là hạt của cây măng (một loại cây leo trong rừng sâu). Hạt có hình tròn dẹt, vỏ cứng, màu nâu đậm hoặc đen bóng, to bằng lòng bàn tay trẻ em.



Hình 6.4. Hạt Măng (Dụng cụ để tập luyện, thi đấu môn Đánh Măng)

Sân chơi: Thường là một bãi đất trống phẳng hoặc sàn nhà rộng. Người ta kẻ các vạch đích và vạch xuất phát cách nhau khoảng 5m – 10m tùy vào độ tuổi người chơi.

Em có biết?

Người Mường ở tỉnh Ninh Bình tập trung sinh sống chủ yếu tại các xã miền núi như: Thạch Bình (xã có đồng người Mường nhất), Cúc Phương, Phú Long, Yên Quang, Quảng Lạc (nay là phường Yên Sơn), Kỳ Phú, Phú Lộc, Phúc Sơn, Thanh Sơn, Gia Sơn, Gia Lâm.

1.2. Những nét đặc trưng của môn Đánh Măng

Ngày nay, Đánh Măng không chỉ bó hẹp trong các bản làng mà đã trở thành một môn thi đấu thể thao dân gian chính thức trong các vận hội văn hoá – thể thao các dân tộc, góp phần bảo tồn bản sắc văn hoá Mường trước nhịp sống hiện đại. Người chơi giỏi không chỉ cần sức mạnh mà phải biết tính toán lực quán tính, độ xoáy và góc tiếp xúc của hạt măng để đạt độ chính xác cao nhất.



Hình 6.5. Vận động viên thi đấu môn Đánh Măng

Đánh Măng của người Mường có thể chơi theo cá nhân hoặc tập thể và được chia thành các “nấc” (hay còn gọi là các “bước”, các “đời”) với độ khó tăng dần. Mỗi nấc yêu cầu người chơi phải sử dụng một bộ phận cơ thể hoặc tư thế khác nhau để đưa hạt măng đi trúng đích. Thông thường, một ván măng có từ 5 đến 9 nấc cơ bản (tùy theo vùng miền) gồm các nấc: Ném, bước bàn, bắn trên, bắn dưới, nhảy lò cò, cha bù bín (để trên mu bàn chân đá), chín tay (bắn bằng ngón tay), nảy chò (dùng chân đá),...

Em có biết?

Một số quy tắc “thép” khi thi đấu

- Luật “Ăn”: Nếu đánh trúng mục tiêu ở nấc 1, người chơi được tiếp tục thực hiện nấc 2. Nếu trượt, phải nhường lượt cho đối thủ.
- Luật “Cứu”: Trong đồng đội, nếu đồng đội đánh trượt, người còn lại có thể đánh thay để “cứu” lượt cho cả đội.
- Vạch giới hạn: Khi thực hiện động tác (trừ nấc nhảy), nếu chân dẫm quá vạch quy định trước khi mảng rời tay/ chân thì kết quả không được tính.

1.3. Duy trì và phát triển môn Đánh Mảng

a) Duy trì và phục dựng trong cộng đồng



Hình 6.6. Một buổi sinh hoạt câu lạc bộ Đánh Mảng của người Mường



Hình 6.7. Một buổi sinh hoạt câu lạc bộ Đánh Mảng của người Mường

– Thành lập các câu lạc bộ Đánh Mảng: Khuyến khích mỗi bản, làng người Mường thành lập một câu lạc bộ riêng để các nghệ nhân và người cao tuổi truyền dạy kỹ thuật (cách cầm mảng, cách ngắm, các bài đánh) cho thế hệ trẻ. Ngoài ra nhân rộng mô hình ra các làng xã khác.

– Tổ chức giải đấu định kì: Đưa Đánh Mảng trở thành nội dung thi đấu chính trong các dịp Lễ hội Khai hạ, Tết Độc lập hay ngày hội Văn hoá – Thể thao các dân tộc.

– Số hoá tư liệu: Quay video, chụp ảnh và biên soạn tài liệu về luật chơi, cách chế tác hạt mảng (từ hạt của cây mảng rừng) để lưu trữ bền vững.

b) Đưa môn Đánh Mảng vào giáo dục học đường

– Hoạt động ngoại khoá: Tổ chức các buổi trải nghiệm trò chơi dân gian ngay tại sân trường. Việc này giúp học sinh vừa rèn luyện thể chất, vừa bồi đắp lòng tự hào dân tộc.

– Thiết kế bộ dụng cụ chuẩn: Cải tiến hạt mảng từ gỗ hoặc vật liệu bền để học sinh dễ dàng luyện tập mà không phụ thuộc hoàn toàn vào hạt cây tự nhiên vốn đang dần khan hiếm.



Hình 6.8. Học sinh sinh hoạt câu lạc bộ Đánh Mảng

c) Gắn liền với phát triển du lịch

– Trải nghiệm du lịch cộng đồng: Tại các bản du lịch, hướng dẫn viên có thể tổ chức cho du khách cùng tham gia chơi Đánh Măng.

– Quà lưu niệm: Chế tác những bộ hạt măng được trang trí tinh xảo, có hộp đựng đẹp mắt để bán cho du khách làm quà tặng, giúp quảng bá hình ảnh môn Đánh Măng đi xa hơn.

d) Đẩy mạnh tuyên truyền và truyền thông

– Sáng tạo nội dung trên mạng xã hội: Quay các đoạn phim ngắn (TikTok, Reels) về những cú đánh măng “thần sầu” hoặc những khoảnh khắc vui vẻ khi chơi để thu hút sự chú ý của giới trẻ.

– Vinh danh nghệ nhân: Có chính sách đãi ngộ, khen thưởng cho những người có công gìn giữ và truyền dạy môn Đánh Măng tại địa phương.

Dựa vào thông tin mục 1.2, hãy nêu một số biện pháp duy trì và phát triển môn Đánh Măng.

2. Môn Điền kinh

2.1. Quá trình hình thành và phát triển

Ninh Bình là một trong số những địa phương có phong trào luyện tập môn Điền kinh phát triển mạnh mẽ và được giới chuyên môn đánh giá cao về chất lượng chuyên môn. Phong trào tập luyện môn Điền kinh phát triển rộng rãi từ nông thôn đến thành thị với nhiều đối tượng và lứa tuổi tham gia tập luyện. Đặc biệt ngành văn hoá, thể thao; ngành giáo dục và đào tạo thường xuyên tổ chức các giải thi đấu như: Đại hội Thể dục thể thao, thi học sinh giỏi các môn thể thao hằng năm; từ đó phát hiện và tạo nguồn các vận động viên tài năng cho đội tuyển môn Điền kinh của tỉnh.

Đội tuyển môn Điền kinh tỉnh Ninh Bình là một trong những đội tuyển thành lập tương đối sớm nhằm mục đích tập luyện và thi đấu thành tích cao. Những ngày đầu mới thành lập đội tuyển, với điều kiện tập luyện còn thiếu thốn, kinh phí eo hẹp, sân bãi tập luyện còn hạn chế chưa bảo đảm an toàn khi tập luyện. Năm 2026, đội tuyển môn Điền kinh đang có 15 huấn luyện viên, duy trì từ 60 đến 65 vận động viên, địa điểm tập luyện tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh Ninh Bình.

2.2. Thuận lợi và khó khăn của môn Điền kinh

a) Thuận lợi

– Đa số các nhà trường và địa phương đều xây dựng, duy trì hoạt động các câu lạc bộ, đội nhóm tập luyện môn Điền kinh để rèn luyện sức khoẻ, thi đấu. Do đó

công tác xã hội hoá việc tổ chức tập luyện và thi đấu ngày càng có nhiều cá nhân, tổ chức tham gia.



Hình 6.9. Vận động viên môn Điền kinh tỉnh Ninh Bình tham gia giải Điền kinh các nhóm lứa tuổi Quốc gia năm 2022



Hình 6.10. Vận động viên Đinh Thị Hiền thi đấu nội dung Đẩy tạ, tại giải Vô địch Điền kinh trẻ Quốc gia

– Hằng năm, Sở Văn hoá, Thể thao; Sở Giáo dục và Đào tạo đều tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao cho nhân dân, học sinh trong đó môn Điền kinh là môn thi đấu quan trọng. Đây cũng là nơi phát hiện những nhân tố ở các địa phương tạo nguồn cho đội tuyển môn Điền kinh của tỉnh.

– Với những thành tích ấn tượng đã đạt được trong nhiều năm qua, đội tuyển môn Điền kinh tỉnh Ninh Bình luôn nhận được sự quan tâm của các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh đối với công tác đào tạo và thi đấu. Đội ngũ huấn luyện viên nhiệt tình, trách nhiệm, có chuyên môn cao. Môi trường tập luyện ngày càng chuyên nghiệp, khoa học và an toàn. Các vận động viên được sinh hoạt, học tập, tập luyện tập trung tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh với môi trường khép kín giúp cho vận động viên có thời gian nỗ lực tập luyện, thi đấu đạt thành tích cao. Đối với các vận động viên có tiềm năng sẽ được gửi đào tạo tại các trung tâm lớn trên toàn quốc.

b) Khó khăn

– Công tác đào tạo nguồn vận động viên ở tuyến cơ sở còn hạn chế do ít gia đình có mong muốn cho con em theo học và tập luyện môn Điền kinh. Mặt khác, một số vận động viên vừa theo học văn hoá, vừa luyện tập với cường độ cao gây nên trạng thái cơ thể mệt mỏi, dễ dẫn đến chấn thương.

– Cơ sở vật chất cho quá trình tập luyện và thi đấu đã được đầu tư nhưng một số dụng cụ, trang thiết bị còn thiếu hoặc lạc hậu dẫn tới hiệu quả quá trình tập luyện chưa cao.

Dựa vào thông tin mục 2.2, hãy nêu những thuận lợi và khó khăn trong quá trình phát triển môn Điền kinh của tỉnh Ninh Bình.

2.3. Một số thành tích nổi bật của môn Điền kinh

– Trong quá trình hình thành và phát triển, đội tuyển môn Điền kinh là một trong số đội tuyển có đóng góp số lượng lớn huy chương cho ngành thể thao tỉnh Ninh Bình. Nhiều vận động viên tham gia đội tuyển Điền kinh Quốc gia và có những thành tích nổi bật.

– Trong các kì Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc; Điền kinh tỉnh Ninh Bình luôn đạt thành tích cao, xếp trong top 3 các đoàn tham dự.

– Các gương mặt xuất sắc nổi bật của Điền kinh Ninh Bình trong những năm qua tiêu biểu như huấn luyện viên Vũ Ngọc Lợi, vận động viên – huấn luyện viên Nguyễn Văn Thuyết, vận động viên Dương Văn Thái, Vũ Thị Ngọc Hà, Trần Đình Cương, Đỗ Thị Bích, Bùi Thị Ngân. Đặc biệt xuất sắc là vận động viên Nguyễn Thị Huyền dành Huy chương Vàng châu Á, 13 Huy chương Vàng trong các kì Seagames, là vận động viên Điền kinh Việt Nam đầu tiên đạt chuẩn Olympic nội dung chạy 400 m và 400 m vượt rào.



Hình 6.11. Vận động viên Nguyễn Khánh Linh đoạt Huy chương Vàng Huy chương Vàng điền kinh giải U18 châu Á năm 2022



Hình 6.12. Vận động viên Nguyễn Thị Huyền cô gái vàng của thể thao Việt Nam

2.4. Duy trì và phát triển môn Điền kinh

– Tăng cường tổ chức các hoạt động tuyên truyền với nhiều hình thức như: phát thanh, truyền hình, báo viết, báo điện tử,... về công tác tuyển chọn, tập luyện, thi đấu, các thành tích đạt được của đội tuyển môn Điền kinh tỉnh Ninh Bình ở các giải trong nước cũng như quốc tế.

– Nâng cao chất lượng dạy và học môn Giáo dục thể chất ở các nhà trường trong đó có môn Điền kinh bằng cách duy trì tốt hoạt động dạy học và các câu lạc bộ.



Hình 6.13. Vận động viên môn Điền kinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng Toàn quốc năm 2024

– Tổ chức nhiều giải thi đấu môn Điền kinh dành cho lứa tuổi thanh thiếu niên, nhi đồng nhằm phát hiện, tuyển chọn các em có tố chất và yêu thích môn Điền kinh vào đội tuyển của tỉnh

– Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn và dạy kỹ năng môn Điền kinh cho đội ngũ cán bộ chuyên trách ở cơ sở, đặc biệt trong công tác tuyển chọn và huấn luyện.

– Đưa các nội dung thi đấu của môn Điền kinh vào các lễ hội truyền thống, các tiêu chí về xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở nhằm phát triển thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

3. Môn Bóng đá nữ

3.1. Quá trình hình thành và phát triển

a) Giai đoạn hình thành và những gian khó ban đầu

Năm 1998, sau khi được điều động về công tác tại Sở Thể dục thể thao (nay là Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Ninh Bình), thầy giáo Phạm Hải Anh nhận thấy địa phương có tiềm năng lớn về bóng đá nữ. Thầy đã chủ động lập tờ trình xin mở các câu lạc bộ bóng đá nữ tại các tuyến cơ sở. Chỉ trong một thời gian ngắn, cả các huyện và thành phố trong tỉnh đã thành lập được các câu lạc bộ, thu hút gần 200 em tham gia với lịch tập luyện đều đặn 3 buổi/ tuần.

Ngày 01/9/1999, Đội bóng đá nữ Ninh Bình chính thức được thành lập với 15 cầu thủ đầu tiên, do huấn luyện viên Phạm Hải Anh làm huấn luyện viên trưởng. Trong 10 năm đầu tiên (1999 – 2009), đội bóng sinh hoạt và tập luyện tại địa phương trong điều kiện hết sức thiếu thốn: thầy trò phải ở nhà cấp bốn cũ, tận dụng bãi đất trống, ruộng sau vụ gặt làm sân tập và tự lo liệu mọi sinh hoạt. Dụng cụ tập luyện cũng rất sơ sài khi cả đội chỉ dùng chung một bộ tạ đòn 20kg.

Vượt qua những khó khăn đó, tháng 10/2001, Đội tuyển bóng đá nữ Ninh Bình lần đầu tiên tham gia giải đấu lớn – Giải Than quốc tế Việt Nam mở rộng và xuất sắc giành được Huy chương Bạc.

b) Công tác đào tạo và định hướng phát triển hiện nay

Hiện nay, bóng đá nữ Ninh Bình đã phát triển chuyên nghiệp với hệ thống đào tạo 3 lứa cầu thủ kế cận: Năng khiếu (U13 đến U16), U19 và đội Một¹.

Chiến lược xuyên suốt của bóng đá nữ Ninh Bình là đưa các danh thủ về lại lò đào tạo để trực tiếp huấn luyện. Nhiều thế hệ cầu thủ



Hình 6.14. Các vận động viên Bóng đá nữ tập luyện

¹ Đội Một: Đội thi đấu ở giải vô địch quốc gia.

vang danh một thời như: Văn Thị Thanh (trước khi công tác tại Liên đoàn Bóng đá Việt Nam), Nguyễn Thị Khánh Thu, Trần Lệ Thủy, Nguyễn Thị Tuyết Dung,... hiện đang đảm nhiệm vai trò huấn luyện viên và trợ lý huấn luyện viên cho Câu lạc bộ

Hằng năm, Ninh Bình đóng góp hàng chục tuyển thủ cho đội tuyển U19 và đội tuyển bóng đá nữ quốc gia. Nhờ sự quan tâm của tỉnh, cơ sở vật chất và chế độ đãi ngộ cho vận động viên ngày càng được cải thiện. Phạm vi tuyển chọn cũng được mở rộng, thu hút nhiều tài năng trẻ từ các tỉnh bạn như Nghệ An, Thanh Hoá, Sơn La,... về đầu quân.

Dựa vào thông tin mục 3.1, hãy nêu quá trình hình thành và phát triển môn Bóng đá nữ ở Ninh Bình.

3.2. Thuận lợi và khó khăn của môn Bóng đá nữ

a) Thuận lợi

Đa số các địa phương và nhà trường trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đều xây dựng, duy trì hoạt động của các câu lạc bộ, đội nhóm tập luyện môn bóng đá đặc biệt là bóng đá nữ. Điều này không chỉ giúp rèn luyện sức khoẻ mà còn đẩy mạnh công tác xã hội hoá, thu hút nhiều cá nhân và tổ chức tham gia tài trợ, tổ chức thi đấu.

Hằng năm, Sở Văn hoá, Thể thao phối hợp cùng Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình tổ chức các giải thi đấu thể dục thể thao quần chúng và học sinh. Trong đó, bóng đá nữ là môn thi đấu nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình, đặc biệt là lứa tuổi Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Đây chính là môi trường quan trọng để phát hiện các nhân tố tiềm năng, tạo nguồn vận động viên kế cận cho đội tuyển của tỉnh.

Với những thành tích ấn tượng đạt được trong nhiều năm qua, đội tuyển bóng đá nữ tỉnh Ninh Bình luôn nhận được sự quan tâm sâu sát của các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh.

Đội ngũ huấn luyện viên của tỉnh có chuyên môn cao, nhiệt tình và trách nhiệm. Hiện nay, các vận động viên được sinh hoạt, học tập và tập luyện tập trung tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh Ninh Bình. Môi trường đào tạo khép kín, chuyên nghiệp và khoa học giúp các cầu thủ có điều kiện tốt nhất để nỗ lực tập luyện và thi đấu đạt thành tích cao.



Hình 6.15. Nữ cầu thủ Văn Thị Thanh (trái) ở Giải Vô địch quốc gia năm 2011

Các nữ cầu thủ thường xuyên được cử đi tập huấn tại các trung tâm huấn luyện quốc gia và tham gia thi đấu tại các giải đấu lớn trong nước và quốc tế.

b) Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi, bộ môn bóng đá nữ tại tỉnh Ninh Bình vẫn còn đối mặt với một số thách thức:

– Dù đã có sân tập riêng, tuy nhiên đội bóng vẫn phải tập luyện chung sân với một số bộ môn khác như Điền kinh, Đua thuyền,... điều này gây ra những hạn chế nhất định về thời gian và không gian chuyên biệt.

– Trang thiết bị phục vụ tập luyện, thi đấu và việc tu sửa sân bãi vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nguồn kinh phí từ các nhà tài trợ.

– Công tác đào tạo nguồn ở tuyến cơ sở gặp khó khăn do một bộ phận gia đình vẫn còn định kiến, chưa ủng hộ con em mình theo đuổi sự nghiệp bóng đá nữ chuyên nghiệp.

Dựa vào thông tin mục 3.2, hãy nêu những thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển bóng đá nữ tại tỉnh Ninh Bình.

3.3. Một số thành tích nổi bật của đội tuyển môn Bóng đá nữ

a) Thành tích tập thể

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, bóng đá nữ tỉnh Ninh Bình đã khẳng định được vị thế của mình trên bản đồ thể thao cả nước với những bằng chứng thành tích ấn tượng. Đội bóng đã có 3 lần giành ngôi Á quân Giải Bóng đá Vô địch quốc gia Việt Nam và 3 lần đăng quang ngôi vô địch tại Giải U19 quốc gia. Nhiều vận động viên của tỉnh đã được triệu tập vào đội tuyển Bóng đá nữ quốc gia, đóng góp quan trọng vào những chiến công vang dội trên đấu trường quốc tế.



Hình 6.16. Đội Bóng đá nữ Ninh Bình tại Giải Bóng đá nữ vô địch U16 quốc gia năm 2022



Hình 6.17. Đội Bóng đá nữ Ninh Bình tại Giải Bóng đá nữ quốc gia năm 2023

b) Thành tích cá nhân tiêu biểu

Ninh Bình tự hào là “cái nôi” đào tạo nên những tài năng xuất chúng cho thể thao nước nhà: Vận động viên Văn Thị Thanh: Một trong những huyền thoại của bóng đá nữ Việt Nam với danh hiệu Quả bóng Vàng năm 2003, Quả bóng Bạc năm 2005. Cô đã cùng đội tuyển quốc gia giành 3 Huy chương Vàng SEA Games vào các năm 2003, 2005, 2009 và vinh dự được nhận 2 Huân chương Lao động hạng Ba.

Vận động viên Nguyễn Thị Tuyết Dung: Chủ nhân của danh hiệu Quả bóng Vàng năm 2014, Huy chương Vàng Giải Bóng đá nữ Đông Nam Á và Huy chương Bạc SEA Games năm 2013.

Bên cạnh đó, tỉnh còn đóng góp nhiều tên tuổi xuất sắc khác, từng đoạt các danh hiệu Thủ môn xuất sắc nhất, Vua phá lưới tại các giải Vô địch quốc gia và U19 quốc gia như: Vũ Thị Lành, Đoàn Thị Hải Sâm, Nguyễn Thị Nguyệt, Nguyễn Thị Liễu,...

3.4. Duy trì và phát triển môn Bóng đá nữ ở tỉnh Ninh Bình

a) Định hướng

Rèn luyện và thi đấu các môn thể thao là nhu cầu tất yếu của mọi tầng lớp trong xã hội nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tâm vóc và chất lượng cuộc sống. Đầu tư cho thể thao chính là đầu tư cho con người và sự phát triển bền vững của địa phương.

Hiện nay, bóng đá nữ được coi là “thế mạnh” đặc biệt của thể thao tỉnh Ninh Bình. Với sự đầu tư bài bản, Ninh Bình đã trở thành trung tâm đào tạo bóng đá nữ lớn thứ ba cả nước (là một trong ba nguồn cung cấp cầu thủ chủ chốt cho đội tuyển quốc gia, sau thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh). Vì thế, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành nhiều chính sách đúng đắn nhằm duy trì và phát triển các môn thể thao nói chung, đặc biệt là môn bóng đá nữ.

b) Các giải pháp duy trì và phát triển

Tăng cường sự ủng hộ của các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức và cá nhân nhằm phát triển bóng đá nữ thành môn thể thao thành tích cao của tỉnh.

Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông như phát thanh, truyền hình, báo điện tử,... về công tác tuyển chọn, tập luyện và những thành tích vẻ vang của đội tuyển bóng đá nữ Ninh Bình tại các giải đấu trong nước và quốc tế.



Hình 6.18. Thi học sinh giỏi các môn thể thao học sinh phổ thông tỉnh Ninh Bình năm 2023

Phát triển bóng đá học đường, nâng cao chất lượng dạy và học môn Giáo dục thể chất trong các nhà trường. Duy trì hoạt động tập luyện thường xuyên của các đội tuyển bóng đá nữ cấp trường để tạo nền tảng vững chắc.

Tổ chức nhiều giải thi đấu bóng đá nữ dành cho lứa tuổi thanh thiếu niên, nhi đồng. Đây là cơ sở quan trọng để phát hiện, tuyển chọn những em có tố chất và đam mê vào đội tuyển năng khiếu của tỉnh.

Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên chuyên trách tại cơ sở.

Xây dựng các chế độ ưu đãi đặc thù và chính sách hỗ trợ việc làm cho vận động viên sau khi kết thúc sự nghiệp thi đấu, giúp các em yên tâm cống hiến cho thể thao tỉnh nhà.



Hình 6.19. Đội tuyển trẻ Bóng đá nữ U19 tỉnh Ninh Bình tập luyện

C. LUYỆN TẬP

1. Hãy nêu một số nét đặc trưng cơ bản của môn Đánh Măng.
2. Hãy nêu tác dụng của việc tập luyện môn Điền kinh đối với việc rèn luyện sức khỏe, phát triển thể chất con người.
3. Hãy nêu những thành tích nổi bật của môn Bóng đá nữ tỉnh Ninh Bình trong 5 năm gần đây.

D. VẬN DỤNG

Hãy sưu tầm tư liệu, xây dựng đoạn phim ngắn về các môn Đánh Măng, Điền Kinh, Bóng Đá nữ và chia sẻ đến mọi người. Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần tuyên truyền, quảng bá, tổ chức tập luyện, thi đấu để phát triển các môn thể thao trên ở địa phương em.

Giải thích thuật ngữ

STT	Thuật ngữ	Nghĩa sử dụng trong tài liệu
Chủ đề 2. KINH TẾ TỈNH NINH BÌNH		
1	OCOP	Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, phát triển sản phẩm đặc trưng của địa phương.
2	VietGAP	Bộ tiêu chuẩn thực hành sản xuất nông nghiệp tốt của Việt Nam nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.
Chủ đề 3. THƠ HIỆN ĐẠI TỈNH NINH BÌNH		
3	Bãi bồi	Chỉ khoảng đất rộng và tương đối bằng phẳng ở ven sông, ven biển hoặc nổi lên giữa dòng nước, được hình thành tự nhiên do sự bồi tụ, lắng đọng phù sa.
4	Con nước ròng	Là thuật ngữ chỉ giai đoạn mực nước triều rút xuống mức thấp nhất trong chu kì thủy triều.

Tài liệu tham khảo

1. Lã Đăng Bật, *Nước Đại Cồ Việt xưa và Cố đô Hoa Lư nay*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2017.
2. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 2012.
3. Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm, *Đại Việt sử kí tiền biên*, NXB Hồng Đức, Hà Nội, 2018.
4. *Nguyễn Khuyến, về tác gia và tác phẩm*, NXB Giáo Dục, 1998.
5. Nguyễn Tử Mẫn, *Ninh Bình toàn tỉnh địa chí khảo biên*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
6. *Nhân vật Lịch sử – Văn hoá Hà Nam*, NXB Hội Nhà văn, 2000.
7. Nhiều tác giả, *Thượng tướng Nguyễn Hữu An: Hồi kí và tác phẩm*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2011.
8. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, NXB Lao Động, 2012.
9. Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
10. Sở Văn hoá thông tin Nam Định, “Danh nhân Nam Định thế kỉ XX được tặng thưởng Giải thưởng Hồ Chí Minh”, 2001.
11. Tỉnh Uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam, Vũ Minh Giang, *Hà Nam trong cuộc đời và sự nghiệp của anh hùng dân tộc Lê Hoàn*, NXB Dân trí, 2020.
12. *Trần Tử Bình – Từ Phú Riêng đở đến mùa thu Hà Nội...*, NXB Lao Động, 2006.
13. Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu Lịch sử và Văn hoá Việt Nam, *Danh nhân đất Ninh Bình*, Hà Nội, 2000.
14. *Thực trạng kinh tế – xã hội tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021 – 2025*, NXB Kinh tế – Tài chính, 2025.
15. Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, Đề án “Chiến lược phát triển công nghiệp văn hoá, du lịch tỉnh Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, năm 2026.
16. Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, Báo cáo điều chỉnh quy hoạch tỉnh Ninh Bình thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, 2026.
17. Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình.

18. Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm giai đoạn 2026 – 2030.
19. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (2019), Thông tư số 08/2019/TT-BVHTTDL, Bộ Văn hoá, Thông tin và Thể thao (1992), Thập kỉ thế giới phát triển văn hoá, Hà Nội.
20. *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
21. Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình (2025), Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND về ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2025 – 2030.
22. Tỉnh Ủy Ninh Bình (2026), Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kì 2025 – 2030.

Bản quyền/nguồn hình ảnh

STT	Hình ảnh	Bản quyền/nguồn hình ảnh
Chủ đề 1. DANH NHÂN TỈNH NINH BÌNH		
1	Hình 1.1	Xuân Lâm
2	Hình 1.2 Hình 1.6 Hình 1.17 Hình 1.21	Nhóm tác giả
3	Hình 1.3	Nguyễn Thu Hiền
4	Hình 1.4	Báo Nhân Dân điện tử
5	Hình 1.5	Nam Trần – Báo Tuổi trẻ online
6	Hình 1.7	Bảo tàng Lịch sử Quốc gia
7	Hình 1.8	Trần Thị Thanh Nga
8	Hình 1.9	Báo và Phát thanh, Truyền hình Ninh Bình
9	Hình 1.10	Trang DulichHaNam.vn
10	Hình 1.11	Thông tấn xã Việt Nam
11	Hình 1.12 Hình 1.13	Cổng Thông tin điện tử Chính phủ Việt Nam
12	Hình 1.14	Báo Ninh Bình điện tử
13	Hình 1.15	Cổng thông tin điện tử Bộ Quốc phòng
14	Hình 1.16	Sách <i>Thượng tướng Nguyễn Hữu An: Hồi kí và tác phẩm</i>
15	Hình 1.18	Trang thông tin điện tử của Giáo hội Phật giáo Việt Nam
16	Hình 1.19	Báo Nam Định điện tử
17	Hình 1.20	Tư liệu lưu trữ tại Từ đường Nguyễn Khuyến ở Trung Lương, Bình Lục
Chủ đề 2. KINH TẾ TỈNH NINH BÌNH		
18	Hình 2.1 Hình 2.4	Thống kê tỉnh Ninh Bình
19	Hình 2.2	Nguyễn Huy Dũng
20	Hình 2.3	Trung tâm Khuyến nông Ninh Bình
21	Hình 2.5	Sở Du lịch Ninh Bình

STT	Hình ảnh	Bản quyền/nguồn hình ảnh
Chủ đề 3. THƠ HIỆN ĐẠI TỈNH NINH BÌNH		
22	Hình 3.1	Nhóm biên soạn thiết kế
23	Hình 3.2	Báo Tuổi Trẻ online, ngày 08/4/2026
24	Hình 3.3	Tạp chí Khoa Văn học của Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, số ra ngày 25/1/2018
25	Hình 3.4	Thư viện tỉnh Nam Định cũ
26	Hình 3.5	https://duyphitho.blogspot.com/2011/07/tran-lam-binh-ninh-binh-chum-tho-moi.html
Chủ đề 4. KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở NINH BÌNH		
27	Hình 4.1	https://www.facebook.com/share/1EhfA2iTRE/?mibextid=wwXlfr
28	Hình 4.2	Báo Dân Việt
29	Hình 4.3	Hình ảnh do chủ dự án cung cấp
30	Hình 4.4	https://baoninhbinh.org.vn/du-an-cua-htx-gio-song-hong-lot-vao-chung-ket-cuoc-thi-du-an-khoi-nghiep-thanh--2309151024000.html
Chủ đề 5. XÂY DỰNG CÁC SẢN PHẨM VĂN HOÁ NHẪM PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH NINH BÌNH		
31	Hình 5.1	Báo Ninh Bình điện tử
32	Hình 5.2 Hình 5.3 Hình 5.5 Hình 5.6	Nhóm tác giả biên soạn
33	Hình 5.4	Báo Thanh niên điện tử
Chủ đề 6. THỂ THAO NINH BÌNH – SỨC MẠNH TRUYỀN THỐNG VÀ HỘI NHẬP		
34	Hình 6.1 Hình 6.5	Báo Phú Thọ
35	Hình 6.2	Báo Người Lao Động
36	Hình 6.3	Phongphucorp.com
37	Hình 6.4 Hình 6.7	Báo Thanh Hoá
38	Hình 6.6	Facebook.com/ngoctanmedia (www.youtube.com/@TanNguyenmedia3)
39	Hình 6.8 Hình 6.13	Nhóm tác giả

STT	Hình ảnh	Bản quyền/nguồn hình ảnh
40	Hình 6.9 Hình 6.10 Hình 6.14 Hình 6.17 Hình 6.18 Hình 6.19	Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Ninh Bình
41	Hình 6.11	Báo Ninh Bình (Báo Hà Nam cũ)
42	Hình 6.12	Báo Ninh Bình (Báo Nam Định cũ)
43	Hình 6.15	Báo Gia đình và xã hội
44	Hình 6.16	Báo Lao Động

Nguồn bảng số liệu

STT	Bảng	Nguồn số liệu
Chủ đề 2. KINH TẾ TỈNH NINH BÌNH		
1	Bảng 2.1 Bảng 2.2 Bảng 2.3 Bảng 2.4 Bảng 2.5 Bảng 2.6 Bảng 2.7	Thống kê tỉnh Ninh Bình
Chủ đề 4. KHỞI NGHIỆP VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở NINH BÌNH		
2	Bảng 4.1	Thống kê tỉnh Ninh Bình

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH NINH BÌNH – LỚP 11
